

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo Vân

HẢI PHÒNG – 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG
VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo Vân

Giảng viên hướng dẫn: Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thảo Vân

Mã SV: 1912401012

Lớp : QT2301K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần xây dựng GM.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 – 2021 – 2022 của Công ty Cổ phần xây dựng GM.
- Số liệu, chứng từ về tiền lương và các nghiệp vụ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 03/2022 của Công ty Cổ phần xây dựng GM.
- Các loại sổ Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 334, 338, 333, Sổ chi tiết các TK 3382, 3383, 3384, 3386, 3335 của Công ty Cổ phần xây dựng GM.
- Số liệu về quy định tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Cổ phần xây dựng GM

Địa chỉ : Số 58 (Km1+400), Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận
Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn : Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 03 năm 2023

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 17 tháng 06 năm 2023

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

XÁC NHẬN CỦA KHOA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
<i>1. Lý do chọn đề tài</i>	<i>1</i>
<i>2. Mục tiêu tìm hiểu, nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>3. Đối tượng tìm hiểu, nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>4. Phạm vi tìm hiểu, nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>5. Phương pháp tìm hiểu, nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>6. Kết cấu nội dung đề tài</i>	<i>3</i>
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. TỔNG QUAN VỀ TIỀN LƯƠNG	4
<i>1.1.1 Khái niệm tiền lương</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2. Chức năng của tiền lương</i>	<i>4</i>
<i>1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới tiền lương</i>	<i>6</i>
<i>1.1.5. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp.....</i>	<i>7</i>
1.2. QUỸ LƯƠNG , CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	9
<i>1.2.1. Quỹ tiền lương</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2. Các khoản trích theo lương</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3. Thuế thu nhập cá nhân (Thuế TNCN)</i>	<i>13</i>
1.3. CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP	15
<i>1.3.1. Kế toán tiền lương</i>	<i>15</i>
<i>1.3.2. Chứng từ kế toán tiền lương</i>	<i>15</i>
<i>1.3.3. Tài khoản sử dụng</i>	<i>17</i>
<i>1.3.4. Quy trình hạch toán</i>	<i>17</i>
<i>1.3.5. Các hình thức hạch toán tiền lương</i>	<i>21</i>
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM.....	29
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM	29

2.1.1. Tên, quy mô và địa chỉ của Công ty cổ phần Xây dựng GM	29
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần Xây dựng GM	29
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần xây dựng GM.....	31
2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty	32
2.1.5. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các thành tựu của công ty.	33
2.2. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH CỦA CÔNG TY	34
2.2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần xây dựng GM	34
2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý	34
2.3. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY	35
2.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY	37
2.4.1. Các chính sách kế toán chung.....	37
2.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán	37
2.5. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRÊN PHẦN MỀM	39
2.5.1. Phần mềm kế toán Nhật Nam	39
2.5.2. Quy trình hạch toán theo toán máy.....	41
2.5.3. Tổ chức hệ thống báo cáo kết quả kế toán	41
2.6. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TIỀN LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM	42
2.6.1. Phương pháp hạch toán :	42
2.6.2. Thu nhập trong tháng:.....	43
2.6.3. Quy chế hưởng lương các ngày nghỉ và làm thêm giờ:	43
2.6.4. Hình thức và thời gian trả lương	44
2.6.5. Chế độ nghỉ.....	44
2.6.6. Quy chế nâng lương, nâng bậc lương.....	44
2.6.7. Chế độ thưởng	45
2.6.8. Phương pháp tính lương.....	46
2.6.9. Các khoản giảm trừ vào lương.....	90

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM	115
3.1. NHẬN XÉT CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM....	115
3.1.1. Ưu điểm:	115
3.1.2. Nhược điểm:	124
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM.....	126
KẾT LUẬN	136
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	137

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**1. Lý do chọn đề tài**

Không chỉ là tiền đề cho sự tiến hoá loài người, lao động còn là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của quá trình sản xuất. Lao động giữ vai trò quan trọng trong việc tái tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Trong quá trình lao động người lao động đã hao tổn một lượng sức lao động nhất định, do đó muốn quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục thì người lao động phải được tái sản xuất sức lao động. Trên cơ sở tính toán giữa sức lao động mà người lao động bỏ ra với lượng sản phẩm tạo ra cũng như doanh thu thu về từ lượng những sản phẩm đó, doanh nghiệp trích ra một phần để trả cho người lao động, đó chính là tiền công của người lao động (tiền lương). Tiền lương có thể nói là một trong những động lực kích thích con người làm việc hăng hái. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng tiền lương một cách hợp lý thì sẽ kích thích được năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần tạo nên lợi nhuận cho doanh nghiệp và đồng thời tăng thu nhập cho người lao động. Tiền lương của người lao động là một phần chi phí cấu thành giá trị lượng sản phẩm hay dịch vụ của doanh nghiệp. Chính vì vậy công tác quản lý tiền lương là một công việc quan trọng. Gắn với tiền lương là các khoản trích theo lương gồm Bảo hiểm xã hội (BHXH); Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN); Kinh phí Công đoàn (KPCĐ). Đây là các quỹ xã hội thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội đến từng người lao động.

Một doanh nghiệp, một xã hội được coi là phát triển khi lao động có năng suất, có chất lượng, và đạt hiệu quả cao. Như vậy, trong các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, yếu tố con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu. Người lao động chỉ phát huy hết khả năng của mình khi sức lao động mà họ bỏ ra được đền bù xứng đáng dưới dạng tiền lương.

Đặc biệt, trong điều kiện kinh tế hiện nay, công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động phải hết sức linh hoạt, thường xuyên sửa đổi, bổ sung sao cho đảm bảo phản ánh các yếu tố về sản xuất kinh doanh của đơn vị gắn với 3 lợi ích: Người lao động – Doanh nghiệp – Nhà nước.

Qua tìm hiểu, em nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, vì vậy em đã chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần xây dựng GM”*.

2. Mục tiêu tìm hiểu, nghiên cứu

- **Mục tiêu chung:**

Tìm hiểu, nghiên cứu những lý luận chung và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp, nắm được thực trạng công tác hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM. Qua đó, có thể so sánh, phân tích, xem xét sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân.

- **Mục tiêu cụ thể:**

- + Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tiền lương và các khoản trích theo lương.
- + Tìm hiểu và nghiên cứu phản ánh được thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.
- + Trên cơ sở thực trạng đã tìm hiểu, nghiên cứu có thể rút ra những ưu và nhược điểm của Công ty, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.

3. Đối tượng tìm hiểu, nghiên cứu

Công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM

4. Phạm vi tìm hiểu, nghiên cứu

Đối tượng tập trung nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.

- Về không gian: Công ty cổ phần xây dựng GM
- Về thời gian: Số liệu liên quan đến tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng GM trong 3 năm 2020 – 2021 – 2022 và đi sâu nghiên cứu kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 03 năm 2022.

5. Phương pháp tìm hiểu, nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài khóa luận này cần sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

a) *Phương pháp thu thập dữ liệu*

- **Phương pháp nghiên cứu tài liệu:** dùng để hệ thống hóa những kiến thức về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận cho đề tài. Từ đó, tiến hành công tác tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng tại công ty để đưa ra nhận xét, biện pháp hoàn thiện cho công tác kế toán tại doanh nghiệp dựa trên cơ sở các lý luận đã được hệ

thông trước đó. Những dữ liệu thứ cấp phục vụ cho đề tài nghiên cứu sẽ được thu thập qua Internet, các tài liệu chuyên ngành, ngoài ra, đề tài sẽ kế thừa và sử dụng những kết quả nghiên cứu trước trong lĩnh vực tương tự.

- **Phương pháp quan sát, phỏng vấn trực tiếp:** được dùng để tiếp cận sâu hơn công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng GM bằng cách phỏng vấn và quan sát công việc của các nhân viên kế toán của Công ty có liên quan đến nội dung của đề tài nghiên cứu như kế toán tổng hợp về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty, từ đó tiến hành mô tả được thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại đơn vị.

- **Phương pháp kế toán:** dùng để trình bày thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty cổ phần xây dựng GM. Các thông tin thu thập được về thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương từ việc phỏng vấn, quan sát thực tế ở phòng kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng GM sẽ được mô tả bằng các ví dụ thực tế và sổ sách được sử dụng tại Công ty.

- **Phương pháp phân tích:** được dùng để phân tích khái quát về tình hình chung của công ty và công tác kế toán tại doanh nghiệp, chủ yếu là phân tích số liệu liên quan tới công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.

6. Kết cấu nội dung đề tài

Đề tài gồm có 3 phần:

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ TÀI

Chương I: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.

Chương III: Một số kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng GM.

PHẦN III: KẾT LUẬN

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ TIỀN LƯƠNG

1.1.1 Khái niệm tiền lương

Theo tổ chức lao động Quốc tế (ILO), tiền lương là sự trả công hoặc thu nhập có thể biểu hiện bằng tiền và được ấn định bằng thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động, hoặc bằng pháp luật, pháp quy Quốc gia, do người sử dụng lao động phải trả cho người lao động theo hợp đồng lao động cho một công việc đã thực hiện hay sẽ phải thực hiện, hoặc những dịch vụ đã làm hoặc sẽ phải làm.

Việt Nam cũng đã vận dụng linh hoạt vào điều kiện kinh tế - xã hội nước ta, theo quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động 2019, lương (tiền lương) được quy định là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Như vậy, dưới góc độ pháp luật lao động: “Tiền lương được hiểu là số tiền mà người sử dụng lao động phải trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động, chất lượng hiệu quả công việc và điều kiện lao động, được xác định theo sự thỏa thuận hợp pháp hai bên trong hợp đồng lao động hoặc theo quy định của pháp luật.”

Về bản chất, tiền lương trong cơ chế thị trường gồm 3 trụ cột:

- + Tiền lương là giá cả sức lao động được biểu hiện bằng tiền của giá trị lao động mà người sử dụng lao động chi trả cho người lao động.
- + Tiền lương phụ thuộc vào quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu đủ sống do pháp luật quy định.
- + Tiền lương được xác định thông qua sự thỏa thuận giữa các bên trong quan hệ lao động, là khoản phải trả cho người lao động về công sức lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Chức năng của tiền lương

- **Chức năng tái sản xuất sức lao động**

Cùng với quá trình tái sản xuất của cải vật chất, sức lao động cũng cần được tái tạo, với các hình thái kinh tế xã hội khác nhau sẽ có sự tái sản xuất sức lao động khác nhau. Quá trình này thể hiện rõ ở sự tiến bộ của xã hội và sự tác động của khoa học- công nghệ. Quy trình tái sản xuất sức lao động được thể hiện qua việc trả công cho người lao động

bằng tiền lương. Như vậy, bản chất của tái sản xuất sức lao động là việc đảm bảo cho người lao động có một số tiền lương nhất định dùng cho sinh hoạt để họ có thể duy trì và phát triển sức lao động của mình, sản xuất ra sức lao động mới, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ để hoàn thành kỹ năng lao động và tăng cường chất lượng lao động.

- ***Là thước đo giá trị***

Khi tiền lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động tương ứng với giá trị sức lao động mà họ bỏ ra trong quá trình thực hiện công việc ta có thể xác định được hao phí lao động của toàn thể người lao động thông qua tổng quỹ lương cho toàn thể người lao động. Điều này cũng có nghĩa là công tác thống kê sẽ giúp cho nhà nước có thể hoạch định các chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu nhằm đảm bảo hợp lý thực tế.

- ***Kích thích lao động***

Trong quá trình lao động, lợi ích về kinh tế của người lao động là động lực sản xuất. Khi người lao động được trả công xứng đáng thì họ sẽ làm việc tích cực, không ngừng hoàn thiện mình. Ngược lại, nếu người lao động không được trả công xứng đáng sẽ có những biểu hiện tiêu cực không thuận lợi cho doanh nghiệp, thậm chí sẽ xảy ra đình công gây xáo trộn về chính trị, bất ổn xã hội. Việc tổ chức tiền lương và tiền công sẽ thúc đẩy, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động để đảm bảo công bằng trên cơ sở thực hiện tiền lương.

- ***Chức năng điều tiết lao động***

Trong việc thực hiện kế hoạch cân đối giữa các ngành, nghề ở các khu vực trên toàn quốc, nhà nước thường thông qua hệ thống thang bảng lương, các chế độ phụ cấp cho từng ngành nghề, khu vực để làm công cụ điều tiết lao động. Nhờ vậy, tiền lương cũng góp phần tạo ra một cơ cấu hợp lý để phát triển xã hội.

- ***Chức năng tích lũy***

Đảm bảo tiền lương cho người lao động không chỉ giúp họ duy trì được cuộc sống hằng ngày mà còn dự phòng cho cuộc sống lâu dài khi họ hết khả năng lao động hoặc gặp bất trắc.

- ***Công cụ quản lý Nhà nước***

Nhà nước ban hành Luật lao động để bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động để từ đó tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định nhằm góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động nhằm đạt mục tiêu của doanh nghiệp về năng suất, chất lượng lao động, tiến bộ xã hội,...

1.1.3. Ý nghĩa của tiền lương

Đối với người lao động, tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu để họ đảm bảo cho cuộc sống. Bên cạnh tiền lương, một số khoản thu nhập khác mà người lao động được nhận có thể kể đến như: Trợ cấp BHXH, tiền tăng ca, tiền thưởng KPI...

Trong doanh nghiệp, chi phí tiền lương là một bộ phận quan trọng hình thành nên giá thành sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Việc tổ chức sử dụng lao động hợp lý, thanh toán tiền lương và các khoản liên quan đúng hạn cho người lao động là một động lực quan trọng để người lao động chấp hành tốt kỷ luật lao động, hăng say làm việc từ đó nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đồng thời tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới tiền lương

a) Quan hệ cung cầu lao động

Khi cung về lao động lớn hơn nhu cầu về lao động thì tiền lương có xu hướng giảm và ngược lại, khi cung về lao động nhỏ hơn cầu về lao động thì tiền lương có xu hướng tăng và khi cung về lao động bằng cầu về lao động thì thị trường lao động đạt được trạng thái cân bằng và tiền lương lúc này là tiền lương cân bằng.

b) Môi trường doanh nghiệp

Cách chính sách về lương, phụ cấp, giá thành được doanh nghiệp áp dụng một cách triệt để sẽ thúc đẩy lao động nâng cao năng suất, chất lượng công việc. Bên cạnh đó, khả năng tài chính và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cũng tác động mạnh tới mức tiền lương.

c) Bản thân người lao động

Trình độ người lao động sẽ tỷ lệ thuận với mức tiền lương mà người lao động nhận được. Người lao động có trình độ cao trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp hoặc có trình độ cao trong công việc, lĩnh vực làm việc thì sẽ được mức lương cao và ngược lại. Ngoài ra, thâm niên công tác, kinh nghiệm làm việc cũng như mức độ hoàn thành công việc nhanh hay chậm cũng ảnh hưởng nhiều tới mức lương của người lao động.

d) Giá trị công việc

Các công việc có mức hấp dẫn cao, không nguy hiểm sẽ thu hút được nhiều lao động thì doanh nghiệp sẽ không bị sức ép tăng lương. Ngược lại, nếu công việc nhàm chán, không có sức hấp dẫn hoặc có yếu tố nguy hiểm thì doanh nghiệp phải có biện pháp đưa ra mức lương cao hơn hoặc phù hợp với yêu cầu của người lao động.

1.1.5. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp

Do tiền lương được trả căn cứ vào thời gian, khối lượng và chất lượng của người lao động nên việc tính và trả lương cho người lao động được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy theo đặc điểm, điều kiện sản xuất kinh doanh, tính chất công việc và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Trên thực tế nước ta thường áp dụng các hình thức trả lương theo thời gian, trả lương theo sản phẩm và trả lương khoán.

a. Trả lương theo thời gian

Theo hình thức này, tiền lương trả cho người lao động được tính theo thời gian làm việc, cấp bậc và thang lương theo tiêu chuẩn nhà nước quy định. Tùy theo yêu cầu và khả năng quản lý thời gian lao động của doanh nghiệp, việc tính lương theo thời gian lao động có thể tiến hành trả lương theo thời gian giản đơn hay trả lương theo thời gian có thưởng.

– **Trả lương theo thời gian giản đơn:**

Chế độ trả lương này là chế độ trả lương mà tiền lương nhận được của một người lao động do mức lương cấp bậc cao thấp và thời gian làm việc thực tế nhiều hay ít quyết định. Tùy theo tính chất lao động khác nhau mà mỗi ngành nghề nghiệp vụ có thể có một thang lương riêng. Trong mỗi tháng lương lại tùy theo trình độ nghiệp vụ, kỹ thuật chuyên môn mà chia thành nhiều bậc lương, mỗi bậc lương có một mức tiền lương nhất định. Chế độ tiền lương này chỉ áp dụng khi doanh nghiệp ghi chép đầy đủ thời gian làm việc và có đơn giá tiền lương thời gian.

Tiền lương thời gian là hình thức tiền lương tính theo thời gian làm việc cấp bậc hay chức danh và thang bậc lương theo quy định.

* **Tiền lương tháng** : Là tiền lương trả cho người lao động theo thang bậc lương quy định gồm tiền lương, cấp bậc và các khoản phụ cấp như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm...

Lương tháng = Mức lương cơ bản * (Hệ số lương + Hệ số phụ cấp lương)

* **Tiền lương tuần** : Là hình thức trả lương cho một tuần làm việc.

$$\frac{\text{Tiền lương}}{\text{tuần phải trả}} = \frac{\text{Tiền lương tháng} \times 12 \text{ tháng}}{52 \text{ tuần}}$$

* **Tiền lương ngày** : Là tiền lương trả cho một ngày làm việc, áp dụng cho những công việc có thể chấm công theo ngày, việc tính lương theo hình thức này sẽ khuyến khích người lao động đi làm đầy đủ.

$$\text{Tiền lương ngày} = \frac{\text{Tiền lương tháng}}{\text{Số ngày làm việc theo chế độ quy định trong tháng}}$$

* **Tiền lương giờ** : Là hình thức trả lương theo mức lương giờ và số giờ làm việc thực tế trong ngày.

$$\text{Tiền lương giờ} = \frac{\text{Tiền lương ngày}}{\text{Số giờ làm việc trong ngày theo chế độ}}$$

– *Trả lương theo thời gian có thưởng*

Chế độ trả lương này là chế độ trả lương kết hợp giữa chế độ trả lương giản đơn và tiền thưởng khi đạt được chỉ tiêu về số lượng và chất lượng đã quy định. Hình thức trả lương này không những phản ánh trình độ thành thạo và thời gian làm việc thực tế mà còn gắn với thành tích và năng suất làm việc. Do đó chế độ trả lương này ngày càng được áp dụng phổ biến hơn.

b. Trả lương theo sản phẩm

Tiền lương theo sản phẩm là hình thức trả lương theo sản lượng và chất lượng công việc đã hoàn thành. Hình thức này đảm bảo thực hiện đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động gắn chặt số lượng lao động với chất lượng lao động, động viên và khuyến khích người lao động nhiệt tình, say mê làm việc, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Trả lương theo sản phẩm phụ thuộc vào đơn giá tiền lương của một sản phẩm, công đoạn chế biến sản phẩm và số lượng sản phẩm công việc mà người lao động hoàn thành đủ tiêu chuẩn quy định. Để thực hiện tính lương theo sản phẩm cần phải có các điều kiện sau:

- Xây dựng được đơn giá tiền lương
- Phải tổ chức, hạch toán ban đầu sao cho xác định được chính xác kết quả của từng người hoặc từng nhóm lao động.
- Doanh nghiệp phải tổ chức, bố trí đầy đủ công việc cho người lao động.
- Phải có hệ thống kiểm tra chất lượng chặt chẽ.

c. Trả lương khoán

Hình thức trả lương này áp dụng cho những công việc giao khoán toàn bộ khối lượng công việc cho công nhân hoàn thành trong một thời gian nhất định. Hình thức trả lương này áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp để nâng cao hiệu quả công việc.

Có hai loại trả theo lương khoán:

- Hình thức lương khoán theo khối lượng sản phẩm hoặc công việc: là hình thức trả lương cho người lao động theo sản phẩm. Hình thức này thường được áp dụng cho những công việc lao động giản đơn, công việc có tính chất đột xuất như bốc vác, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm....
- Hình thức tiền lương khoán gọn theo sản phẩm cuối cùng: là tiền lương được tính được tính theo đơn giá tổng hợp cho sản phẩm hoàn thành đến công việc cuối cùng. Hình thức này áp dụng cho từng bộ phận sản xuất.

1.2. QUỸ LƯƠNG , CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

1.2.1. Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương là tổng tiền lương mà doanh nghiệp phải trả cho lao động thuộc doanh nghiệp quản lý. Thành phần quỹ lương bao gồm rất nhiều các khoản như lương thời gian, lương sản phẩm phụ cấp, tiền thưởng....Trong sản xuất, quỹ lương là yếu tố chi phí doanh nghiệp.

- Phụ cấp theo tiền lương: Phụ cấp là tiền trả cho người lao động ngoài tiền lương, để bù đắp thêm những yếu tố không ổn định hoặc vượt quá điều kiện bình thường nhằm khuyến khích người lao động yên tâm làm việc và bao gồm các loại phụ cấp: Phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại và nguy hiểm, phụ cấp ăn ca, ca đêm.
- Tiền thưởng: Chế độ thưởng bao gồm những quy định của nhà nước và đơn vị sử dụng lao động nhằm động viên người lao động làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tiền thưởng cho người lao động phải được xác định phù hợp với công sức của người lao động.

Quỹ lương của doanh nghiệp cần được quản lý và kiểm tra chặt chẽ đảm bảo việc sử dụng hợp lý và có hiệu quả. Quỹ lương thực tế phải thường xuyên đối chiếu với kế hoạch trong mối quan hệ với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ nhằm phát hiện khoản tiền lương không hợp lý, kịp thời đề ra các biện pháp nâng cao năng suất lao động góp phần hạ chi phí giá thành.

1.2.2. Các khoản trích theo lương

Các khoản trích theo lương là các khoản tiền mà người lao động phải đóng các khoản bảo hiểm và quỹ hỗ trợ khác từ tiền lương mà họ nhận được. Các khoản trích theo lương thường được quy định trong luật lao động và các quy định liên quan, và được tính dựa trên tổng số tiền lương mà người lao động nhận được mỗi tháng. Bên cạnh việc trả lương để bồi hoàn sức lao động mà người lao động bỏ ra, trả thưởng để khuyến khích người lao động thì doanh nghiệp còn xây dựng các quỹ trợ cấp thuộc phúc lợi xã hội gồm: Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN). Ngoài ra, doanh nghiệp còn có nguồn kinh phí cố định dùng cho hoạt động cố định hàng tháng như kinh phí công đoàn (KPCĐ). Việc hình thành các quỹ này thể hiện sự quan tâm của toàn thể xã hội cũng như của doanh nghiệp đối với người lao động. Với các quỹ này, người lao động được chăm lo về đời sống vật chất, tinh thần để yên tâm sản xuất. Các quỹ này được hình thành một phần do người lao động đóng góp, phần còn lại được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	1%	1%	2%
Tổng các khoản bảo hiểm	21,5%	10,5%	32%
Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm + KPCĐ	23,5%	10,5%	34 %

Bảng 1.1. Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/06/2021 (6 tháng)

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào CP của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17%	8%	25%
Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	1%	1%	2%
Tổng các khoản bảo hiểm	21%	10,5%	31,5%
Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm + KPCĐ	23%	10,5%	33,5 %

Bảng 1.2. Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/09/2021 (3 tháng)

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào CP của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17%	8%	25%
Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	0%	1%	1%
Tổng các khoản bảo hiểm	20%	10,5%	30,5%
Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm + KPCĐ	22%	10,5%	32,5%

Bảng 1.3. Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/06/2022 (9 tháng)

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào CP của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	0%	1%	1%
Tổng các khoản bảo hiểm	20,5%	10,5%	31%
Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm + KPCĐ	22,5%	10,5%	33%

Bảng 1.4. Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 30/09/2022 (3 tháng)

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	1%	1%	2%
Tổng các khoản bảo hiểm	21,5%	10,5%	32%
Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản bảo hiểm + KPCĐ	23,5%	10,5%	34%

Bảng 1.5. Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn từ ngày 01/10/2022 trở đi

1.2.2.1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)

Quỹ BHXH được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số quỹ tiền lương cấp bậc và các khoản phụ cấp (chức vụ, khu vực,...) của công nhân viên chức thực tế phát sinh trong tháng. Theo chế độ hiện hành (từ ngày 01/10/2022 đến nay), tỷ lệ trích BHXH là 25,5% trong đó:

- 17,5% do đơn vị hoặc chủ sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí kinh doanh (14% vào quỹ hưu trí và tử tuất, 3% vào quỹ ốm đau và thai sản, 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nếu đủ điều kiện và có văn bản đề nghị và được bộ LĐTBXH chấp thuận thì được đóng vào quỹ TNLĐ-BNN với mức 0,3%.)
- 8% do người lao động đóng góp và được trừ vào lương tháng.

Hiện nay, ở Việt Nam BHXH đang thực hiện các nghĩa vụ sau: trợ cấp ốm đau, trợ cấp thai sản, trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp tàn tật. Quỹ BHXH dùng để đài thọ cho công nhân viên có đóng góp vào quỹ trong các trường hợp:

- Người lao động mất khả năng lao động: hưu trí, trợ cấp thôi việc, tử tuất.
- Người lao động mất khả năng lao động tạm thời: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.2.2.2. Bảo hiểm y tế (BHYT)

BHYT thực chất là bảo trợ cho người tham gia BHYT về các khoản như: khám chữa bệnh, viện phí, thuốc thang...Người tham gia BHYT sẽ được hỗ trợ một phần kinh phí.

Quỹ BHYT được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương của công nhân viên chức thực tế phát sinh trong tháng. Tỷ lệ trích BHYT hiện hành (từ ngày 01/10/2022) là 4,5% trong đó 3% tính vào chi phí doanh nghiệp và 1,5% tính vào thu nhập người lao động. Quỹ này do cơ quan BHYT quản lý và trợ cấp cho người lao động qua mạng lưới y tế. Vì vậy, các cơ quan doanh nghiệp phải nộp hết 3% cho cơ quan BHYT để phục vụ chăm sóc cho cán bộ công nhân viên.

1.2.2.3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

Bảo hiểm thất nghiệp là khoản trích theo lương của người lao động để đóng bảo hiểm khi thất nghiệp. Bảo hiểm thất nghiệp là hình thức bảo hiểm bắt buộc với mục đích xã hội và không vì lợi nhuận. Theo Điều 42 Luật Việc làm 2013, quyền lợi khi tham gia BHTN bao gồm: Khoản tiền trợ cấp thất nghiệp; Hỗ trợ học nghề; Hỗ trợ tư vấn và giới thiệu việc làm; Hỗ trợ giúp đào tạo, nâng cao trình độ của nghề. Theo quy định của pháp luật, tỷ lệ đóng bảo hiểm thất nghiệp hiện nay (từ ngày 01/10/2022) là 1% trích từ lương của người lao động.

1.2.2.4 Kinh phí công đoàn (KPCĐ)

Để có nguồn kinh phí cho hoạt động công đoàn, hàng tháng doanh nghiệp còn phải trích một khoản để hình thành quỹ KPCĐ. Theo chế độ hiện hành (từ ngày 01/10/2022), KPCĐ được trích theo tỷ lệ 2% do người sử dụng lao động đóng. Toàn bộ số tiền trích theo quỹ này được hạch toán vào chi phí doanh nghiệp.

1.2.3. Thuế thu nhập cá nhân (Thuế TNCN)

Thuế là một khoản thu bắt buộc vào ngân sách Nhà nước, được pháp luật quy định rõ ràng với các tổ chức kinh tế và các thành viên trong xã hội.

Thuế Thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu đánh vào các khoản thu nhập của cá nhân như: tiền lương, các khoản đầu tư, thu nhập từ hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng vốn công ty cổ phần... và những khoản thu khác. Đối tượng nộp thuế Thu nhập cá nhân bao gồm: Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Luật thuế cá nhân phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế theo quy định Luật thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam (Căn cứ Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007).

Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 quy định về mức giảm trừ gia cảnh như sau:

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm). Thu nhập trên đã trừ đi các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc); các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học.
- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Nếu có 01 người phụ thuộc thì chỉ phải đóng thuế thu nhập cá nhân khi có tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công mỗi tháng trên 15.4 triệu đồng (có thêm 01 người phụ thuộc thì cộng thêm 4.4 triệu đồng).

- Cách tính thuế thu nhập cá nhân:

Căn cứ theo Phụ lục số 01/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 111/2013/TT-BTC

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế * Thuế suất

Bậc	Thu nhập tính thuế/tháng	Thuế suất	Tính thuế TNCN phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng	5%	0 trđ+5%TNNT	5% TNNT
2	Trên 5 trđ - 10 trđ	10%	0,25 trđ+10%TNNT trên 5 trđ	10%TNNT– 0.25trđ
3	Trên 10 trđ - 18 trđ	15%	0,75 trđ+15%TNNT trên 10 trđ	15%TNNT–0.75 trđ
4	Trên 18 trđ - 32 trđ	20%	1,95 trđ+20%TNNT trên 18 trđ	20%TNNT–1,65 trđ
5	Trên 32 trđ - 52 trđ	25%	4,75 trđ+25%TNNT trên 32 trđ	25%TNNT–3,25 trđ
6	Trên 52 trđ - 80 trđ	30%	9,75 trđ+30%TNNT trên 52 trđ	30%TNNT– 5,85trđ
7	Trên 80 trđ	35%	18,15 trđ+35% TNNT trên 80 trđ	35%TNNT–9,85trđ

Bảng 1.6. Tỷ lệ trích và các tính thuế TNCN

- **Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ**

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Tổng thu nhập} - \frac{\text{Các khoản thu nhập được miễn thuế}}{\text{thuế}} - \frac{\text{Các khoản thu nhập không chịu thuế}}{\text{thuế}}$$

1.3. CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Kế toán tiền lương

Kế toán tiền lương là người chịu trách nhiệm hạch toán tiền lương người lao động dựa theo các yếu tố: bảng chấm công, hợp đồng lao động, phụ cấp, bảng theo dõi tăng ca... Bên cạnh đó, kế toán tiền lương còn phải đảm bảo cân bằng giữa chi phí lương cho nhân viên và chi phí của doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp, kế toán tiền lương có nhiệm vụ:

- + Ghi chép, tổng hợp, phản ánh kịp thời về số lượng và chất lượng, thời gian sử dụng người lao động.
- + Hướng dẫn và giám sát các nhân viên kế toán tại bộ phận sản xuất kinh doanh, các phòng ban có liên quan về việc chấp hành các chính sách tiền lương, chế độ người lao động.
- + Thực hiện tính lương, bảo hiểm, phí công đoàn, làm thêm ngoài giờ... cho người lao động theo các chính sách và chế độ hiện hành và phát lương cho người lao động.
- + Phân tích tình hình sử dụng quỹ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn... nhằm phát hiện những sai phạm kịp thời, kiểm soát dòng tiền, đồng thời đề xuất những biện pháp cải thiện quỹ lương...

1.3.2. Chứng từ kế toán tiền lương

- + Bảng chấm công (Mẫu số 01a – LĐTL)
- + Bảng chấm công làm thêm giờ (Mẫu 01b – LĐTL)
- + Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu 02 – LĐTL)
- + Bảng thanh toán tiền thưởng (Mẫu 03 – LĐTL)
- + Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành (Mẫu số 05 – LĐTL)
- + Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ (Mẫu số 06 – LĐTL)
- + Bảng kê trích nộp các khoản theo lương (Mẫu số 10 – LĐTL)
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu 11 – LĐTL).

Bảng chấm công (BCC) dùng để theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc, nghỉ hưởng BHXH,... để có căn cứ tính trả lương, BHXH trả thay lương cho từng người và quản lý lao động trong đơn vị. Cuối tháng, người chấm công & người phụ trách bộ phận ký vào BCC và chuyển BCC cùng các chứng từ liên quan về bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu qui ra công để tính lương và BHXH. Công ty áp dụng 3 hình thức chấm công: Chấm công ngày, Chấm công theo giờ, Chấm công nghỉ bù.

Bảng chấm công làm thêm giờ (BCCLTG) được dùng để theo dõi ngày công thực tế làm thêm ngoài giờ để có căn cứ tính thời gian nghỉ bù hoặc thanh toán cho người lao động trong đơn vị. Cuối tháng, người chấm công, phụ trách bộ phận có người làm thêm ký và giám đốc hoặc người được ủy quyền duyệt vào BCCLTG và chuyển BCCLTG cùng các chứng từ liên quan về bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu, quy ra công để thanh toán.

Bảng thanh toán tiền lương là chứng từ làm căn cứ để thanh toán tiền lương, phụ cấp, các khoản thu nhập tăng thêm ngoài tiền lương, kiểm tra việc thanh toán tiền lương đồng thời là căn cứ để thống kê về lao động tiền lương. Cuối mỗi tháng căn cứ vào chứng từ liên quan, kế toán tiền lương chuyển cho kế toán trưởng soát xét xong trình cho giám đốc hoặc người được ủy quyền ký duyệt, chuyển cho kế toán lập phiếu chi và phát lương. Bảng thanh toán tiền lương được lưu tại phòng kế toán của đơn vị.

Bảng thanh toán tiền thưởng là chứng từ xác nhận số tiền thưởng cho từng người lao động, làm cơ sở để tính thu nhập của mỗi người lao động và ghi sổ kế toán. BTTTT do phòng kế toán lập theo từng bộ phận và phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và giám đốc.

Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành do người giao việc lập thành 2 liên: Liên 1 lưu và liên 2 chuyển chuyển đến kế toán tiền lương để làm thủ tục thanh toán cho người lao động. Trước khi chuyển đến kế toán phải có đầy đủ chữ ký của người giao việc, nhận việc, người kiểm tra chất lượng và người duyệt.

Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ đi kèm với bảng chấm công làm thêm giờ của tháng đó, có đầy đủ chữ ký của người lập biểu, kế toán trưởng, giám đốc hoặc người được ủy quyền duyệt. Bảng này được lập thành 1 bản để làm căn cứ thanh toán.

Bảng kê trích nộp các khoản theo lương dùng để xác định số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ mà đơn vị và người lao động phải nộp. Chứng từ này là cơ sở để ghi sổ KT về các khoản trích nộp theo lương. Bảng kê được lập thành 2 bản, phải có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của người lập, kế toán trưởng, giám đốc.

Bảng phân bổ tiền lương và BHXH dùng để tập hợp và phân bổ tiền công thực tế phải trả, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng lao động.

1.3.3. Tài khoản sử dụng

+ **Tài khoản 334 - Phải trả công nhân viên**

+ **Tài khoản 338 – Phải trả phải nộp khác**

Chi tiết: Tài khoản 3382 – Kinh phí công đoàn

Tài khoản 3383 – Bảo hiểm xã hội

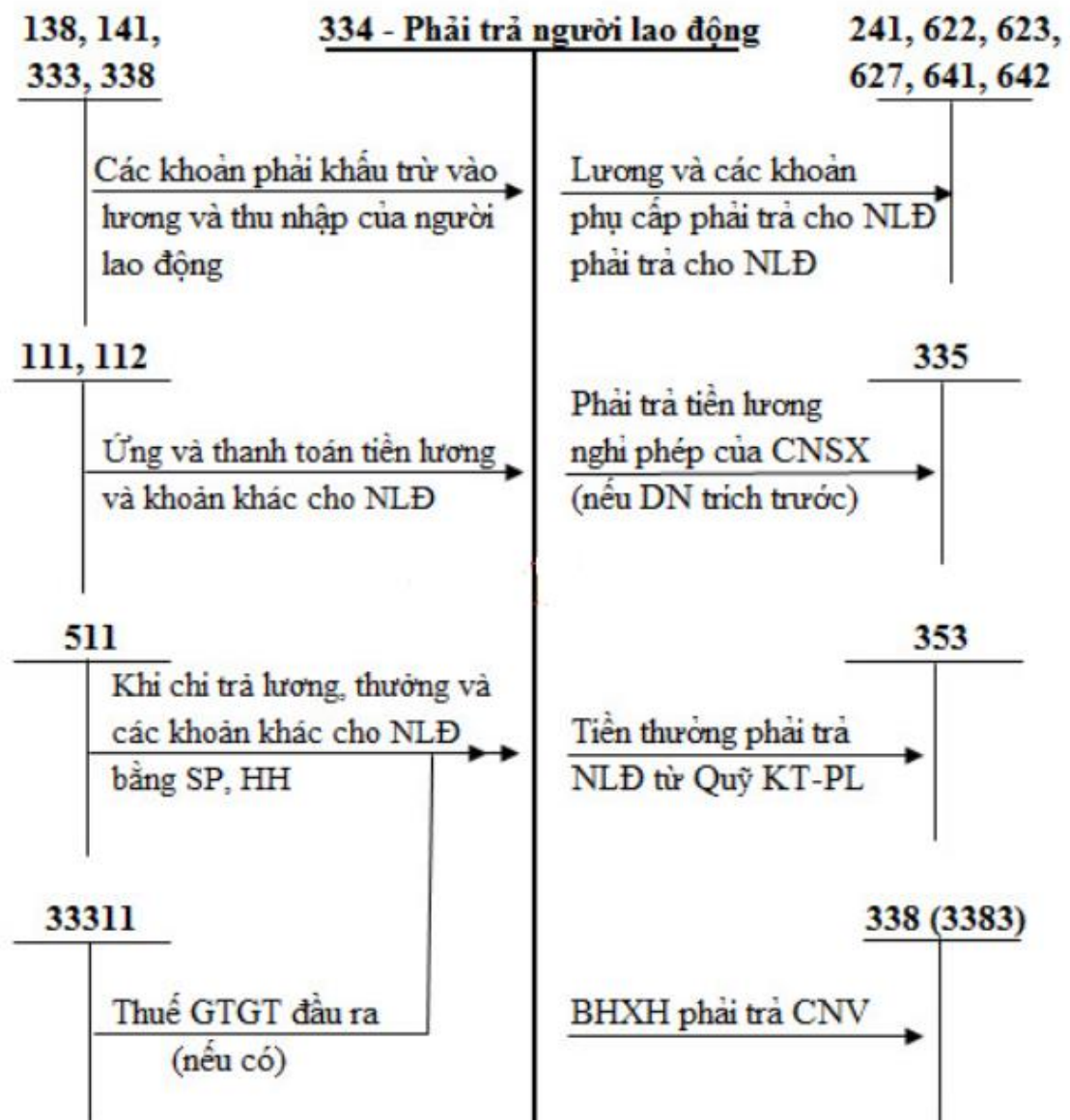
Tài khoản 3384 – Bảo hiểm y tế

Tài khoản 3386 – Bảo hiểm thất nghiệp

+ **Tài khoản: 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Chi tiết: Tài khoản 3335 – Thuế TNCN phải nộp

1.3.4. Quy trình hạch toán**1.3.4.1. Hạch toán chi lương và thưởng**



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- **Tính tiền lương và các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên**

Nợ TK 241, 622, 623, 627, 641, 642: Tổng lương và phụ cấp

Có TK 334: Tổng lương và phụ cấp

- **Tiền thưởng trả cho nhân viên**

- Xác định tiền thưởng cho nhân viên được trích từ quỹ khen thưởng:

Nợ TK 3531: Tiền thưởng phải trả nhân viên

Có TK 334: Tiền thưởng phải trả nhân viên

- Chi trả tiền thưởng cho nhân viên

Nợ TK 334: Tiền thưởng chi trả cho nhân viên

Có TK 111, 112: Tiền thưởng chi trả cho nhân viên

- *Tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả cho nhân viên:*

Hàng tháng, kế toán căn cứ vào kế hoạch để tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho nhân viên:

Nợ TK 622: Số tiền lương nghỉ phép trích trước

Có TK 335: Số tiền lương nghỉ phép trích trước

- Tiền lương thực tế phải trả cho nhân viên:

Nợ TK 335: Tiền lương nghỉ phép thực tế phát sinh

Có TK 334: Tiền lương nghỉ phép thực tế phát sinh

1.3.4.2 Hạch toán các khoản trích theo lương

- *Tính vào chi phí của doanh nghiệp*

Tổng tiền bảo hiểm
doanh nghiệp phải nộp = 21,5% X Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Nợ TK 241, 622, 623, 627, 641, 642: BHXH + BHYT + BHTN + KPCĐ

Có TK 3383 (BHXH): 17,5% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Có TK 3384 (BHYT): 3% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Có TK 3386 (BHTN): 1% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Có TK 3382 (KPCĐ): 2% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm (nếu có)

- *Trừ vào lương nhân viên*

Tổng tiền bảo hiểm
nhân viên phải nộp = 10,5% X Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Nợ TK 334: Tổng tiền bảo hiểm nhân viên phải nộp

Có TK 3383 (BHXH): 8% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Có TK 3384 (BHYT): 1,5% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Có TK 3386 (BHTN): 1% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

1.3.4.3. Hạch toán các khoản giảm trừ vào lương

- *Tạm ứng cho nhân viên*

- Trong kỳ, nếu có nhân viên tạm ứng lương, kế toán phải xác định số tiền lương tạm ứng thực tế phát sinh để trừ vào lương phải trả cho nhân viên và hạch toán:

Nợ TK 334: Số tiền tạm ứng thực tế phát sinh

Có TK 111, 112: Số tiền tạm ứng thực tế phát sinh

- *Thuế thu nhập cá nhân*

- Trong kỳ, nếu có nhân viên phát sinh thuế thu nhập cá nhân phải nộp, kế toán cần tiến hành xác định số thuế phải khấu trừ và trừ vào lương phải trả cho nhân viên:

Nợ TK 334: Số thuế TNCN khấu trừ

Có TK 3335: Số thuế TNCN khấu trừ

- Nộp thuế thu nhập cá nhân thay nhân viên:

Nợ TK 3335: Số thuế TNCN phải nộp

Có TK 111, 112: Số thuế TNCN phải nộp

1.3.4.4. Hạch toán trả lương cho nhân viên

- Khi hạch toán chi trả lương cho nhân viên, kế toán phải dựa vào Bảng thanh toán tiền lương, phiếu chi lương hoặc chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Tiền		Tổng tiền		Các khoản		Các khoản giảm
lương	=	lương, phụ	–	trích từ	–	trừ vào lương
thực trả		cấp, tiền		tiền lương		(tạm ứng, thuế
		thưởng		của NLĐ		TNCN)

Nợ TK 334: Số tiền lương thực trả

Có TK 111, 112: Số tiền lương thực trả

1.3.4.5. Hạch toán nộp tiền bảo hiểm

- Hàng tháng, doanh nghiệp trích tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (nếu có) trên tổng quỹ tiền lương phải trả nhân viên, kế toán hạch toán:

Nợ TK 3383 (BHXH): 25.5% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Nợ TK 3384 (BHYT): 4.5% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Nợ TK 3386 (BHTN): 2% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm

Nợ TK 3382 (KPCĐ): 2% x Tổng quỹ lương tham gia bảo hiểm (nếu có)

Có TK 111, 112: Tổng số tiền bảo hiểm + kinh phí công đoàn phải nộp

1.3.4.6. Hạch toán tiền BHXH phải trả cho nhân viên

- Trong kỳ, nếu có phát sinh nhân viên được hưởng chế độ ốm đau, thai sản thì kế toán phải hạch toán tiền BHXH trả cho nhân viên:

Nợ TK 3383 (BHXH): Số tiền chế độ được hưởng

Có TK 334: Số tiền chế độ được hưởng

- Sau khi doanh nghiệp nộp hồ sơ hưởng chế độ ốm đau, thai sản của nhân viên lên Cơ quan Bảo hiểm xã hội và nhận được tiền BHXH chuyển về, kế toán hạch toán.

Nợ TK 112: Số tiền nhận được

Có TK 3383 (BHXH): Số tiền nhận được

- Doanh nghiệp tiến hành chi trả cho nhân viên, kế toán hạch toán:

Nợ TK 334: Số tiền chế độ được hưởng

Có TK 111, 112: Số tiền chế độ được hưởng

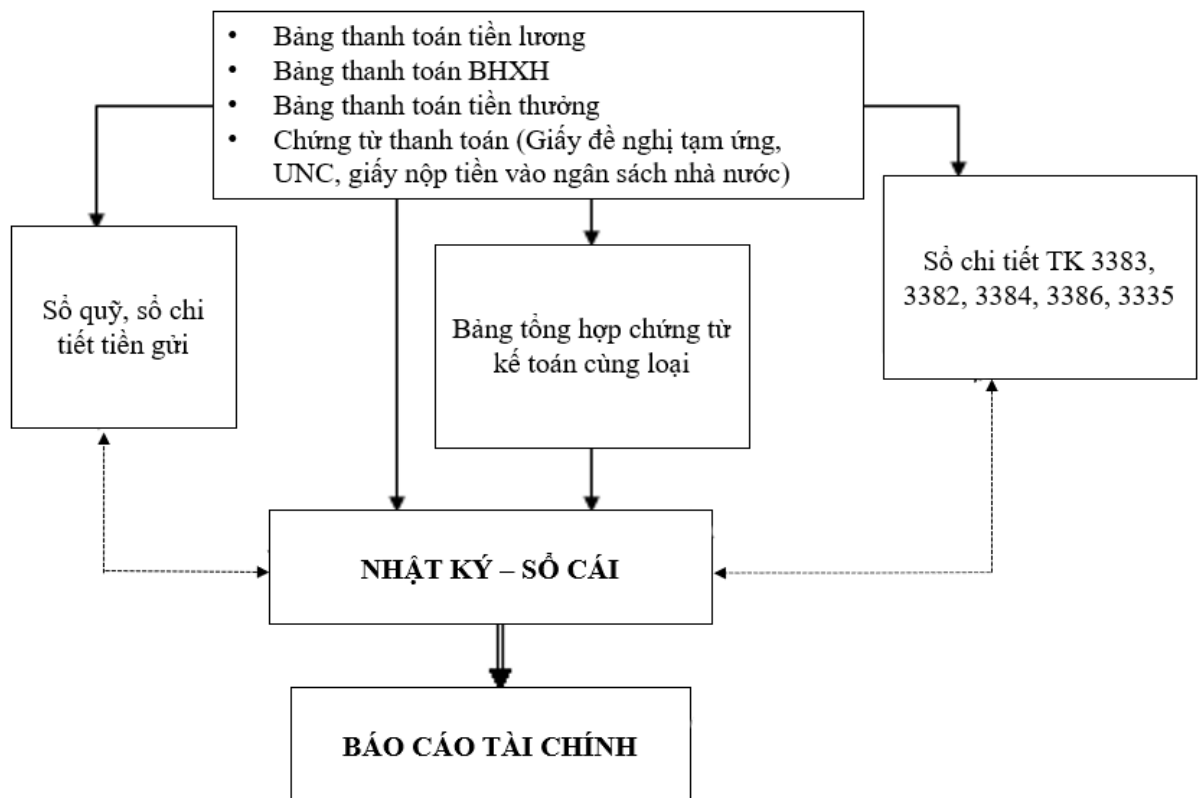
1.3.5. Các hình thức hạch toán tiền lương

1.3.5.1 Hình thức nhật ký – sổ cái

Mỗi khi nhận được chứng từ kế toán Bảng chấm công; Bảng kê trích nộp các khoản theo lương; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng thanh toán tiền lương; Giấy đề nghị tạm ứng; Ủy nhiệm chi... người giữ Nhật ký – Sổ cái phải kiểm tra tính chất pháp lý của từng chứng từ. Căn cứ vào nội dung nghiệp vụ ghi trên chứng từ để xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có. Đối với các chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập “Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại”. Sau đó ghi các nội dung cần thiết của chứng từ kế toán hoặc “Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại” vào Nhật ký – Sổ cái.

Cuối tháng phải cộng số tiền phát sinh ở phần nhật ký và số phát sinh nợ, số phát sinh có, tính ra số dư và cộng lũy kế số phát sinh từ đầu quý của từng tài khoản để làm căn cứ lập Báo cáo tài chính.

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu phù hợp với các đơn vị có quy mô nhỏ, ít nghiệp vụ kinh tế, nội dung hoạt động kinh tế đơn giản nên số tài khoản bố trí trong sổ Nhật ký – Sổ cái là ít.
- Nhược điểm: Tuy nhiên hình thức này không phù hợp với những đơn vị có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đa dạng về loại nghiệp vụ, khó khăn khi thực hiện phân công công việc cho các kế toán thực hiện ghi sổ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Sơ đồ 1.2. Quy trình hạch toán lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.5.2. Hình thức chứng từ ghi sổ:

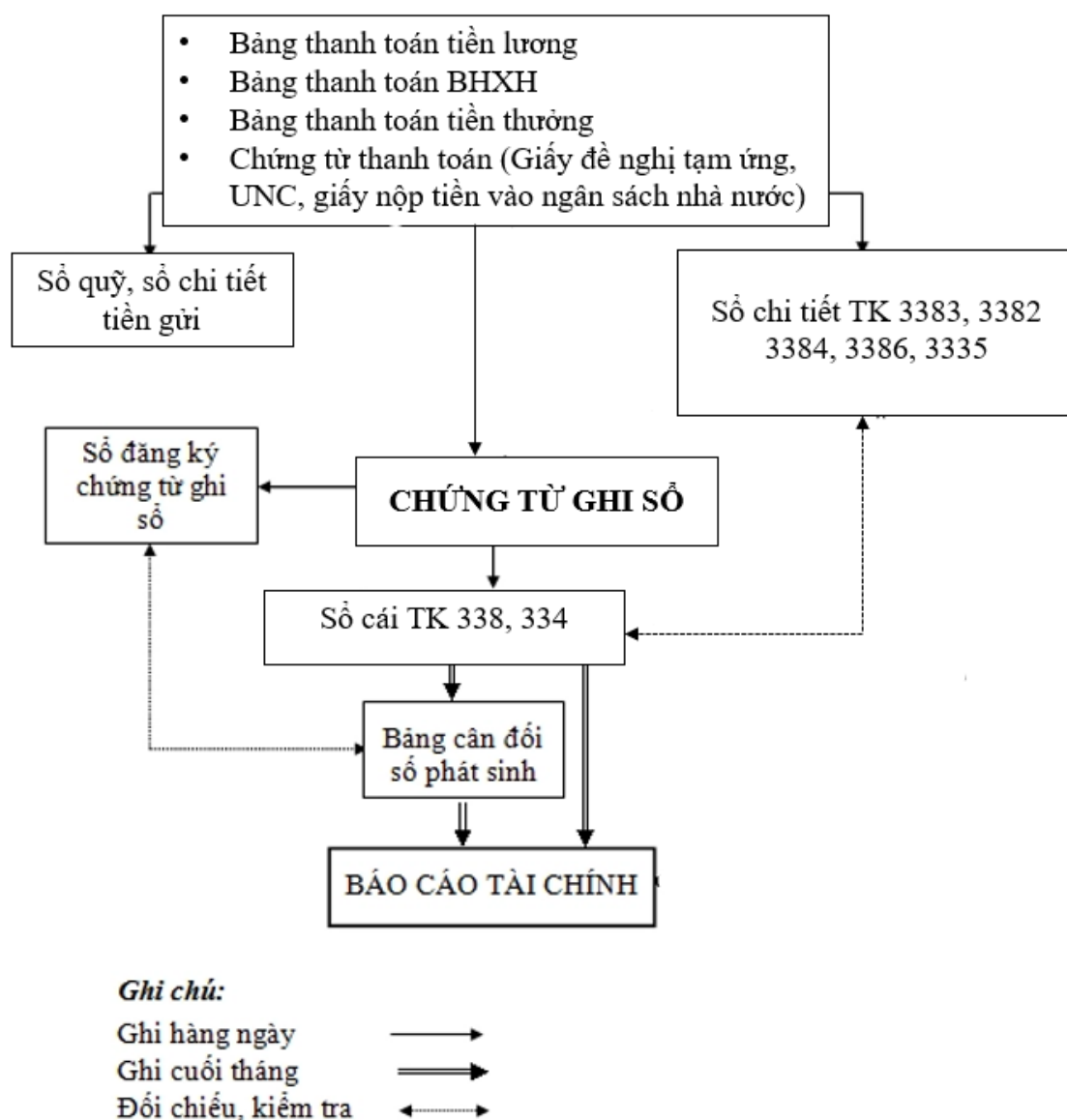
Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ kế toán Bảng chấm công; Bảng kê trích nộp các khoản theo lương; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng thanh toán tiền lương; Giấy đề nghị tạm ứng; Ủy nhiệm chi... đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái TK 334, 338. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ chi tiết các TK 3382, 3383, 3384, 3384, 3335.

Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số

phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối tài khoản.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi số. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

- Ưu điểm: Dễ dàng thực hiện phân công công việc cho các kế toán. Mỗi kế toán có thể phụ trách theo dõi từng phần hành: tiền lương, tài sản cố định...
- Nhược điểm: Việc ghi chép đôi khi bị trùng lặp. Một nghiệp vụ được phản ánh làm nhiều lần trước khi ghi vào Sổ Cái. Do vậy công việc ghi chép sẽ tăng lên hàng ngày.



Sơ đồ 1.3. Quy trình hạch toán lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

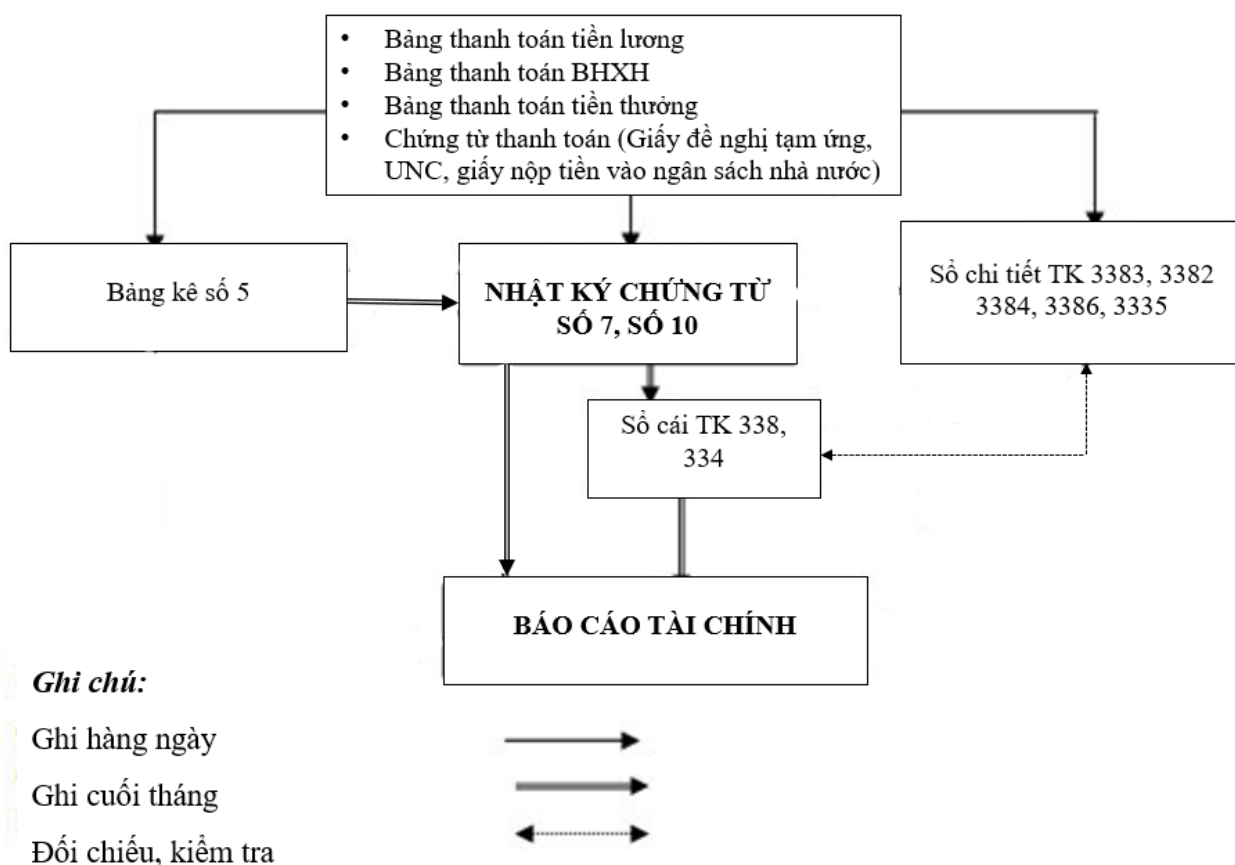
1.3.5.3. Hình thức nhật ký chứng từ

Căn cứ vào các chứng từ kế toán Bảng chấm công; Bảng kê trích nộp các khoản theo lương; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng thanh toán tiền lương; Giấy đề nghị tạm ứng; Ủy nhiệm chi... đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, số chi tiết các TK 3382, 3383, 3384, 3386, 3335. Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên

quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái TK 334, 338. Cuối tháng, cộng các số hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào số hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

- Ưu điểm: Có thể giảm nhẹ khối lượng công việc trong việc ghi sổ kế toán. Và việc kiểm tra đối chiếu vẫn sẽ được thực hiện thường xuyên. Có thể cung cấp thông tin kịp thời đến với người cần sử dụng.
- Nhược điểm: Mẫu sổ kế toán có hình thức phức tạp. Cần có yêu cầu trình độ cao với mỗi kế toán viên. Và đặc biệt là không thuận tiện trong việc có thể ứng dụng tin học vào việc ghi sổ kế toán.



Sơ đồ 1.4. Quy trình hạch toán lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

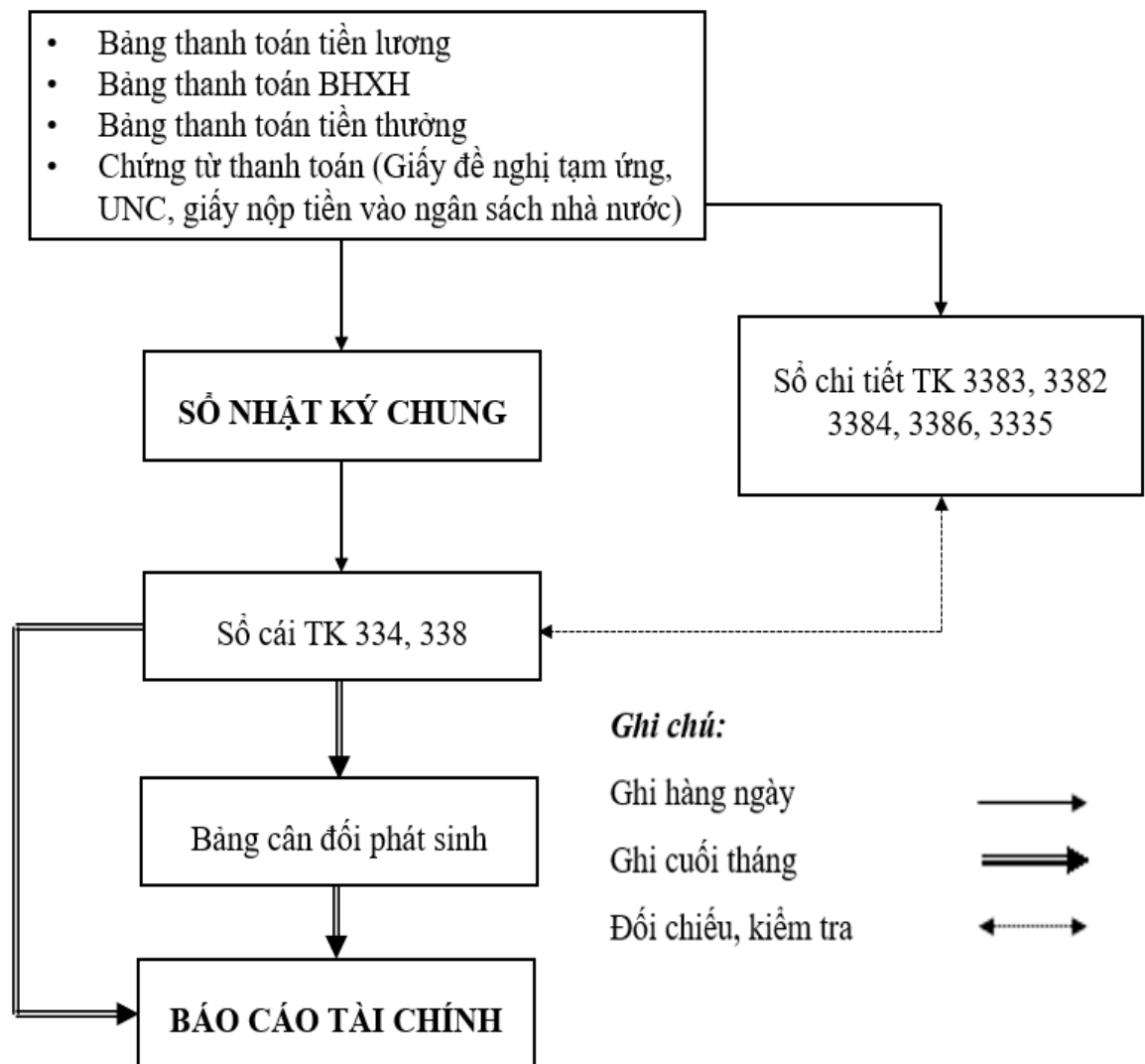
1.3.5.4. Hình thức nhật ký chung

Căn cứ vào các chứng từ Bảng chấm công; Bảng kê trích nộp các khoản theo lương; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng thanh toán tiền lương; Giấy đề nghị

tạm ứng; Ủy nhiệm chi... đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 334, 38 theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ kế toán chi tiết các TK 3382, 3383, 3384, 3386, 3335.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: - Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

- Ưu điểm: Vì các nghiệp vụ được thông kê trong sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu từng nghiệp vụ kinh tế. Bên cạnh đó, việc sử dụng sổ cái từ rời rất thuận tiện cho sử dụng các phần mềm kế toán.
- Nhược điểm: Cần tốn thời gian để kiểm tra và loại bỏ các nghiệp vụ trùng trước khi đưa vào sổ cái (do một nghiệp vụ có thể ghi vào cả sổ nhật ký chung, nhật ký chuyên dùng nhiều lần).



Sơ đồ 1.4. Quy trình hạch toán lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán Sổ nhật ký chung

1.3.5.5. Hình thức kế toán máy

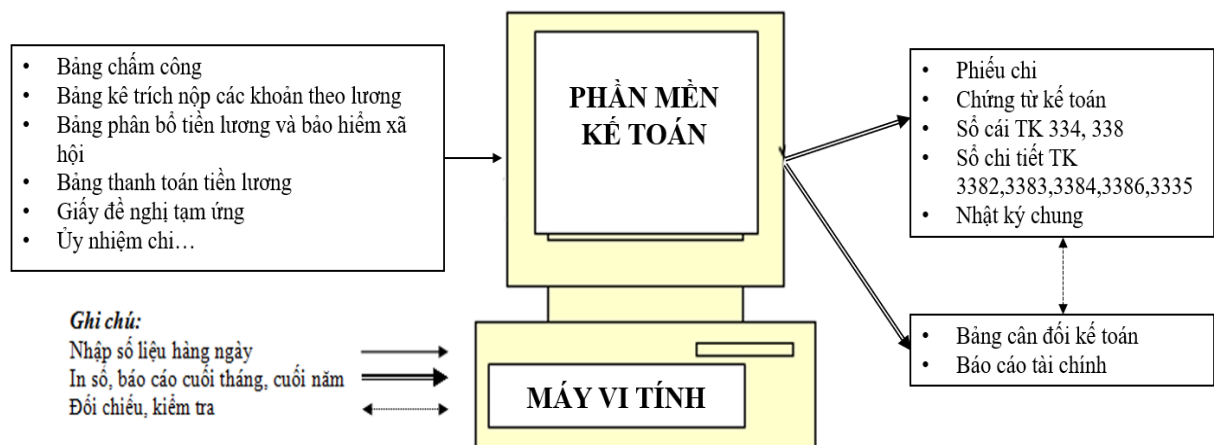
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ Bảng chấm công; Bảng kê trích nộp các khoản theo lương; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng thanh toán tiền lương; Giấy đề nghị tạm ứng; Ủy nhiệm chi... đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng,

biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.5. Quy trình hạch toán lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

2.1.1. Tên, quy mô và địa chỉ của Công ty cổ phần Xây dựng GM

- Tên tiếng Anh : GM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CGM
- Địa chỉ : Số 58 (Km1+400), Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 0225.3581185
- Email : gmcc@gmhaiphong.com
- Website : www.gmhaiphong.com

- Logo công ty : 
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000đ (Sáu mươi lăm tỷ đồng). Trong đó:
 - + Cổ phần thuộc Nhà nước là 0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần thuộc các cổ đông là 65.000.000.000đ chiếm 100% vốn điều lệ.
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần.
- Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Sáng - Giám Đốc
- Lĩnh vực hoạt động chủ yếu:
 - + Xây dựng các công trình: Công nghiệp, dân dụng, công cộng, thủy lợi, giao thông, đường dây và trạm biến thế điện, kỹ thuật hạ tầng trong các đô thị và khu công nghiệp.
 - + Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.
 - + Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
 - + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan đến xây dựng.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần Xây dựng GM

Công ty Cổ phần Xây dựng GM hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200906232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/04/2009 (Cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2020).

Công ty Cổ phần Xây dựng GM là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, với chức năng chính là thi công xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, dân dụng và công cộng, san lấp, làm đường...

Trải qua hơn 14 năm hoạt động, Công ty cổ phần Xây dựng GM đã hoàn thành tốt mọi yêu cầu nhiệm vụ, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Nhà nước, đảm bảo tăng trưởng liên tục. Hiện nay, Công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, cán bộ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, năng lực tài chính và kỹ thuật đảm bảo đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình có quy mô lớn và thực hiện các dự án đầu tư theo nhu cầu thị trường.

Trong những năm qua, Công ty đã tổ chức thực hiện thi công xây dựng hàng trăm công trình nhà ở, dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng tại Hải Phòng và một số tỉnh thành khác như Thái Bình, Bắc Ninh, Hà Tĩnh... Trong đó phải kể đến một số công trình dân dụng tiêu biểu nổi bật như: Nhà thấp tầng Damsan, Khu nhà ở thu nhập thấp Quang Trung, Bệnh viện đa khoa Quốc tế, Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng, Bệnh viện Quốc tế Sản nhi Hải Phòng,....

Với thiết kế kiến trúc phù hợp, kết cấu hạ tầng đồng bộ, các công trình tiện ích hoàn hảo, các dự án và công trình do Công ty Cổ phần xây dựng GM thực hiện luôn phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng cải thiện nhu cầu về nhà ở và nâng cao chất lượng cuộc sống. Chính bởi sự trách nhiệm, nhiệt tình, luôn không ngừng cập nhật, đổi mới sáng tạo, Công ty đã khẳng định được uy tín, vị trí của mình trên thị trường, trong lòng các đối tác và người tiêu dùng.

Để đáp ứng yêu cầu thời kì đổi mới, đối đầu với những thách thức của thời đại công nghệ ngày càng tiên tiến, Công ty đã chủ động điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp, tăng cường nâng cao tính chuyên nghiệp trong bộ máy điều hành nhằm tiếp cận với nhu cầu phát triển của nền kinh tế hội nhập.

Đặc biệt Công ty Cổ phần Xây dựng GM đã được nhận: GIẤY CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015 & ISO 1401:2015; CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG 1. Các công trình bàn giao được các chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng tốt và thi công đúng tiến độ.

Dù với số vốn không lớn, nhưng bằng nguồn lao động chất lượng, đội ngũ chuyên gia giỏi, cán bộ kỹ sư giàu năng lực, lực lượng công nhân tay nghề cao, các trang thiết bị máy móc và công nghệ xây dựng hiện đại, Công ty không ngừng củng cố và phát triển đa

dạng hóa sản phẩm và loại hình kinh doanh. Công ty không chỉ ổn định các phương thức kinh doanh, cải tiến công tác quản lý và tổ chức sản xuất, mà còn tập trung tìm kiếm phương thức kinh doanh mới nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Trong xu thế hội nhập hiện nay, với đội ngũ cán bộ công nhân luôn năng động, sáng tạo; cơ sở vật chất kỹ thuật không ngừng được đầu tư nâng cấp; đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên được quan tâm, cải thiện nâng cao, Công ty cổ phần Xây dựng GM đang ngày càng vững bước trên con đường phát triển và thực hiện tốt vai trò của một Nhà thầu và Nhà đầu tư, không ngừng hướng tới mong muốn được đóng góp những điều tốt đẹp cho xã hội.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần xây dựng GM

Công ty cổ phần xây dựng GM là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng và được phép hoạt động theo các chức năng sau:

1. Xây dựng công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác,...;
2. Tư vấn, thiết kế công trình dân dụng và nhà ở;
3. Sản xuất kinh doanh và lắp đặt đồ nội thất công trình;
4. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
5. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
6. Kinh doanh dịch vụ thương mại và xuất nhập khẩu;
7. Kinh doanh dịch vụ mua bán bất động sản;
8. Kinh doanh dịch vụ du lịch và vận tải hàng hóa.

Nhiệm vụ chính Công ty cổ phần xây dựng GM là đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký trong giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- + Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách và tạo nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng các kế hoạch, chính sách của công ty theo chiến lược lâu dài và định hướng hàng năm, hàng quý của công ty.
- + Mở rộng liên kết với các cơ sở kinh tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tăng cường hợp tác quốc tế.
- + Thực hiện các chế độ cho người lao động theo đúng quy định pháp luật cũng như nội quy công ty. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ, tay nghề, hỗ trợ các chính sách xã hội đúng đắn và kịp thời như chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

y tế, các hình thức khen thưởng, kỷ luật, thực hiện các biện pháp về an toàn vệ sinh lao động...

- + Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định pháp luật như kê khai thuế, nộp thuế.
- + Không ngừng đổi mới phương thức sản xuất và trang thiết bị sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức, đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty

Công ty Cổ phần xây dựng GM là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng nên sản phẩm của Công ty chủ yếu là những công trình xây dựng, kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp dài... Đặc điểm này đòi hỏi việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp nhất thiết phải lập dự toán, quá trình xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo, đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp.

Thời gian của sản phẩm xây lắp từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp của từng công trình. Quá trình thi công được chia ra thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành nhiều công việc khác nhau, các công việc thường diễn ra ngoài trời chịu tác động rất lớn của các nhân tố môi trường. Thời gian kéo dài còn chịu những thay đổi của tổ chức, con người, nhiều khi thay đổi chủ trương trong quá trình tạo ra sản phẩm xây dựng làm cho công trình “chấp vá” thiếu nhất quán, không đồng bộ. Đặc điểm này đòi hỏi việc phải tổ chức, thực thi, giám sát, nghiệm thu chặt chẽ sao cho đảm bảo chất lượng công trình như thiết kế, dự toán: các nhà thầu thường phải có trách nhiệm bảo hành công trình (chủ đầu tư giữ lại một tỷ lệ nhất định trên giá trị công trình, khi hết thời hạn bảo hành công trình mới trả lại cho đơn vị xây lắp)

Chính vì có những đặc điểm như trên mà phương pháp tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được áp dụng trong Công ty là phương pháp theo đơn đặt hàng.

Như vậy đặc điểm về sản xuất và quy trình công nghệ là cơ sở khách quan cho việc tổ chức và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Nó có vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính đặc trưng trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty Cổ phần Xây dựng GM

Với chính sách quản lý chất lượng: “**NHANH HƠN – TỐT HƠN – ĐẸP HƠN**”, Công ty Cổ phần Xây dựng GM luôn coi chất lượng là nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã, đang và sẽ luôn luôn tiến hành đổi mới, áp dụng duy trì và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc tham gia của tất cả các cán bộ công nhân viên có liên quan với phương châm: Chất lượng sản phẩm quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Do đó tất cả các cán bộ công nhân viên trong Công ty phải không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chất lượng sản phẩm cũng như của khách hàng.

Với mục tiêu xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, nâng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách Nhà nước, Công ty định hướng kinh doanh chính vào lĩnh vực xây lắp, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật,...

2.1.5. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các thành tựu của công ty.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo sự tăng trưởng, ổn định vững chắc mọi mặt, được thể hiện bằng các chỉ tiêu đã đạt được qua các năm:

TT	Danh mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Tổng tài sản	144.189.440.463	169.987.361.695	280.340.908.638
2	Doanh thu	226.531.147.221	244.833.363.293	384.217.166.717
3	Lợi nhuận trước thuế	2.204.699.073	2.319.902.779	3.909.014.112
4	Lợi nhuận sau thuế	1.763.759.258	1.837.097.346	3.127.211.290

Bảng 2.1: So sánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần xây dựng GM 3 năm 2020/2021/2022

Qua số liệu tài chính 3 năm gần đây của Công ty cho thấy Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Mặc dù các Công ty khác chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh covid-19 tuy nhiên Doanh thu Công ty trong 3 năm gần đây vẫn giữ ở mức ổn định, thậm chí tăng trưởng mạnh.

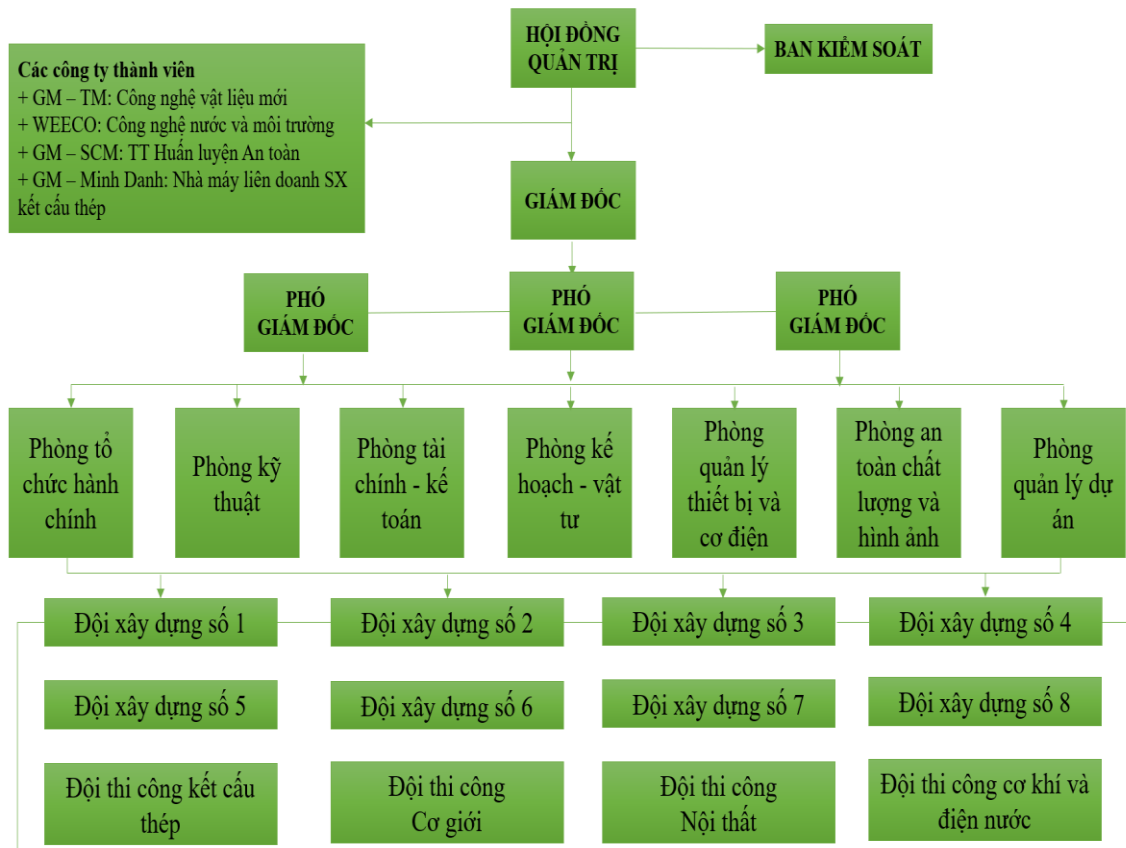
Từ đó cho thấy, Công ty có kế hoạch tổng thể, kế hoạch chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm và triển khai cụ thể từng tháng, từng quý và có sự

điều chỉnh bổ sung cho phù hợp, linh hoạt và hiệu quả với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

2.2. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH CỦA CÔNG TY

2.2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần xây dựng GM

Bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Xây dựng GM được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty Cổ phần Xây dựng GM

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý

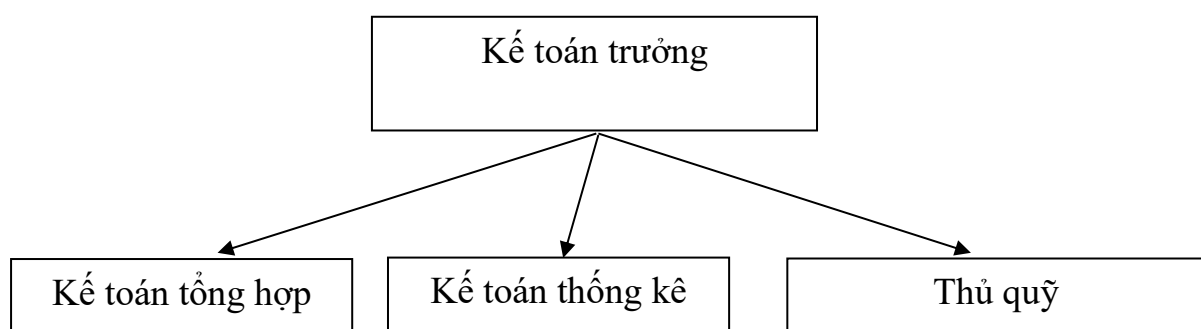
Quy chế hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng GM quy định cụ thể và ghi rõ chức năng nhiệm vụ trong Bộ máy quản lý của Công ty. Dưới đây là trích dẫn một số chức năng chính của các bộ phận trong công ty:

- *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan quản lý, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.
- *Giám đốc*: Là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, nắm quyền hành cao nhất và có quyền ra quyết định về các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phó giám đốc:** Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những công việc được giao nhiệm vụ, giúp Giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày.
- **Kế toán trưởng:** Là người phụ trách công tác kế toán, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả, phải theo dõi các nghĩa vụ với Nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của công ty.
- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu cho Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện đồng thời tiến hành kiểm tra, kiểm soát toàn bộ công tác tài chính, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo quy định của Luật kế toán, điều lệ tổ chức và hoạt động đơn vị và các quy định khác của Nhà nước.
- **Phòng Tổ chức – Hành Chính:** Theo dõi các chế độ, chính sách lương thưởng của người lao động cũng như nhân công lao động trực tiếp. Quản lý tất cả các tài sản của công ty.
- **Phòng Kế hoạch – Vật tư:** là phòng chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc thực hiện công tác quản lý các công trình, đầu tư mua sắm vật tư, thiết bị máy móc của Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật:** là phòng chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác: Lập các biện pháp thi công và dự toán các công trình, thiết kế, lập dự toán các công trình mà Công ty phụ trách, quản lý thực hiện hợp đồng chính và hợp đồng thầu phụ của Công ty.

2.3. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

Bộ máy Kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, nghĩa là phòng Kế toán là trung tâm thực hiện toàn bộ công tác Kế toán Tài chính của Công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ Kế toán tổng hợp, sổ Kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán. Đồng thời hướng dẫn kiểm tra bộ phận thống kê trong Công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ kinh tế tài chính do Nhà nước quy định.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Kế toán trưởng :

- Kế toán trưởng là người giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.
- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.
- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Kế toán tổng hợp

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng;
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTTC;
- Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Chủ tịch điều hành duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện;
- Lập phiếu nhập, xuất hàng hóa theo lệnh của chủ tịch điều hành. Lập biên bản công nợ cho khách hàng. Chủ động liên hệ với khách hàng thu hồi công nợ;
- Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hóa đơn, viết hóa đơn bán hàng;
- Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định;

Kế toán thống kê:

- Lập hợp đồng kinh tế, lập báo giá bán hàng cho khách hàng, lập giấy giới thiệu cho các CBCNV trong Công ty một cách kịp thời chính xác.

- Quản lý con dấu và đóng dấu vào các văn bản của Công ty, không được tự ý đưa dấu cho người khác đóng dấu.
- Mở sổ theo dõi công văn đi, công văn đến. Bảo mật các nội dung văn bản, công văn theo đúng nguyên tắc hành chính văn phòng.
- Hỗ trợ kế toán tổng hợp để hoàn thiện chứng từ đầu vào, đầu ra và các nghiệp vụ kế toán trong phòng kế toán.

Thủ quỹ:

- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc về thu, chi tiền trong kết quỹ theo chế độ hiện hành.
- Kiểm tra các phiếu thu, chi khi các phiếu thu đã đầy đủ chữ ký duyệt kèm theo chứng từ gốc thủ quỹ mới được mở kết cấp phát tiền.
- Thường xuyên cập nhật sổ quỹ kịp thời cuối ngày rút số dư báo cáo tồn quỹ. Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ kế toán.

2.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

2.4.1. Các chính sách kế toán chung

Hiện nay Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán là 1 năm, bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12
- Kỳ hạch toán theo năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 20%
- Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Bình quân gia quyền
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng.
- Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán máy sử dụng mẫu sổ của nhật ký chung.
- Phân loại chứng từ kế toán theo các phần hành: Chứng từ tiền mặt, chứng từ vật tư, chứng từ bán hàng...
- Định khoản các nghiệp vụ trên chứng từ: đây là bước trung gian nhưng rất quan trọng cho việc ghi sổ kế toán.

2.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán Doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

Các tài khoản chi tiết được quy định đến cấp 2. Đối với các tài khoản chi tiết, Công ty theo dõi chi tiết theo từng đối tượng khách hàng, mặt hàng, công trình và hợp đồng.

So cái tài khoản

Chọn thời gian in: Từ tháng 01/2022 Đến tháng 12/2022

Tìm tài khoản: []

Mỗi đối tượng là một báo cáo ☒ Các đối tượng chung một báo cáo ☐

Loại tiền VND ☐ Quý VND ☐

Chọn tài khoản muốn in:

Chọn	Không	Tài khoản	Tên tài khoản
☐	☐	111	Tiền mặt
☐	☐	1111	Tiền Việt nam
☐	☐	1112	Ngoại tệ
☐	☐	1113	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
☐	☐	112	Tiền gửi ngân hàng
☐	☐	1121	Tiền Việt nam
☐	☐	1122	Ngoại tệ
☐	☐	1123	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
☐	☐	113	Tiền đang chuyển
☐	☐	1131	Tiền Việt nam
☐	☐	1132	Ngoại tệ
☐	☐	121	Chứng khoán kinh doanh
☐	☐	1211	Cổ phiếu
☐	☐	1212	Trái phiếu
☐	☐	1218	Chứng khoán và công cụ tài chính khác
☐	☐	128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

In báo cáo Xem chứng từ Kết thúc Chọn tất

So chi tiết tài khoản

Chọn thời gian in: Từ tháng 01/2022 Đến tháng 12/2022

Tìm tài khoản: []

Mỗi đối tượng là một báo cáo ☒ Các đối tượng chung một báo cáo ☐

Loại tiền VND ☐ Quý VND ☐

Chọn tài khoản muốn in:

Chọn	Không	Tài khoản	Tên tài khoản
☐	☐	121	Chứng khoán kinh doanh
☐	☐	1211	Cổ phiếu
☐	☐	1212	Trái phiếu
☐	☐	1218	Chứng khoán và công cụ tài chính khác
☐	☐	128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
☐	☐	1281	Tiền gửi có kỳ hạn
☐	☐	1282	Trái phiếu
☐	☐	1283	Cho vay
☐	☐	1288	Đầu tư ngắn hạn khác
☐	☐	131	Phải thu của khách hàng
☐	☐	133	Thuế GTGT được khấu trừ
☐	☐	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
☐	☐	1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ
☐	☐	136	Phải thu nội bộ
☐	☐	1361	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc
☐	☐	1362	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá

In báo cáo Xem chứng từ Kết thúc Chọn tất

Hình 2.1: Hệ thống tài khoản của Công ty cổ phần xây dựng GM trên phần mềm kế toán

2.5. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRÊN PHẦN MỀM

2.5.1. Phần mềm kế toán Nhất Nam

Phần mềm kế toán Nhất Nam



Hình 2.2: Logo phần mềm kế toán Nhất Nam

Phần mềm kế toán Nhất Nam được xây dựng theo hướng mở rộng phù hợp với mọi yêu cầu quản lý tài chính kế toán của các đơn vị khác nhau và luôn được cập nhật theo các quyết định, các chuẩn mực kế toán, thông tư mới ban hành:

- Kế toán doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ:
 - Kế toán thi công xây dựng, giao thông, thủy lợi
 - Kế toán thương mại, nhà hàng, kho
 - Kế toán sản xuất
- Kế toán chủ đầu tư
- Kế toán hành chính sự nghiệp
- ❖ **Hệ thống tác nghiệp bao gồm:**
 - Kế toán vốn bằng tiền (Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay).
 - Kế toán công trình, hợp đồng, công nợ (thanh toán, tạm ứng, phải thu, phải trả khác).
 - Kế toán vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ.
 - Kế toán tài sản cố định.
 - Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
 - Kế toán nguồn vốn, các quỹ.
 - Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
 - Kế toán thuế GTGT.
 - Kế toán tổng hợp và lập các báo cáo tài chính.
 - Kế toán quản trị.

❖ Ưu điểm nổi trội của phần mềm

Báo cáo, sổ chi tiết đa dạng:

Sinh viên: Nguyễn Thị Thảo Vân – QT2301K

- Đầy đủ các sổ từ chi tiết đến tổng hợp về đối tượng công nợ, công trình, hợp đồng, dự án, các khoản mục chi phí.
- Các sổ chi tiết được in theo nhiều cách nhìn khác nhau như 1 đối tượng thực hiện nhiều công trình và ngược lại 1 công trình thực hiện bởi nhiều đối tượng.
- Các báo cáo phân tích giá thành theo vật tư, nhân công, chi phí máy, chi phí khác. Các sổ chi phí công trình, giao khoán.

Tạo nhiều dữ liệu: Tạo được nhiều dữ liệu cho nhiều công ty khác nhau mà không mất thêm phí

Thời gian xử lý dữ liệu liên năm: Thời gian xử lý dữ liệu, lưu trữ và in báo cáo của chương trình được thực hiện là liên năm. Giúp các doanh nghiệp dễ dàng có những báo cáo theo nhiều năm mà không phải in theo từng năm một rồi ghép lại với nhau.

Kỳ kế toán linh hoạt: Chương trình cho phép kế toán mở sổ không nhất thiết phải là tháng đầu năm mà có thể là tháng bất kỳ và chu kỳ kế toán không nhất thiết phải là 12 tháng.

Lấy lại dữ liệu chẳng may bị mất: khi đang sử dụng chương trình, mà bị mất điện hoặc máy tính tắt đột ngột, dữ liệu có thể bị hỏng, không sử dụng được nữa. Nhưng chúng tôi vẫn có thể khôi phục được dữ liệu hỏng đó với công cụ phục hồi bản quyền của sql2000.

Công cụ tìm kiếm nhanh chóng, chính xác: Tìm kiếm nhanh theo nhiều tiêu chí trong khi đang thao tác tại bất kỳ màn hình giao diện nào, tìm kiếm gần đúng đối với các bảng từ điển giúp kế toán viên không cần phải nhớ chính xác tên hoặc mã trong danh mục.

Bảng từ điển phân cấp: được tổ chức phân cấp theo N cấp rất thuận tiện, linh hoạt trong việc phân nhóm, phân loại thông tin.

Mô hình tổ chức:

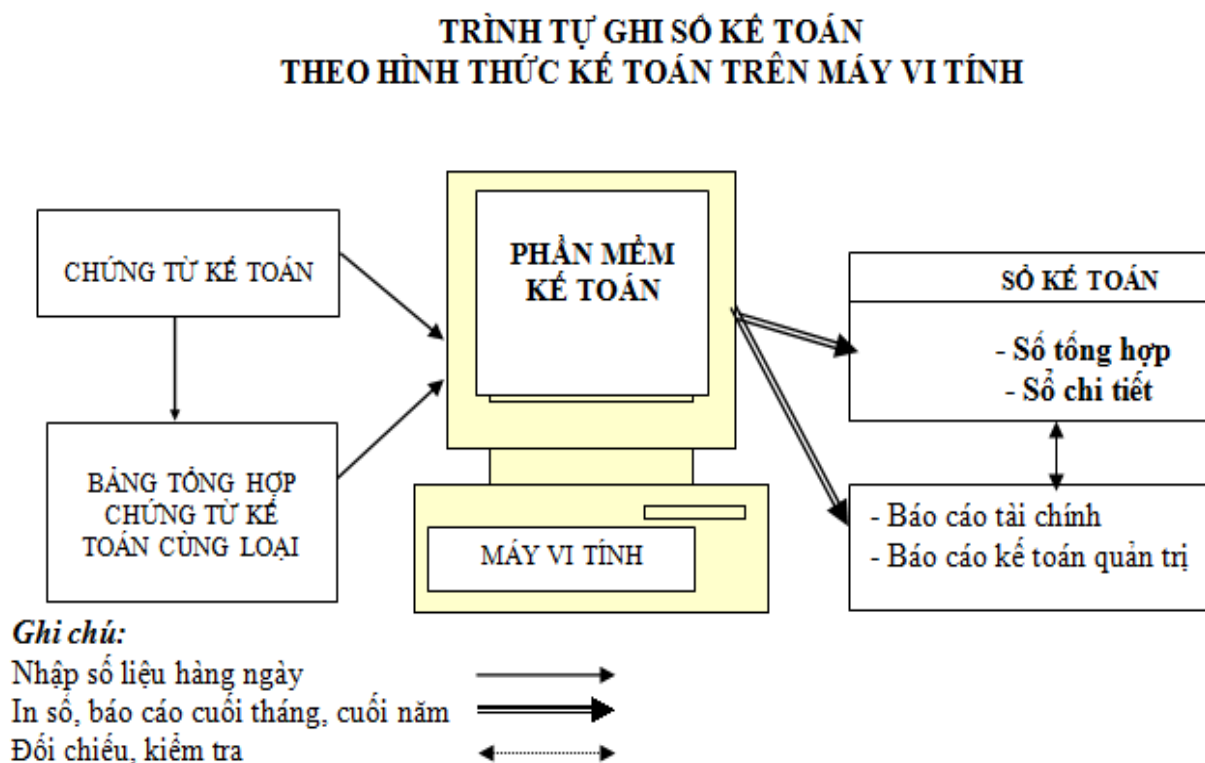
- Tổ chức phân cấp theo mô hình nhiều đơn vị thành viên.
- Dữ liệu được quản lý chi tiết theo từng đơn vị hoặc tổng hợp từ các đơn vị
- Hợp nhất báo cáo toàn bộ các đơn vị (có bù trừ công nợ nội bộ).

Hệ thống báo cáo quản trị: Ngoài các báo cáo quản trị đã có, tùy theo yêu cầu của doanh nghiệp, kế toán viên có thể tự tạo các báo cáo phục vụ quản trị tài chính riêng cho công việc của mình .

Kết xuất báo cáo: các báo cáo đều có thể kết xuất ra nhiều định dạng khác nhau như Excel, Word, XML, HTML, Lotus ... và giữ nguyên các định dạng cũng như công thức.

2.5.2. Quy trình hạch toán theo toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán để cập nhật các số liệu vào các sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản liên quan,...



Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

2.5.3. Tổ chức hệ thống báo cáo kết quả kế toán

Hiện nay Công ty đang báo cáo dưới hình thức báo cáo theo tháng, do vậy hàng tháng Công ty sẽ phải nộp về Cơ quan Thuế các loại báo cáo như:

- Tờ khai thuế GTGT Mẫu số: 01/GTGT (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);
- Tờ khai khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân Mẫu số: 05/KK-TNCN (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hàng tháng, Kế toán lập báo cáo công nợ khách hàng và tình hình sản xuất kinh doanh từng tháng gửi cho Ban giám đốc.

Cuối năm, Kế toán có nhiệm vụ tổng hợp và lên báo cáo tài chính năm gửi cho Cơ quan Thuế.

Các báo cáo tài chính lập theo quy định bắt buộc của chế độ kế toán doanh nghiệp gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.6. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TIỀN LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

2.6.1. Phương pháp hạch toán :

- Chứng từ sử dụng:

- + Bảng chấm công
- + Bảng chấm công làm thêm giờ
- + Bảng thanh toán tiền lương
- + Bảng thanh toán tiền thưởng
- + Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ
- + Bảng kê trích nộp các khoản theo lương
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 334 - Phải trả công nhân viên

+ Tài khoản 338 – Phải trả phải nộp khác

Chi tiết: Tài khoản 3382 – Kinh phí công đoàn

Tài khoản 3383 – Bảo hiểm xã hội

Tài khoản 3384 – Bảo hiểm y tế

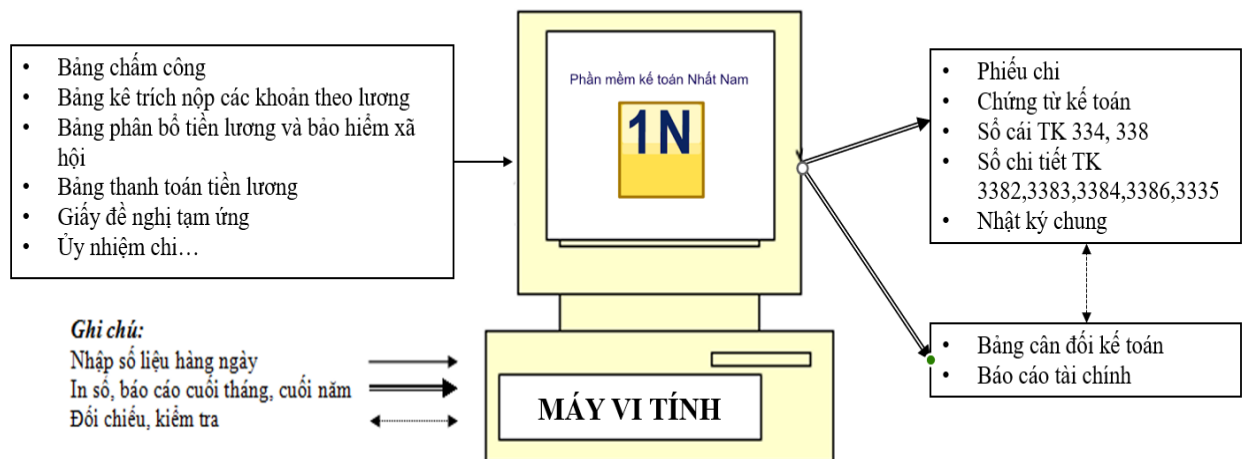
Tài khoản 3386 – Bảo hiểm thất nghiệp

+ Tài khoản: 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết: Tài khoản 3335 – Thuế TNCN

- Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào chứng từ gốc (Bảng chấm công, bảng chấm công làm thêm giờ, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán tiền thưởng, Ủy nhiệm chi...), kế toán nhập số liệu các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương vào phần mềm kế toán để cập nhật số liệu vào sổ Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 334, 338, Sổ chi tiết TK 3382, 3383, 3384, 3386, 3335, Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính,...

- Trình tự hạch toán tiền lương trên phần mềm kế toán:

Sơ đồ 2.4. Trình tự hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương trên phần mềm kế toán Nhất Nam

2.6.2. Thu nhập trong tháng:

Thu nhập trong tháng của mỗi nhân viên bao gồm:

- Tiền lương cơ bản: là mức lương trả cho người lao động căn cứ vào trình độ chuyên môn, tay nghề, vị trí làm việc và thời gian làm việc của CNCNV, là căn cứ để tính lương ngày nghỉ phép, lễ, hiếu/hỷ,.....
- Tiền lương hiệu quả công việc.
- Các khoản phụ cấp.
- Các khoản tiền thưởng theo lương (nếu có).

2.6.3. Quy chế hưởng lương các ngày nghỉ và làm thêm giờ:

a) Các ngày nghỉ được hưởng 100% lương bao gồm:

- Ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của luật lao động;
- Ngày nghỉ phép năm;
- Ngày nghỉ khám thai (áp dụng với CBCNV trong thời gian mang thai);
- Ngày điều trị tai nạn lao động (Theo chỉ định của bác sỹ)
- Ngày nghỉ tang ma, hiếu hỉ,....

Được tính theo quy định của Quy chế lao động.

b) Các ngày nghỉ được hưởng 75% lương bao gồm:

- Nghỉ ốm (Có xác nhận của cơ sở y tế);
- Nghỉ ngừng việc, chờ việc

Được tính theo quy định của luật lao động và luật BHXH

c) *Lương làm thêm giờ, làm ngày nghỉ lễ, tết.*

- Thời gian làm thêm giờ, số công làm ngoài ngày công tiêu chuẩn, công đi làm ngày nghỉ lễ, tết của người lao động chỉ được tính nếu có gửi kèm bảng chấm công thêm giờ (Có xác nhận của trưởng bộ phận).

- Cách tính cụ thể:

Làm thêm giờ ban ngày : 300% mức lương đóng bảo hiểm

Làm thêm giờ ban đêm : 450% mức lương đóng bảo hiểm

(Không áp dụng chế độ làm thêm đối với nhân viên thử việc)

2.6.4. Hình thức và thời gian trả lương

- Đối với cán bộ công nhân viên văn phòng: Trả lương theo thời gian là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ ngày làm việc thực tế của tháng.
- Đối với cán bộ công nhân viên công trình: Trả lương khoán theo tháng.
- Đối với nhân viên thử việc: Tùy từng vị trí công việc sẽ được hưởng 85% lương vị trí nhân viên chính thức, thời gian thử việc không quá 60 ngày.
- Thời gian trả lương gián tiếp vào ngày 20 – 25 hàng tháng, thời gian trả lương trực tiếp vào ngày cuối cùng của tháng.

2.6.5. Chế độ nghỉ

- Văn phòng: nghỉ 04 ngày/ tháng
- Công trường: nghỉ 02 ngày/ tháng
- Các ngày lễ, tết: Nghỉ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ nghỉ ốm, thai sản: Theo quy định của Nhà nước.
- Nghỉ kết hôn: Nghỉ 03 ngày
- Con kết hôn: Nghỉ 01 ngày
- Bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng, con, vợ/chồng chết: Nghỉ 03 ngày

2.6.6. Quy chế nâng lương, nâng bậc lương

a. *Quy chế nâng lương:*

Công ty thực hiện nâng lương 01 lần/năm khi Nhà nước có sự điều chỉnh về mức lương tối thiểu.

b. *Quy chế nâng bậc lương:*

Tiêu chuẩn xét nâng bậc lương:

+ Làm việc liên tục 05 năm trong công ty;

- + Không bị kỷ luật;
- + Hoàn tốt các nhiệm vụ được giao.

Căn cứ vào tiêu chuẩn trên, hàng năm Công ty sẽ tổ chức xét duyệt nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên đủ điều kiện.

2.6.7. Chế độ thưởng

- *Thưởng nâng suất:*
 - Căn cứ vào đánh giá hiệu quả công việc, mức thưởng cụ thể sẽ theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- *Thưởng Tết âm lịch:*
 - Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty sẽ quyết định hệ số tính thưởng tháng lương thứ 13 cho nhân viên. (Mức tối thiểu là 1 tháng lương cơ bản).

Tùy thuộc và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và khi có sự thay đổi các Quy định của Nhà nước, Quy chế lương – thưởng và các chế độ phúc lợi khác sẽ được lập lại cho phù hợp.

2.6.8. Phương pháp tính lương**2.6.8.1. Tính lương gián tiếp**

$$\begin{array}{l} \text{Tổng thu nhập trong tháng} = \text{Lương cơ bản} + \text{Thưởng năng suất} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương thêm giờ (Nếu có)} \end{array}$$

- *Lương cơ bản:* Theo bảng lương quy định của công ty
- *Thưởng năng suất*

STT	Vị trí, chức danh	Mức thưởng năng suất (đ)
1	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	7,000,000 - 10,000,000
2	Phó giám đốc	5,000,000 - 7,000,000
3	Trưởng, phó phòng	2,000,000 - 5,000,000
4	Cán bộ kỹ thuật phụ trách hiện trường	5,000,000 - 12,000,000
5	Nhân viên văn phòng	1,000,000 - 2,000,000
Tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh, Giám đốc công ty sẽ quy định mức thưởng cụ thể cho mỗi cán bộ nhân viên theo từng vị trí công việc, công trình.		

Bảng 2.2. Mức thưởng năng suất của Công ty Cổ phần xây dựng GM

- *Phụ cấp*

STT	Chức danh	Định mức phụ cấp hàng tháng		
		Ăn ca	Trang phục	Điện thoại
1	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	700.000	400.000	1.500.000
2	Phó giám đốc	700.000	400.000	1.000.000
3	Trưởng phòng	700.000	400.000	500.000
4	Phó phòng	700.000	400.000	400.000
5	Chỉ huy trưởng	700.000	400.000	500.000
6	Cán bộ kỹ thuật công trường	700.000	400.000	300.000

Bảng 2.3. Định mức phụ cấp hàng tháng của Công ty Cổ phần xây dựng GM

- *Tính lương làm thêm giờ*
 - Tiền lương trả cho người lao động khi làm thêm giờ ban ngày: Mức lương tháng/(26 ngày công x 8h/ngày) x 300% x số giờ làm thêm.
 - Tiền lương trả cho người lao động khi làm thêm giờ ban đêm: Mức lương tháng/(26 ngày công x 8h/ngày) x 450% x số giờ làm thêm.
- *Ví dụ:*

Tính lương của Trưởng phòng kỹ thuật tại công ty Cổ phần xây dựng GM vào tháng 02/2022.

Lương trên hợp đồng = Lương quy định trên bảng lương của công ty + phụ cấp

– Lương của trưởng phòng kỹ thuật trên bảng lương quy định của công ty là:
5.140.000

– Phụ cấp: Ăn ca: 700.000đ/ tháng

Điện thoại: 500.000đ/ tháng

Trang phục: 400.000đ/ tháng

Vậy tổng mức lương trên hợp đồng của trưởng phòng kỹ thuật là:

$$5.140.000đ + 700.000đ + 500.000đ + 400.000đ = 6.740.000đ/ tháng$$

- Thưởng năng suất tháng 2/2022: 6.069.769đ

- Lương làm thêm giờ: $19.5 \times 24,712 \times 300\% = 1.445.625đ$

Vậy tổng lương tháng 02/2022 của trưởng phòng kỹ thuật là:

$$6.740.000đ + 6.069.769đ + 1.445.625đ = 14.255.394đ$$

(Tính lương gián tiếp của các nhân viên khác thuộc bộ phận gián tiếp tương tự)

Công ty cổ phần xây dựng GM

Số 58 (km1+400) đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số: C01b - HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 2 năm 2022

Số TT	Họ và tên	Tháng 2 năm 2022																												Tổng cộng	Ghi chú		
		T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	Ngày trong tháng 2										T4	T5	T6			T7	CN
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28				
1	Trần Văn Vũ	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
2	Nguyễn Xuân Sáng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
3	Tạ Xuân Trường	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
4	Nguyễn Xuân Hưng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
5	Bùi Văn Dũng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
6	Nguyễn Văn Phòng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
7	Nguyễn Thế Trang	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	x				
8	Đỗ Xuân Bình	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
9	Bùi Huy Nhật	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
10	Vũ Văn Đạt	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
11	Nguyễn Trọng Linh	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	0	0	x	0	x				
12	Nguyễn Thị Thu	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	0	x	x	x	x	0	x				
13	Lê Thị Nhung	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
14	Đặng Thị Mai Anh	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
15	Hoàng Thị Vân	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
16	Phạm Trung Dũng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
17	Nguyễn Thị Thanh Thúy	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
19	Nguyễn Thị Phương	NL	NL	NL	NL	NL	x	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	0	0	0	0	0	0				
20	Nguyễn Thị Thanh Mơ	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
21	Lê Thị Thanh	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	0	0	0	0	0	0	0				
22	Đinh Công Thắng	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
23	Vũ Hoài Phương	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				
24	Lã Thị Thắm	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	x				
25	Đỗ Bích Thủy	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x				

Bảng chấm công chính của Bộ phận Văn phòng công ty Cổ phần xây dựng GM

Số TT	Họ và tên	Ngày trong tháng 2																												Tổng cộng	Ghi chú
		T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
26	Vũ Văn Mạnh	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
27	Trần Văn Huân	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
28	Đỗ Thị Nguyệt	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	0	x	x	0	x	0	0	x		16
29	Nguyễn Trường Xuân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		28
30	Hoàng Ngọc Đường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		28
31	Đỗ Văn Táp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		28
32	Lê Trần Trường	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
33	Trần Văn Trung	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
34	Lê Thị Thu Trang	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	0	0	0	0	0	0	0		13
35	Phí Quang Đàm	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
36	Đỗ Quang Trọng	NL	NL	NL	NL	NL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	0	x		22
37	Nguyễn Thị Thuần	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
38	Đặng Văn Bách	NL	NL	NL	NL	NL	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	0	x		19
39	Bùi Văn Văn	NL	NL	NL	NL	NL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	0	x		22

Người lập biểu

Phạm Trung Dũng

Phạm Trung Dũng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Giám Đốc



Nguyễn Xuân Sáng

Bảng chấm công chính của Bộ phận Văn phòng công ty Cổ phần xây dựng GM (Tiếp)

Công ty cổ phần xây dựng GM

Số 58 (km1+400) đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG TĂNG CA
Tháng 2 năm 2022

Số TT	Họ và tên	Ngày trong tháng 2																												Tổng số giờ	Ghi chú		
		T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2				
	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28				
1	Trần Văn Vũ																																
2	Nguyễn Xuân Sáng																																
3	Tạ Xuân Trường																																
4	Nguyễn Xuân Hưng																																
5	Bùi Văn Dũng							1			3		2		1	2		2	2	1		1	1	1	1	1	0,5					19,5	
6	Nguyễn Văn Phòng																																
7	Nguyễn Thế Trang												P																				
8	Đỗ Xuân Bình									1					1						2	1			1							6	
9	Bùi Huy Nhật											0,5								1				1								3,5	
10	Vũ Văn Đạt																																
11	Nguyễn Trọng Linh								1						1	1					1	1					1					6	
12	Nguyễn Thị Thu											1			1	1								1	1	1						6	
13	Lê Thị Nhung																																
14	Đặng Thị Mai Anh																																
15	Hoàng Thị Vân																																
16	Phạm Trung Dũng																																
17	Nguyễn Thị Thanh Thúy																																
18	Nguyễn Thị Phương Thảo																																
19	Nguyễn Thị Phương																																
20	Nguyễn Thị Thanh Mơ																																
21	Lê Thị Thanh																																
22	Đinh Công Thắng																																
23	Vũ Hoài Phương																																
24	Lã Thị Thắm																																
25	Đỗ Bích Thủy																																

Bảng chấm công làm thêm giờ của Bộ phận Văn Phòng Công ty Cổ phần xây dựng GM

Số TT	Họ và tên	Ngày trong tháng 2																																Tổng số giờ	Ghi chú
		T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2						
	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28						
26	Vũ Văn Mạnh							1	2	1	1						2,5	1	1			3	1		1	1						15,5			
27	Trần Văn Huân															1	1				1		1									5			
28	Đỗ Thị Nguyệt																																		
29	Nguyễn Trường Xuân																																		
30	Hoàng Ngọc Đường																																		
31	Đỗ Văn Táp																																		
32	Lê Trần Trường																																		
33	Trần Văn Trung																																		
34	Lê Thị Thu Trang																																		
35	Phí Quang Đàm																																		
36	Đỗ Quang Trọng																																		
37	Nguyễn Thị Thuần																																		
38	Đặng Văn Bách																																-		
39	Bùi Văn Vân																																		

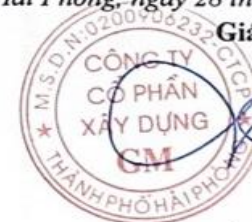
Người lập biểu



Phạm Trung Dũng

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Giám Đốc




Nguyễn Xuân Sáng

Bảng chấm công làm thêm giờ của Bộ phận Văn Phòng Công ty Cổ phần xây dựng GM (Tiếp)

Công ty cổ phần xây dựng GM
Số 58 (km1+400) đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng



BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÊM GIỜ BỘ PHẬN VĂN PHÒNG
Tháng 2 Năm 2022

STT	Họ và tên	Lương cơ bản	Mức lương cơ bản		Lương thêm giờ ban ngày(300%)		Lương thêm giờ buổi đêm (450%)		Phụ cấp ăn ca	Thực lĩnh	Ghi chú
			Ngày	Giờ	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền			
A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9
1	Trần Văn Vũ	7.522.000	289.308	36.163	0	0	0	0	0	0	
2	Nguyễn Xuân Sáng	7.522.000	289.308	36.163	0	0	0	0	0	0	
3	Tạ Xuân Trường	6.477.000	249.115	31.139	0	0	0	0	0	0	
4	Nguyễn Xuân Hưng	6.477.000	249.115	31.139	0	0	0	0	0	0	
5	Bùi Văn Dũng	5.140.000	197.692	24.712	19,5	1.445.625	0	0	0	1.445.625	
6	Nguyễn Văn Phòng	4.729.400	181.900	22.738	0	0	0	0	0	0	
7	Nguyễn Thế Trang	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
8	Đỗ Xuân Bình	4.809.000	184.962	23.120	6	416.163	0	0	0	416.163	
9	Bùi Huy Nhật	4.809.000	184.962	23.120	3,5	242.762	0	0	0	242.762	
10	Vũ Văn Đạt	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
11	Nguyễn Trọng Linh	4.809.000	184.962	23.120	6	416.163	0	0	0	416.163	
12	Nguyễn Thị Thu	4.809.000	184.962	23.120	6	416.163	0	0	0	416.163	
13	Lê Thị Nhung	5.140.000	197.692	24.712	0	0	0	0	0	0	
14	Đặng Thị Mai Anh	5.015.000	192.885	24.111	0	0	0	0	0	0	
15	Hoàng Thị Vân	4.729.400	181.900	22.738	0	0	0	0	0	0	
16	Phạm Trung Dũng	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
17	Nguyễn Thị Thanh Thúy	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	5.140.000	197.692	24.712	0	0	0	0	0	0	
19	Nguyễn Thị Phương	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
20	Nguyễn Thị Thanh Mơ	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
21	Lê Thị Thanh	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	
22	Đinh Công Thắng	4.729.400	181.900	22.738	0	0	0	0	0	0	

Bảng thanh toán lương làm thêm giờ của Bộ phận Văn Phòng Công ty Cổ phần xây dựng GM

23	Vũ Hoài Phương	5.397.000	207.577	25.947	0	0	0	0	0	0	0
24	Lã Thị Thắm	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
25	Đỗ Bích Thủy	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
26	Vũ Văn Mạnh	4.729.400	181.900	22.738	15,5	1.057.294	0	0	0	1.057.294	
27	Trần Văn Huân	4.729.400	181.900	22.738	5	341.063	0	0	0	341.063	
28	Đỗ Thị Nguyệt	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
29	Nguyễn Trường Xuân	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
30	Hoàng Ngọc Đường	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	500.000	500.000	
31	Đỗ Văn Táp	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	500.000	500.000	
32	Lê Trần Trường	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	500.000	500.000	
33	Trần Văn Trung	5.397.000	207.577	25.947	0	0	0	0	0	0	0
34	Lê Thị Thu Trang	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
35	Phí Quang Đam	4.729.400	181.900	22.738	0	0	0	0	0	0	0
36	Đỗ Quang Trọng	5.140.000	197.692	24.712	0	0	0	0	0	0	0
37	Nguyễn Thị Thuần	5.050.000	194.231	24.279	0	0	0	0	0	0	0
38	Đặng Văn Bách	4.809.000	184.962	23.120	0	0	0	0	0	0	0
39	Bùi Văn Văn	4.729.400	181.900	22.738	0	0	0	0	0	0	0
Cộng					61,5		-			5.835.234	

Bằng chữ: Năm triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng./.

Người Lập
(Ký, họ tên)



Phạm Trung Dũng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lê Thị Nhung



Giám đốc
(Ký, họ tên)



Nguyễn Xuân Sáng

Bảng thanh toán lương làm thêm giờ của Bộ phận Văn Phòng Công ty Cổ phần xây dựng GM (Tiếp)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Số 58 (Km 1+ 400) đường Phạm Văn Đồng - phường Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG BỘ PHẬN VĂN PHÒNG

Tháng 2/2022

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công	Lương đóng bảo hiểm	Thưởng năng suất	Thêm giờ	Trợ cấp công trường	Các khoản trợ cấp				Tổng lương	Các khoản giảm trừ				Thực lĩnh	Tạm ứng	Còn lại	Ký nhận
								Điện thoại	Ăn ca	Trang phục	Tổng		Bảo hiểm (10,5%)	Đoàn Phí (1%)	TNCN	Tổng cộng				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=5+6+7)	(9=1+2+3+4+7)	(10=1*10,5%)	(11)	(12)	(13=10+11+12)	(14=9-13)	(15)	(16=14-15)	(17)
I. BAN LÃNH ĐẠO																				
1	Trần Văn Vũ	Chủ tịch	19	7.522.000	8.127.615			1.500.000	700.000	400.000	2.600.000	18.249.615	789.810	75.000		864.810	17.384.805	600.000	16.784.805	
2	Nguyễn Xuân Sáng	Giám đốc	19	7.522.000	8.127.615			1.500.000	700.000	400.000	2.600.000	18.249.615	789.810	75.000		864.810	17.384.805		17.384.805	
3	Ta Xuân Trường	P.Giám đốc	19	6.477.000	7.777.577			1.000.000	700.000	400.000	2.100.000	16.354.577	680.085	65.000		745.085	15.609.492		15.609.492	
4	Nguyễn Xuân Hưng	P.Giám đốc	19	6.477.000	7.777.577			1.000.000	700.000	400.000	2.100.000	16.354.577	680.085	51.000	128.725	859.810	15.494.767	4.000.000	11.494.767	
II. PHÒNG KỸ THUẬT																				
5	Bùi Văn Dũng	TP Kỹ thuật	19	5.140.000	6.069.769	1.445.625		500.000	700.000	400.000	1.600.000	14.255.394	539.700	51.000		587.700	13.667.694		13.667.694	
6	Nguyễn Văn Phòng	CB kỹ thuật	19	4.729.400	4.902.438				700.000	400.000	1.100.000	10.731.838	496.587	47.000		543.587	10.188.251	500.000	9.688.251	
7	Nguyễn Thế Trang	CB kỹ thuật	11		3.870.308							3.870.308		52.000		52.000	3.818.308		3.818.308	
8	Đỗ Xuân Bình	CB kỹ thuật	19	4.809.000	3.202.231	416.163			700.000	400.000	1.100.000	9.527.394	504.945	48.000		552.945	8.974.449		8.974.449	
9	Bùi Huy Nhất	CB kỹ thuật	19	4.809.000	2.443.808	242.762			700.000	400.000	1.100.000	8.595.570	504.945	48.000		552.945	8.042.625		8.042.625	
10	Vũ Văn Đạt	CB kỹ thuật	17	4.809.000	2.347.962				700.000	400.000	1.100.000	8.256.962	504.945	48.000		552.945	7.704.017		7.704.017	
11	Nguyễn Trọng Linh	CB QC,QS	18	4.809.000	3.033.692	416.163			700.000	400.000	1.100.000	9.358.855	504.945	48.000		552.945	8.805.910		8.805.910	
12	Nguyễn Thị Thu	CB kỹ thuật	18	4.809.000	755.308	416.163			700.000	400.000	1.100.000	7.080.471	504.945	48.000		552.945	6.527.526		6.527.526	
III. PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN																				
13	Lê Thị Nhung	TP Kế toán	19	5.140.000	4.847.923			500.000	700.000	400.000	1.600.000	11.587.923	539.700	51.000		590.700	10.997.223		10.997.223	
14	Đặng Thị Mai Anh	PP Kế toán	12	5.015.000	2.434.154			400.000	700.000	400.000	1.500.000	8.949.154	526.575	50.000		576.575	8.372.579		8.372.579	
15	Hoàng Thị Văn	Nhân viên	11	4.729.400	1.717.015				700.000	400.000	1.100.000	7.546.415	496.587	47.000		543.587	7.002.828		7.002.828	
16	Phạm Trung Dũng	Nhân viên	19	4.809.000	1.658.846				700.000	400.000	1.100.000	7.567.846	504.945	48.000		552.945	7.014.901		7.014.901	
17	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Kế toán	26		1.000.000							1.000.000		48.000		48.000	952.000		952.000	
IV. PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ																				
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	TP Vật tư	19	5.140.000	4.847.923			500.000	700.000	400.000	1.600.000	11.587.923	539.700	51.000		590.700	10.997.223		10.997.223	
19	Nguyễn Thị Phương	Nhân viên	15	4.809.000	1.090.308				700.000	400.000	1.100.000	6.999.308	504.945	48.000		552.945	6.446.363		6.446.363	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công	Lương đóng bảo hiểm	Thưởng năng suất	Thêm giờ	Trợ cấp công trường	Các khoản trợ cấp				Tổng lương	Các khoản giảm trừ				Thực lĩnh	Tạm ứng	Còn lại	Ký nhận
								Điện thoại	Ăn ca	Trang phục	Tổng		Bảo hiểm (10,5%)	Đoàn Phí (1%)	TNCN	Tổng cộng				
20	Nguyễn Thị Thanh Mơ	Nhân viên	19	4.809.000	8.623				700.000	400.000	1.100.000	5.917.623	504.945	48.000		552.945	5.364.678		5.364.678	
21	Lê Thị Thanh	Nhân viên	13	4.809.000	434.000				700.000	400.000	1.100.000	6.343.000	504.945	48.000		552.945	5.790.055		5.790.055	
22	Đinh Công Thắng	Thủ kho	19	4.729.400	2.506.246		730.769	300.000	700.000	400.000	1.400.000	9.366.415	496.587	47.000		543.587	8.822.828		8.822.828	
V. PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH																				
23	Vũ Hoài Phương	TP Hành chính	19	5.397.000	4.660.115			500.000	700.000	400.000	1.600.000	11.657.115	566.685	54.000		620.685	11.036.430		11.036.430	
24	Là Thị Thắm	Nhân viên	7	4.809.000	903.500				700.000	400.000	1.100.000	6.812.500	504.945	48.000		552.945	6.259.555		6.259.555	
25	Đỗ Bích Thủy	Nhân viên	19		3.674.746							3.674.746					3.674.746		3.674.746	
26	Vũ Văn Mạnh	Lái xe	19	4.729.400	1.817.131	1.057.294			700.000	400.000	1.100.000	8.703.825	496.587	47.000		543.587	8.160.238		8.160.238	
27	Trần Văn Huân	Lái xe	19	4.729.400	1.817.131	341.063			700.000	400.000	1.100.000	7.987.594	496.587	47.000		543.587	7.444.007		7.444.007	
28	Đỗ Thị Nguyệt	Tap vụ	16		3.384.615							3.384.615		47.000		47.000	3.337.615		3.337.615	
29	Nguyễn Trường Xuân	Bảo vệ	28		4.200.000	500.000						4.700.000		47.000		47.000	4.653.000		4.653.000	
30	Hoàng Ngọc Đường	Bảo vệ	28		3.500.000	500.000						4.000.000		47.000		47.000	3.953.000		3.953.000	
31	Đỗ Văn Táp	Bảo vệ	28		3.500.000	500.000						4.000.000		47.000		47.000	3.953.000		3.953.000	
VI. BAN AN TOÀN																				
32	Lê Trần Trường	Trưởng ban	19	5.397.000	4.660.115			500.000	700.000	400.000	1.600.000	11.657.115	566.685	54.000		620.685	11.036.430		11.036.430	
33	Trần Văn Trung	Phó ban	19		7.528.923			400.000	700.000	400.000	1.500.000	9.028.923		48.000		48.000	8.980.923		8.980.923	
34	Lê Thị Thu Trang	Nhân viên	13	4.729.400	501.746				700.000	400.000	1.100.000	6.331.146	496.587	47.000		543.587	5.787.559		5.787.559	
VII. PHÒNG QL THIẾT BỊ, CƠ GIỚI																				
35	Phí Quang Đàm	Trưởng phòng	19	5.140.000	4.921.000		428.571	400.000	700.000	400.000	1.500.000	11.989.571	539.700	48.000		587.700	11.401.871		11.401.871	
36	Đỗ Quang Trọng	Phó phòng	22	5.050.000	5.033.286		71.429	400.000	700.000	400.000	1.500.000	11.654.715	530.250	51.000		581.250	11.073.465		11.073.465	
37	Nguyễn Thị Thuần	Nhân viên	19	4.809.000	443.577				700.000	400.000	1.100.000	6.352.577	504.945	48.000		552.945	5.799.632		5.799.632	
38	Đặng Văn Bách	CB Điện	19	4.729.400	3.545.614			400.000	700.000	400.000	1.500.000	9.775.014	496.587	47.000		543.587	9.231.427		9.231.427	
39	Bùi Văn Văn	Nhân viên	22	4.729.400	5.077.757		714.286		700.000	400.000	1.100.000	11.621.443	496.587	48.000		544.587	11.076.856		11.076.856	
Cộng				160.151.200	138.150.194	5.835.234	1.945.055	9.800.000	22.400.000	12.800.000	45.000.000	351.081.682	16.815.876	1.914.000	128.725	18.858.601	332.223.081	5.100.000	327.123.081	

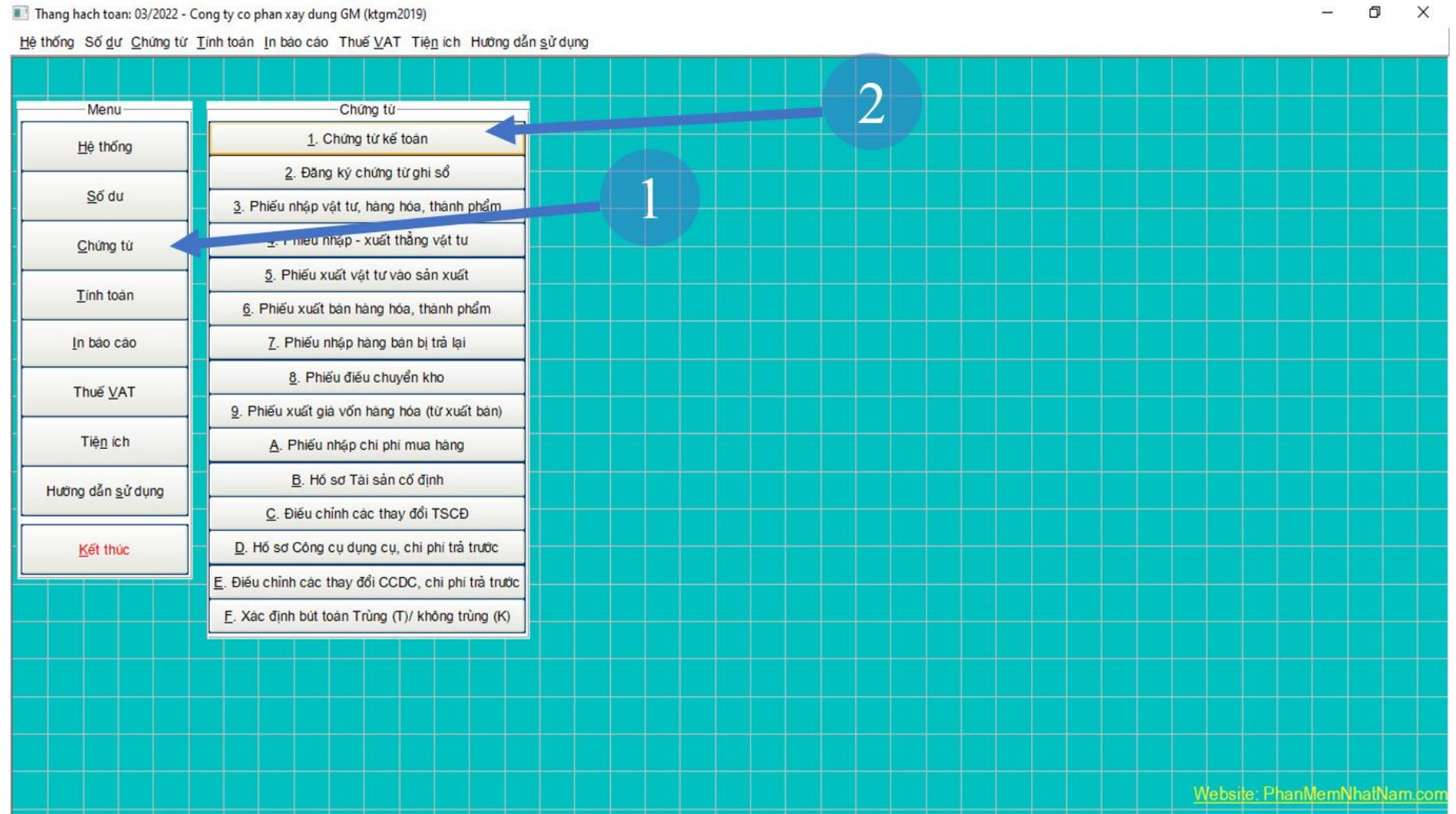
Bảng chữ:

Ba trăm hai mươi bảy triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, tám mươi một đồng chẵn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công	Lương đóng bảo hiểm	Thưởng năng suất	Thêm giờ	Trợ cấp công trường	Các khoản trợ cấp				Tổng lương	Các khoản giảm trừ				Thực lĩnh	Tạm ứng	Còn lại	Ký nhận	
								Điện thoại	Ăn ca	Trang phục	Tổng		Bảo hiểm (10,5%)	Đoàn Phí (1%)	TNCN	Tổng cộng					
NGƯỜI LẬP BIỂU			PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN					PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH				Hải Phòng, ngày tháng năm 2022								GIÁM ĐỐC DUYỆT	
																					
Đặng Mai Anh			Lê Thị Nhung					Vũ Hoài Phương				Nguyễn Xuân Sáng									

Bảng thanh toán lương của Bộ phận Văn Phòng Công ty Cổ phần xây dựng GM

❖ Ngày 20/03/2022, hạch toán lương gián tiếp tháng 02/2022.



Màn hình chính phần mềm Kế toán Nhất Nam và các thao tác trên phần mềm kế toán để nhập chứng từ hạch toán lương

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Loc chung tu Chuot phai; Xem thong tin Ctrl+T; Cong cac dong duoc chon Ctrl+; Dong dau Ctrl Home; Dong cuoi Ctrl End (ktgm2019)

Loại chứng từ: 0 - Tất cả

Tháng hạch toán: 0 - Tất cả

01 - Phiếu thu tiền mặt (111)

02 - Phiếu chi tiền mặt (111)

03 - Giấy báo có ngân hàng (112)

04 - Giấy báo nợ ngân hàng (112)

08 - Khác

09 - Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng

90 - Phiếu nhập xuất tháng vật tư

3. Chọn loại chứng từ cần dùng

Người sử dụng: CT

Ngày chứng từ	Chứng từ	Tai khoản	Tai khoản	Giá trị	HĐ nợ	HĐ có	Khoản mục nợ	Khoản mục có	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Ngày
31/03/2022	CT08	022	334	483.553.982					VND	1	
31/03/2022	CT08	022	334	25.100.000					VND	1	
31/03/2022	CT08	022	334	129.800.000					VND	1	
31/03/2022	CT08	022	334	12.300.000					VND	1	
31/03/2022	CT058/03	022	334	384.700.000					VND	1	
31/03/2022	CT058/03	022	334	133.500.000					VND	1	
31/03/2022	KHTS001	0424	2141	4.365.713					VND	1	
31/03/2022	KHTS004	0234	2141	6.806.346					VND	1	
31/03/2022	KHTS008	0234	2141	10.833.333					VND	1	
31/03/2022	KHTS010	0234	2141	5.072.475					VND	1	
31/03/2022	KHTS014	0234	2141	5.333.333					VND	1	
31/03/2022	KHTS015	0234	2141	1.562.500					VND	1	
31/03/2022	KHTS016	0234	2141	572.917					VND	1	
31/03/2022	KHTS017	0234	2141	30.000.000					VND	1	
31/03/2022	KHTS018	0234	2141	13.590.000					VND	1	
31/03/2022	KHTS019	0274	2141	6.750.000					VND	1	
31/03/2022	KHTS022	0234	2141	1.277.050					VND	1	
31/03/2022	KHTS024	0234	2141	8.348.390					VND	1	
31/03/2022	KHTS027	0234	2141	7.575.758					VND	1	
31/03/2022	KHTS028	0424	2141	26.666.667					VND	1	
31/03/2022	KHTS029	0234	2141	23.900.183					VND	1	
31/03/2022	KHTS030	0234	2141	2.554.451					VND	1	
31/03/2022	KHTS031	0234	2141	1.250.000					VND	1	
31/03/2022	KHTS032	0234	2141	8.793.750					VND	1	
31/03/2022	KHTS033	0234	2141	4.071.970					VND	1	
31/03/2022	KHTS034	0234	2141	1.325.758					VND	1	
31/03/2022	KHTS035	0274	2141	1.283.333					VND	1	
				Tổng cộng							

Các thao tác trên phần mềm kế toán để nhập chứng từ hạch toán lương

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cơ phân xây dựng GM (ktgm2019)

Loc chung tu Chuot phai; Xem thong tin Ctrl+T; Cong cac dong duoc chon Ctrl+; Dong dau Ctrl+Home; Dong cuoi Ctrl+End (ktgm2019)

4. Chọn tháng hạch toán

Loại chứng từ: 08 - Khác

Tháng hạch toán: 03/2022

Mới Sửa In phiếu In B.ké Xóa Copy Paste Thoát

☐ Cho lọc từ tháng đến tháng

Người sử dụng: TS

Ngày chứng từ	ch	Họ tên	Diễn giải	Tai khoản nợ	Tai khoản có	Số tiền	Mã chi tiết nợ	Mã chi tiết có	Công trình, HD nợ	Công trình, HD có	Khoản mục nợ	Khoản mục có	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Ngày
31/03/2022	KH		Xe oto tai co mui 294.55	6234	2141	8.348.390			VINHPHUC				VND	1	
31/03/2022	KH		Cầu tháp Zoomlion 5010	6234	2141	7.575.758			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KH		Oto Mercedes 480.22	6424	2141	20.000.007							VND	1	
31/03/2022	KH		Ô tô tải có mui 15C-32979	6234	2141	23.900.183			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KHTS030		Mua vận thăng lồng SC 100	6234	2141				VANCAO				VND	1	
31/03/2022	KHTS031		Tủ điện biến tần	6234	2141				LAOCAI2				VND	1	
31/03/2022	KHTS032		Vận thăng lồng đôi (2 tấn/lồng)	6234	2141	8.793.750			LAOCAI2				VND	1	
31/03/2022	KHTS033		Vận thăng lồng đôi (1 tấn/lồng)	6234	2141	4.071.970			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KHTS034		Vận thăng 80/80	6234	2141	1.325.758			VANCAO				VND	1	
31/03/2022	KHTS035		Container văn phòng 20 feet	6274	2141	1.283.333			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KHTS036		Container văn phòng 20feet	6274	2141	641.667			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KHTS037		Máy toàn đạc Nikon	6234	2141	1.225.600			LAOCAI2				VND	1	
31/03/2022	KHTS038		Văn phòng trụ sở	6424	2141	20.530.117							VND	1	
31/03/2022	KHTS041		Kho 353	6424	2141	8.501.567							VND	1	
31/03/2022	KHTS042		Máy đào bánh lốp PW 100-3A	6234	2142	15.916.420			VINHPHUC				VND	1	
31/03/2022	KHTS043		Tủ điện vận thăng lồng	6234	2141	1.500.000			LAOCAI2				VND	1	
31/03/2022	KHTS044		Nhà xe văn phòng	6424	2141	6.906.229							VND	1	
31/03/2022	KHTS045		Máy photocopy Ricoh MP 600	6424	2141	1.055.550							VND	1	
31/03/2022	KHTS047		Xe ô tô tải (Có mui) Chenglong	6234	2141	15.530.303			BVPS				VND	1	
31/03/2022	KHTS049		Máy toàn đạc điện tử LECIA T	6234	2141	2.401.515			CAUKIEN2				VND	1	
31/03/2022	KHTS050		Xe lu rung BW211PD-4	6234	2142	5.025			MAYLU				VND	1	
31/03/2022	KHTS050		Xe lu rung BW211PD-4	6234	2142	12.310.606			MAYLU				VND	1	
31/03/2022	KHTS051		Xe oto Fadil	6424	2141	5.328.679							VND	1	
31/03/2022	KHTS052		Vận thăng lồng đôi SM200/20	6234	2141	7.481.061			LAOCAI2				VND	1	
31/03/2022	KHTS053		Container 20 feet vệ sinh	6274	2141	2.083.333			LAOCAI2				VND	1	
			Tổng cộng			14.323.424.002									

5. Chọn thêm mới

Các thao tác trên phần mềm kế toán để nhập chứng từ hạch toán lương

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Hệ thống Sổ dự Chứng từ Tính toán In báo cáo Thuế VAT Tiện ích Hướng dẫn sử dụng

6. Số chứng từ tự động điền

7. Nhập ngày hạch toán

8. Nhập nội dung nghiệp vụ kế toán

9. Nhập chi tiết các TK chi phí liên quan đến tiền lương người lao động

10. Nhập chi tiết công trình nơi người lao động làm việc

11. Nhập số tiền tổng của cột Tổng lương trong Bảng thanh toán lương

12. Nhập tài khoản Phải trả người lao động – TK 334

13. Nhập ghi chú rõ tên công trình

14. Lưu chứng từ

Trà cứu: F2 (Ctrl+F); Copy dòng F3; Xem thông tin bút toán Ctrl + T; Công các dòng được chọn Ctrl + ; ; Xóa dòng F8; Phiếu hạch to...

Số phiếu: CT034/03 Ngày tháng: 20/03/2022 Tháng hạch toán: 03/2022

Tên khách hàng: Địa chỉ:

Diễn giải (lý do): Thanh toán lương tháng 2

Kèm theo CT gốc: Loại Ngoại tệ: VND Tỷ giá: Thuế VAT: F4

Tài khoản nợ	Chi tiết nợ	Công trình, HD nợ	K.M nợ	Số tiền	Tài khoản có	Chi tiết có	Công trình, HD	K.M có	Diễn giải
0421				351.081.082	334				Lương văn phòng
0421				25.471.486	334				Lương Máy
0271		LUONGTAI		46.063.357	334				Lương Lương Tài
0271		VINHPHUC		74.922.313	334				Lương Vinh Phúc
0271		BVPS		143.280.714	334				Lương BVPS
0271		TRANPHU		72.594.331	334				Lương Trần Phú
0271		NAMCUON		36.034.245	334				Lương Nam Cường
0271		CAUKIEN		8.874.911	334				Lương Cầu Kiển
0421				26.160.000	334				Lương Kho HN
0421				48.595.071	334				Lương tổ cơ khí
0271		VINHPHUC		95.712.833	334				Lương Vinh Phúc
0271		LAOCAI2		324.291.223	334				Lương Lào Cai
0421				8.391.118	334				Lương Máy Lu
0271		SANFU		10.036.500	334				Lương Sanfu

Lưu số liệu Hủy bỏ In phiếu Tiền thuế 0 Tiền hàng 1.271.509.784 Tổng tiền 1.271.509.784

Các thao tác trên phần mềm kế toán để nhập chứng từ hạch toán lương

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Loc chung tu Chuot phai; Xem thong tin Ctrl+T; Cong cac dong duoc chon Ctrl + ; Dong dau Ctrl Home ; Dong cuoi Ctrl End (ktgm2019) (ktgm2019)

Loại chứng từ: 08 - Khác

Tháng hạch toán: 03/2022

Mới Sửa In phiếu In B.ké Xóa Copy Paste Thoát

Cho lọc từ tháng đến tháng

Người sử dụng: CT

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Họ tên	Diễn giải	Tai khoản nợ	Tai khoản có	Số tiền	Mã chi tiết nợ	Mã chi tiết có	Công trình, HĐ nợ	Công trình, HĐ có	Khoản mục nợ	Khoản mục có	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Ngày
20/03/2022	CT034/03		Thanh toán lương tháng 2	6421	334	1.271.509.784							VND	1	
20/03/2022				6421	334	25.471.480							VND	1	
20/03/2022				6271	334	40.063.357			LUONGTA				VND	1	
20/03/2022				6271	334				VINHPHUC				VND	1	
20/03/2022				6271	334	143.280.714			BVPS				VND	1	
20/03/2022				6271	334	72.594.331			TRANPHU				VND	1	
20/03/2022				6271	334	36.034.245			NAMCUON				VND	1	
20/03/2022				6271	334	8.874.911			CAUKIEN				VND	1	
20/03/2022				6421	334	26.160.000							VND	1	
20/03/2022				6421	334	48.595.071							VND	1	
20/03/2022				6271	334	95.712.833			VINHPHUC				VND	1	
20/03/2022				6271	334	324.291.223			LAOCAI2				VND	1	
20/03/2022				6421	334	8.391.118							VND	1	
20/03/2022				6271	334	10.036.500			SANFU				VND	1	
21/03/2022	CT035/03	Điện lực Thành Phố L	Chi phí tiền điện thi công	6278	331	14.933.913		DIENLUC-LC	LAOCAI2	LAOCAI2			VND	1	
21/03/2022				154	331	6.528.339		DIENLUC-LC	K	LAOCAI2			VND	1	
21/03/2022				1331	331	1.194.713		DIENLUC-LC		LAOCAI2	LAOCAI2		VND	1	
21/03/2022				1331	331	522.267		DIENLUC-LC		LAOCAI2	K		VND	1	
21/03/2022	CT036/03	Công ty xăng dầu khu	Mua xăng dầu	6278	331	1.377.818		XANGDAU-VP	VINHPHUC	VINHPHUC			VND	1	
21/03/2022				1331	331	137.782		XANGDAU-VP		VINHPHUC	VINHPHUC		VND	1	
21/03/2022	CT037/03	Công ty bảo hiểm BID	Mua bảo hiểm tai nạn con người	6278	331	5.110.000		BIC	LAOCAI2	LAOCAI2			VND	1	
21/03/2022	CT038/03	Công ty TNHH thiết bị	Chi phí thuê giáo CT Nam Cườ	6278	331	12.240.660		ANTHAI	NAMCUON	NAMCUON			VND	1	
21/03/2022				1331	331	979.253		ANTHAI		NAMCUON	NAMCUONG		VND	1	
21/03/2022	CT039/03	Công ty TNHH thiết bị	Chi phí thuê giáo CT Nam Cườ	6278	331	36.795.540		ANTHAI	NAMCUON	NAMCUON			VND	1	
21/03/2022				6278	331	28.543.690		ANTHAI	CAUKIEN2	CAUKIEN2			VND	1	
21/03/2022				1331	331	3.679.554		ANTHAI		NAMCUON	NAMCUONG		VND	1	
			Tổng cộng			14.323.424.602									

Các thao tác trên phần mềm kế toán để in chứng từ kế toán

Xem trước khi in

1 of 1 100% Total:3 100% 3 of 3

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số HT/TM
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

In chứng từ

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

Quyển số:
Số: CT034/03
Nợ: 6421,6271
Có: 334

Đối tượng:

Địa chỉ:

Nội dung: Thanh toán lương tháng 2

Số tiền: 1.271.509.784 đ

Viết bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, bảy trăm tám mươi bốn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

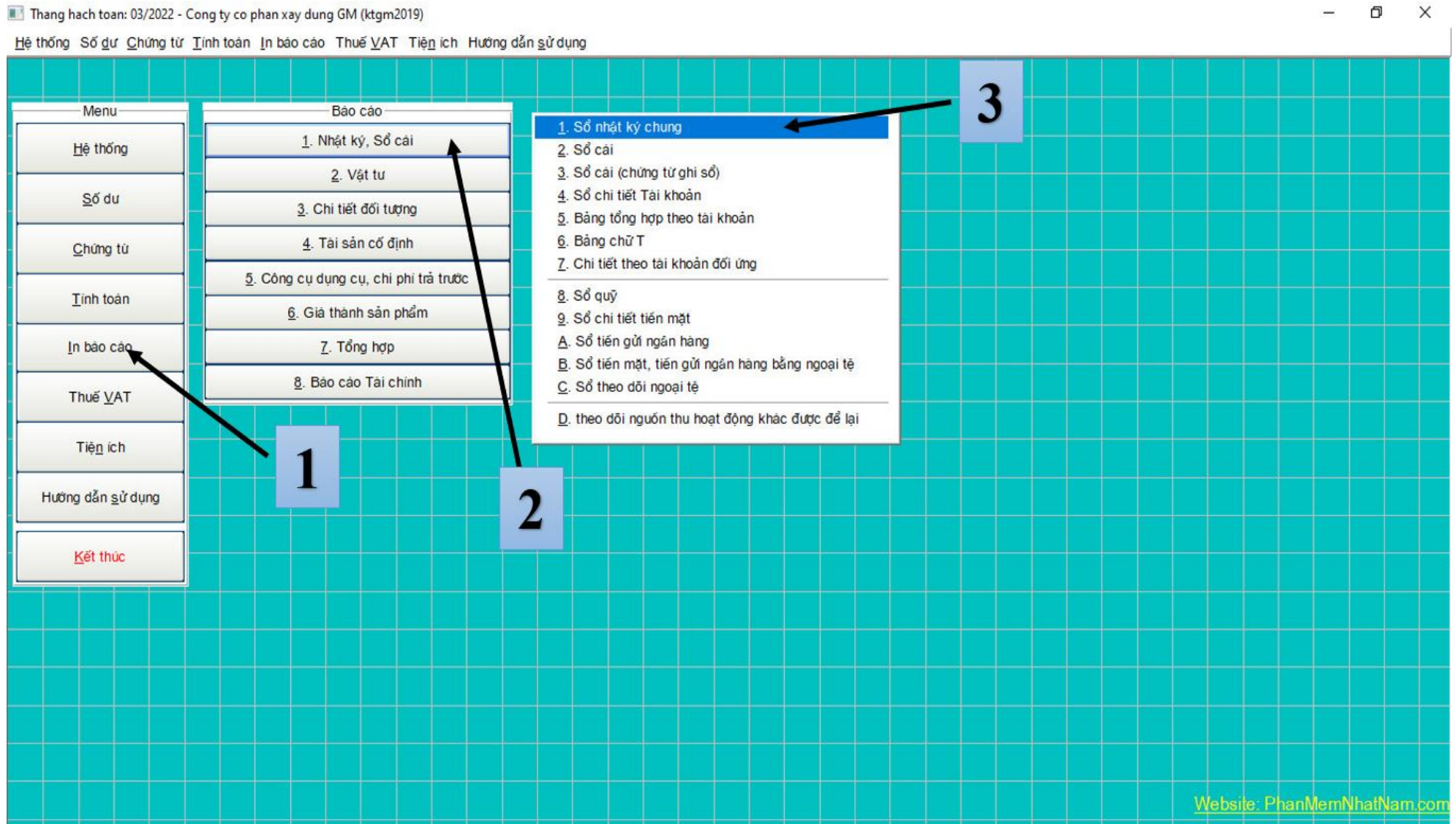
Lê Thị Nhung

Đặng Mai Anh

PHÂN ĐỊNH KHOẢN KẾ TOÁN

Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
6271		811.810.427
6421		459.699.357
	334	1.271.509.784

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị chứng từ kế toán và cách in chứng từ



Các thao tác mở sổ Nhật ký chung trên phần mềm kế toán

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cơ phân xây dựng GM (ktgm2019)

Hệ thống | Số dư | Chứng từ | Tính toán | In báo cáo | Thuế VAT | Tiện ích | Hướng dẫn sử dụng

Sổ Nhật ký chung

Chọn thời gian

Từ tháng 01/2022 Đến tháng 12/2022

Loai giấy A4

Loai tiền VND ☐ Quy VND

Chọn điều kiện lọc dữ liệu

Tai khoản

Tai khoản đối ứng

Đối tượng, công nợ

Công trình, H.đồng

Công trình đối ứng

Khoản mục

Khoản mục đối ứng

Thực hiện **Kết thúc**

4. Nhập thời gian cần in

5. Nhập tài khoản nếu chỉ cần sổ nhật ký chung của một tài khoản cụ thể

Các thao tác mở sổ Nhật ký chung trên phần mềm kế toán

So nhật ký chung

1 of 1+

100%

Total: 11513 100% 11513 of 11513

Xem bảng Excel Kết thúc

Chuyển trang số In số Xuất excel

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
01/01/2022	PC001/01	Thanh toán tiền cước viễn thông	Nguyễn Thị Phương	6428	1111	187.885	
01/01/2022	PC001/01	Thanh toán tiền cước viễn thông	Nguyễn Thị Phương	1331	1111	18.789	
01/01/2022	PC002/01	Thanh toán chi phí chuyển phát nhanh tháng 12/2021	Đỗ Bích Thủy	6428	1111	1.477.320	
01/01/2022	PC002/01	Thanh toán chi phí chuyển phát nhanh tháng 12/2021	Đỗ Bích Thủy	1331	1111	147.732	
01/01/2022	PC003/01	Thanh toán tiền photo CT Lào Cai	Nguyễn Thị Phương	6278	1111	10.998.000	
01/01/2022	PC004/01	Thanh toán tiền mua tấm nhôm nhựa CT Sanfu	Đinh Công Thắng	621	1111	8.195.000	
01/01/2022	PC004/01	Thanh toán tiền mua tấm nhôm nhựa CT Sanfu	Đinh Công Thắng	1331	1111	819.500	
02/01/2022	CT001/01	Kết chuyển		4212	4211	1.821.746.082	
03/01/2022	PC005/01	Thanh toán cước phát sinh viễn thông	Lã Thị Thắm	6428	1111	725.000	
03/01/2022	PC005/01	Thanh toán cước phát sinh viễn thông	Lã Thị Thắm	1331	1111	72.500	
03/01/2022	PC006/01	Thanh toán cước viễn thông	Lã Thị Thắm	6428	1111	1.657.186	
03/01/2022	PC006/01	Thanh toán cước viễn thông	Lã Thị Thắm	1331	1111	165.719	
04/01/2022	PC007/01	Mua máy cắt	Nguyễn Thị Phương	2421	1111	4.045.455	
04/01/2022	PC007/01	Mua máy cắt-Thuế VAT	Nguyễn Thị Phương	1331	1111	404.545	
04/01/2022	PC008/01	Chi phí matit gắn thép CT Lào Cai	Nguyễn Thị Phương	6278	1111	3.750.000	
04/01/2022	PC008/01	Chi phí matit gắn thép CT Lào Cai-Thuế VAT	Nguyễn Thị Phương	1331	1111	375.000	
04/01/2022	PC009/01	Thanh toán tiền xăng dầu	Vũ Văn Mạnh	6428	1111	814.545	
04/01/2022	PC009/01	Thanh toán tiền xăng dầu	Vũ Văn Mạnh	1331	1111	81.455	
04/01/2022	PC010/01	Thanh toán tiền xăng dầu	Vũ Văn Mạnh	6428	1111	1.090.909	
04/01/2022	PC010/01	Thanh toán tiền xăng dầu	Vũ Văn Mạnh	1331	1111	109.091	

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương sanfu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

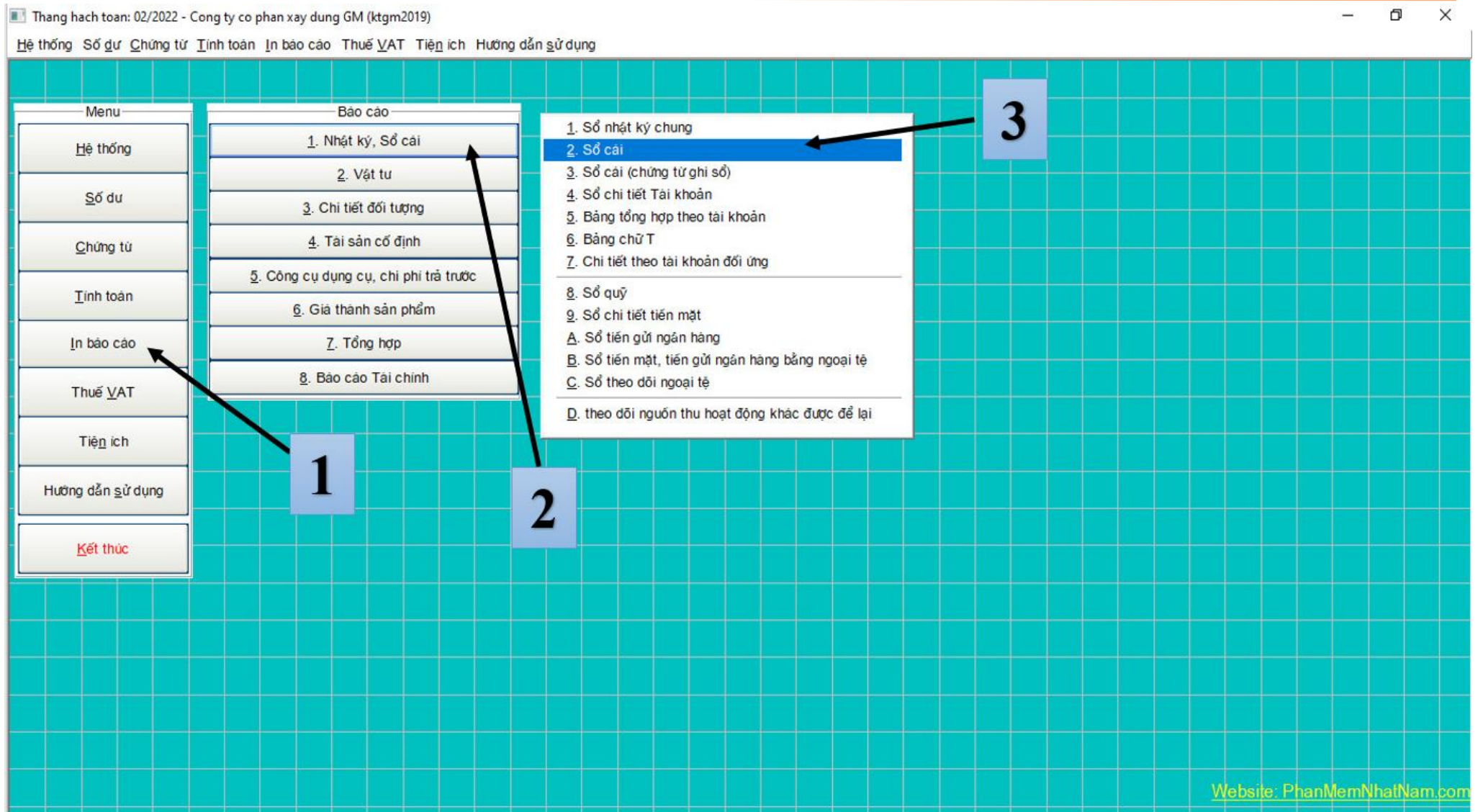
GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung năm 2022 – Nghiệp vụ hạch toán lương gián tiếp tháng 02/2022



Các thao tác mở Sổ cái trên phần mềm kế toán

Thang hạch toán: 02/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Hệ thống Sổ dự Chứng từ Tính toán In báo cáo Thuế VAT Tiện ích Hướng dẫn sử dụng

So cái tài khoản

Chọn thời gian in

Từ tháng Đến tháng Tìm tài khoản

☒ Mỗi đối tượng là một báo cáo ☐ Các đối tượng chung một báo cáo

Loại tiền ☐ Quy VND

Chọn tài khoản muốn in :

Chon	Không	Tài khoản	Tên tài khoản
☐	☐	3333	Thuế xuất, nhập khẩu
☐	☐	3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp
☐	☐	3335	Thuế thu nhập cá nhân
☐	☐	3336	Thuế tài nguyên
☐	☐	3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất
☐	☐	3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác
☐	☐	3338.1	Thuế bảo vệ môi trường
☐	☐	3338.2	Các loại thuế khác
☐	☐	3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác
☒	☒	334	Phải trả công nhân viên
☐	☐	335	Chi phí phải trả
☐	☐	336	Phải trả nội bộ
☐	☐	336.1	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh
☐	☐	336.2	Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá
☐	☐	336.3	Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn ho
☐	☐	336.6	Phải trả nội bộ khác

Các thao tác mở Sổ cái trên phần mềm kế toán

So cái

1 of 1+

100%

Total: 530 100% 530 of 530

Xem bảng Excel Kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
334 - Phải trả công nhân viên
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			2.035.245.268
10/01/2022	PC265/01	Đinh Công Thắng - Tạm ứng lương tháng 12	141	66.999.685	
20/01/2022	CT032/01	Thuế TNCN tháng 1	3335	7.884.030	
20/01/2022	PC048/01	Vũ Hoài Phương - Thanh toán tiền đoàn phí	1111	5.350.000	
20/01/2022	PC049/01	Thanh toán lương, thưởng Lương Tài	1111	44.016.025	
20/01/2022	PC050/01	Thanh toán lương thưởng SHophouse	1111	6.600.000	
20/01/2022	PC051/01	Thanh toán lương thưởng Shophouse	1111	52.300.000	
20/01/2022	PC052/01	Thanh toán lương thưởng Trần Phú	1111	19.100.000	
20/01/2022	PC053/01	Thanh toán lương thưởng Nam Cường	1111	27.600.000	
20/01/2022	PC054/01	Thanh toán lương thưởng cầu kiến	1111	24.700.000	
20/01/2022	PC055/01	Thanh toán lương thưởng Thuận Thành	1111	7.900.000	
20/01/2022	PC056/01	Thanh toán lương thưởng cầu Kato	1111	1.500.000	
20/01/2022	PC057/01	Thanh toán lương thưởng Vinh Phúc	1111	20.200.000	
20/01/2022	PC058/01	Thanh toán lương thưởng Lào Cai	1111	49.500.000	
20/01/2022	PC059/01	Thanh toán lương thưởng Máy Lu	1111	1.000.000	
20/01/2022	PC060/01	Thanh toán lương thưởng Văn Cao	1111	40.375.972	
20/01/2022	PC266/01	Đinh Công Thắng - Thanh toán lương, thưởng Văn Phòng	141	158.406.059	

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị Sổ cái TK 334 năm 2022

CÓ PHẢN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
334 - Phải trả công nhân viên
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			2.035.245.268
...	...			...	...
10/03/2022	PC061/03	Vũ Hoài Phương - Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	1111	51.633.333	
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng	6421		351.081.682
20/03/2022		Thanh toán lương tháng 2 - Lương Lào Cai	6271		324.291.223
...	...	...		...	...
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3383	35.590.400	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3384	7.331.685	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3386	4.448.800	
...	...	...		...	...
24/03/2022	BN075/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 2/2022	1121	826.789.437	
24/03/2022	PC042/030	Thanh toán lương gián tiếp 02/2022 - VP	1111	3.953.000	
...	...	...		...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023	622		3.598.626.102
31/03/2022	PC069/03	Phạm Trung Dũng - Thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022	1111	133.500.000	
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		6.870.455.872	6.860.135.880
		Số dư cuối quý IV/2022		10.319.992	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		61.008.486.672	60.908.486.672

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 334 năm 2022 – Nghiệp vụ hạch toán lương gián tiếp tháng 02/2022

❖ Ngày 24/03/2022, thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 2/2022 bằng TGNH (BIDV) số tiền là 826.789.437

BẢNG CHUYỂN LƯƠNG QUA TÀI KHOẢN ATM
Tháng.....
Nội dung chuyển : Thanh toán lương tháng 2

STT	CR_NAME	CR_AMOUNT	CR_AMOUNT	Nội dung chuyển
1	Vân Dũng	32310000376397	13.667.694	Thanh toán lương tháng 2
2	Đỗ Xuân Bình	32310000462171	8.974.449	Thanh toán lương tháng 2
3	Bùi Huy Nhật	32310000402168	8.042.625	Thanh toán lương tháng 2
4	Vũ Văn Đạt	32310000555239	7.704.017	Thanh toán lương tháng 2
5	Nguyễn Trọng Linh	32310000396094	8.805.910	Thanh toán lương tháng 2
6	Nguyễn Thị Thu	32310000508455	6.527.526	Thanh toán lương tháng 2
7	Nguyễn Thị Thanh Thúy	47110001138341	952.000	Thanh toán lương tháng 2
8	Lê Thị Thanh	32310000503007	5.790.055	Thanh toán lương tháng 2
9	Đinh Công Thắng	32310000376519	8.822.828	Thanh toán lương tháng 2
10	Vũ Văn Phóng	32310000504462	9.723.643	Thanh toán lương tháng 2
11	Đỗ Bích Thủy	32310000502952	3.674.746	Thanh toán lương tháng 2
12	Trần Văn Huân	32310000474529	7.444.007	Thanh toán lương tháng 2
13	Hoàng Ngọc Đường	32310000396076	3.953.000	Thanh toán lương tháng 2
14	Lê Thị Thu Trang	32310000508464	5.787.559	Thanh toán lương tháng 2
15	Đỗ Quang Trọng	32310000386660	11.073.465	Thanh toán lương tháng 2
16	Nguyễn Thị Thuần	32310000508473	5.799.632	Thanh toán lương tháng 2
17	Trần Quốc Doanh	32310000376458	15.026.943	Thanh toán lương tháng 2
18	Phạm Tân Triển	32310000381346	15.172.714	Thanh toán lương tháng 2
19	Phạm Văn Vui	32310000377521	13.975.158	Thanh toán lương tháng 2
20	Nguyễn Tuấn Anh CHT	32310000393642	12.317.425	Thanh toán lương tháng 2
21	Lê Đình Duẩn	32310000377530	15.043.889	Thanh toán lương tháng 2
22	Chu Văn Nghị	32310000381276	7.916.765	Thanh toán lương tháng 2
23	Bùi Văn Đoàn	32310000377497	10.999.415	Thanh toán lương tháng 2
24	Nguyễn Đình Hoàng	32310000386536	13.345.536	Thanh toán lương tháng 2
25	Đỗ Văn Phong	32310000376388	7.291.001	Thanh toán lương tháng 2
26	Phạm Văn Diện	32310000522400	10.596.890	Thanh toán lương tháng 2
27	Nguyễn Đình Trường	32310000517257	11.387.394	Thanh toán lương tháng 2
28	Nguyễn Thanh Tùng	32310000399367	10.039.269	Thanh toán lương tháng 2
29	Phạm Văn Hoàng	32310000393758	11.602.627	Thanh toán lương tháng 2
30	Vũ Nam Trung	32310000381319	9.483.555	Thanh toán lương tháng 2
31	Vũ Đình Vinh	32310000377512	10.236.769	Thanh toán lương tháng 2
32	Trần Đức Duy	32310000460500	10.392.040	Thanh toán lương tháng 2
33	Đỗ Quang Huy	32310000386527	12.282.926	Thanh toán lương tháng 2
34	Bùi Quốc Bảo	32310000399358	11.665.441	Thanh toán lương tháng 2
35	Phạm Quang Dũng	32310000473410	10.871.270	Thanh toán lương tháng 2
36	Nguyễn Trọng Hoàng	3231 0000504444	9.861.705	Thanh toán lương tháng 2
37	Phạm Minh Tiến	32310000493834	10.093.305	Thanh toán lương tháng 2
38	Trần Văn Vinh QCQS	32310000504453	10.093.305	Thanh toán lương tháng 2
39	Vũ Quang Hùng	32310000496310	9.449.551	Thanh toán lương tháng 2
40	Đặng Trung Thành	32310000496338	9.014.917	Thanh toán lương tháng 2
41	Trần Văn Dương	42510001765371	11.525.242	Thanh toán lương tháng 2

Bảng chuyển lương gián tiếp tháng 02/2022 qua tài khoản ATM

ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/Seq No:..... BN075/03
Tên: Công ty cổ phần xây dựng		Ngày/Date:..... 24/3/22
A/c No: 32382 000 457705		Người hưởng/ Beneficiary: Thanh toán lương theo danh sách đính kèm
Bank: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		Số CMND/HC/ID/PP:.....Ngày cấp/ Date:.....
Branch: Đông Hải Phòng		Nơi cấp/ Place:.....
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 826.789.437 VNĐ		Số TK/ A/c No:
bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng./.		Tại NH/ At Bank: BIDV - CN Đông Hải Phòng tại Hải Phòng
Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Tám trăm hai mươi sáu triệu		
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:.....Tỷ giá/ Ex rate:.....		
Nội dung/ Remarks: GM thanh toán tiền lương theo danh sách đi kèm		Phí ngân hàng/Charge ☐ Phí trong/Charge included ☐ Phí ngoài/Charge excluded
Khách hàng/ Customer Kế toán trưởng/ Chief Accountant (Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name) <i>Le Thị Nhung</i> CHỦ TÀI KHOẢN/ Account Holder (Ký và ghi rõ họ tên/Signature & full name) <i>Nguyễn Luân Tàng</i> Ngân hàng/ BANK sender (BIDV) Giao dịch viên/ Received by Kiểm soát/ Verified by		

Ủy nhiệm chi thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty có nhận xây dựng GM (ktgm2019)

Loc chung tu Chuot phai; Xem thong tin Ctrl+T; Cong cac dong duoc chon Ctrl + ; Dong dau Ctrl Home; Dong cuoi Ctrl End (ktgm2019) (ktgm2019)

Loại chứng từ: 04 - Giấy báo nợ ngân hàng (112)

Tháng hạch toán: 01 - Phiếu thu tiền mặt (111)
02 - Phiếu chi tiền mặt (111)
03 - Giấy báo có ngân hàng (112)
04 - Giấy báo nợ ngân hàng (112)

Mới Sửa In phiếu In B.ké Xóa Copy Paste Thoát

Cho lọc từ tháng đến tháng

Người sử dụng: CT

Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Loại chứng từ	Nội dung	Tai khoản nợ	Tai khoản có	Số tiền	Mã chi tiết nợ	Mã chi tiết có	Công trình, HĐ nợ	Công trình, HĐ có	Khoản mục nợ	Khoản mục có	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Ngày
21/03/2022	BN	04 - Khác	LTU CT Lương T	6278	1121	6.768.429		MB	LUONGTA				VND	1	
21/03/2022	BN	09 - Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng	LTU CT Lương T	6278	1121	5.577.266		MB	LUONGTA				VND	1	
21/03/2022	BN	90 - Phiếu nhập xuất thẳng vật tư	T vãng lai CT H	33311	1121	1.427.262		BIDVDHP					VND	1	
21/03/2022	BN	03/03 Ngân hàng BIDV - CN	Nộp thuế GTGT vãng lai CT H	33311	1121	109.091		BIDVDHP					VND	1	
21/03/2022				6425	1121	11.000		BIDVDHP					VND	1	
22/03/2022	BN	04/03 Công ty cổ phần đầu tư	Thanh toán tiền mua bê tông C	331	1121	1.000.000.000	MIENBAC1	VB	LAOCAI2				VND	1	
22/03/2022	BN	05/03 Công ty cổ phần công	Tam ứng tiền mua xi măng CT	331	1121	100.000.000	GM-TM	VB	LAOCAI2				VND	1	
22/03/2022	BN	06/03 Công ty TNHH sản xu	Thanh toán tiền thi công máy >	331	1121	366.169.911	TMNGOCMINH	VB	THUANATH				VND	1	
22/03/2022	BN	07/03 Công ty cổ phần BKT	Thanh toán tiền mua thép	331	1121	8.801.815	BKT	VB	TRANPHU				VND	1	
22/03/2022				331	1121	561.204.616	BKT	VB	VANCAO				VND	1	
22/03/2022				331	1121	247.238.030	BKT	VB	BVPS				VND	1	
22/03/2022	BN	06/03 Công ty TNHH thương	Thanh toán tiền mua xăng dầu	331	1121	17.388.600	NHATTOAN	MB	C				VND	1	
22/03/2022	BN	09/03 Công ty TNHH XNK d	Thanh toán tiền thi công đá C	331	1121	103.120.000	TRUNGTHAO	MB	THUYNGU				VND	1	
22/03/2022	BN	07/03 Công ty cổ phần đầu tư	Thanh toán tiền mua vật tư phụ	331	1121	58.240.000	HAMINH	MB	C				VND	1	
23/03/2022	BN	07/03 Ngân hàng Vietbank	VB thu phí bảo lãnh bảo hành c	6428	1121	2.374.570		VB					VND	1	
23/03/2022	BN	07/03 Công ty cổ phần công	Tam ứng tiền mua thang máng	331	1121	15.000.000	CNDIEN	BIDVDHP	TRANPHU				VND	1	
23/03/2022				6425	1121	22.000		BIDVDHP					VND	1	
23/03/2022	BN	07/03 Công ty bảo hiểm BID	Thanh toán tiền bảo hiểm tai n	331	1121	5.110.000	BIC	BIDVDHP	LAOCAI				VND	1	
24/03/2022	BN	07/03 Phạm Trung Dũng	Rút tiền gửi về nhập quỹ	1111	1121	1.100.000.000		BIDVDHP					VND	1	
24/03/2022	BN	07/03 Ngân hàng BIDV - CN	Thanh toán tiền lương gián tiế	334	1121	826.769.437		BIDVDHP					VND	1	
25/03/2022	BN	07/03 Công ty TNHH DV tư	Tam ứng tiền thi công CT Ván	331	1121	150.000.000	XD303	VB	VANCAO				VND	1	
25/03/2022	BN	07/03 Ngân hàng Vietbank	Thanh toán tiền lương gián tiế	334	1121	255.702.405		VB					VND	1	
25/03/2022	BN	07/03 Công ty TNHH bê tông	Thanh toán tiền thi công CT B'	331	1121	300.000.000	BT-MINH Duc	VB	BVPS				VND	1	
25/03/2022	BN	07/03 Ngân hàng Vietbank	Phí quản lý tài khoản	6425	1121	110.000		VB					VND	1	
25/03/2022	BN	08/03 Đặng Mai Anh	MB thu lãi	635	1121	3.283.094		MB					VND	1	
25/03/2022	BN	08/03 Công ty TNHH TM và	Tam ứng tiền mua gạch CT Lái	331	1121	200.000.000	TRUNGKIEN1	BIDVDHP	LAOCAI2				VND	1	
			Tổng cộng			17.710.041.294									

Các thao tác khi vào sổ nghiệp vụ thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022 bằng Ủy nhiệm chi

[illegible]

Các thao tác khi vào sổ nghiệp vụ thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022

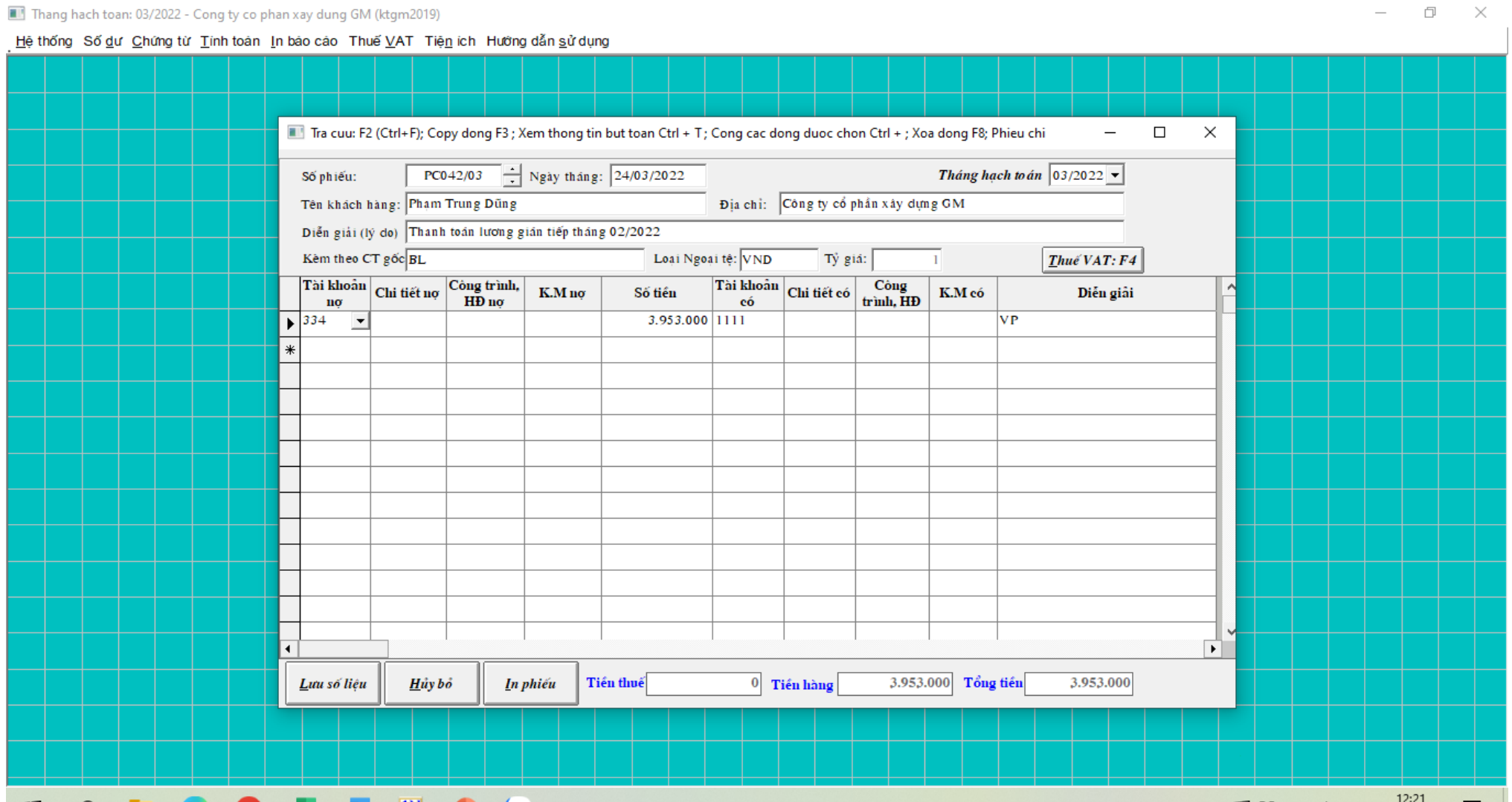
❖ Ngày 24/03/2022, thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022 bằng tiền mặt số tiền là 3.953.000.

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Loc chung tu Chuot phải; Xem thông tin Ctrl+T; Cong cac dong duoc chon Ctrl + ; Dong dau Ctrl Home; Dong cuoi Ctrl End (ktgm2019)

Loại chứng từ		Tháng hạch toán		Diễn giải		Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền	Mã chi tiết nợ	Mã chi tiết có	Công trình, HĐ nợ	Công trình, HĐ có	Khoản mục nợ	Khoản mục có
0 - Tất cả	0 - Tất cả							34.200.000						
01 - Phiếu thu tiền mặt (111)	02 - Phiếu chi tiền mặt (111)													
03 - Giấy báo có ngân hàng (112)	04 - Giấy báo nợ ngân hàng (112)													
05 - Khác	09 - Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng													
90 - Phiếu nhập xuất hàng vật tư														
31/03/2022	zK			huyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	484.472.007				BVPS	BVPS		
31/03/2022	zK			huyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	25.956.268				CAUKIEN	CAUKIEN		
31/03/2022	zK			huyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	44.127.895				CAUKIEN2	CAUKIEN2		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	26.194.868				DIEMDIEN	DIEMDIEN		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	29.124.160				HONDA	HONDA		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	1.809.586.433				LAOCAI	LAOCAI		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	1.737.876.858				LAOCAI2	LAOCAI2		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	6.788.429				LUONGTA	LUONGTA		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	102.527.158				LUONGTA	LUONGTA		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	140.086.192				NAMCUON	NAMCUON		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	30.159.719				SANFU	SANFU		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	21.070.536				THUANTH	THUANTH		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	155.751.067				TRANPHU	TRANPHU		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	132.721.521				VANCAO	VANCAO		
31/03/2022	zKCo278			Kết chuyển cò T.K 0278 sang nợ T.K 154	154	0278	1.043.894.564				VINHPHUC	VINHPHUC		
31/03/2022	zK1331			Kết chuyển thuế GTGT có 1331 -> nợ 3331	3331	1331	483.553.982							
31/03/2022	zK515			Kết chuyển Nợ 515 -> Có 911	515	911	10.731.129							
31/03/2022	zK635			Kết chuyển Có 635 -> Nợ 911	911	635	192.579.434							
31/03/2022	zK6421			Kết chuyển Có 6421 -> Nợ 911	911	6421	1.220.933.201							
31/03/2022	zK6424			Kết chuyển Có 6424 -> Nợ 911	911	6424	239.194.683							
31/03/2022	zK6425			Kết chuyển Có 6425 -> Nợ 911	911	6425	13.879.190							
31/03/2022	zK6428			Kết chuyển Có 6428 -> Nợ 911	911	6428	825.984.933							
31/03/2022	zK811			Kết chuyển Có 811 -> Nợ 911	911	811	34.200.000							
				Tổng cộng			83.877.791.148							

Các thao tác khi nhập phiếu chi và vào sổ nghiệp vụ thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022



Xem trực khi in

1 of 1

100%

Total: 0 100% 0 of 0

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Họ tên người nhận tiền : **Phạm Trung Dũng**
 Địa chỉ : **Công ty cổ phần xây dựng GM**
 Lý do : **Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022**
 Số tiền : **3.953.000 đ**
 Viết bằng chữ : **Ba triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn đồng**

Kèm theo : **BL** chứng từ gốc
 Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) **Ba triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn đồng**

Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Giám đốc (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)
Nguyễn Xuân Sáng	Lê Thị Nhung	Đặng Mai Anh	Hoàng Thị Vân	

12:23

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương san fu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung năm 2022 – Nghiệp vụ thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022

CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
334 - Phải trả công nhân viên
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			2.035.245.268
...	...	...		...	...
10/03/2022	PC061/03	Vũ Hoài Phương - Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	1111	51.633.333	
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng	6421		351.081.682
20/03/2022		Thanh toán lương tháng 2 - Lương Lão Cai	6271		324.291.223
...	...	...		...	...
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3383	35.590.400	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3384	7.331.685	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3386	4.448.800	
...	...	...		...	...
24/03/2022	BN075/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 2/2022	1121	826.789.437	
24/03/2022	PC042/030	Thanh toán lương gián tiếp 02/2022 - VP	1111	3.953.000	
...	...	...		...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023	622		3.598.626.102
31/03/2022	PC069/03	Phạm Trung Dũng - Thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022	1111	133.500.000	
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		6.870.455.872	6.860.135.880
		Số dư cuối quý IV/2022		10.319.992	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		61.008.486.672	60.908.486.672

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 334 năm 2022 – Nghiệp vụ thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 bằng TGNH và tiền mặt

2.6.8.2. Tính lương trực tiếp

Lương trực tiếp là lương được trả cho công nhân xây dựng ngoài công trình theo hình thức khoán và được trả hoàn toàn bằng tiền mặt vào ngày cuối cùng của tháng.

- **Ví dụ:** Bà Lương Thị Thu ký hợp đồng giao khoán với công ty công việc “Đánh mặt thường không xika” – đơn giá 8.000/m² từ ngày 17/03/2022 đến ngày 31/03/2022 tại công trình Bò Xuyên 2. Ngày 31/03/2022, khi nghiệm thu kết quả, bà Lương Thị Thu đã hoàn thành công việc của mình là 387,5 m².

Vậy số tiền công tháng 3/2022 mà bà Lương Thị Thu nhận được là:

$$387,5 \times 8.000 = 3.100.000đ$$

Trong trường hợp bà Lương Thị Thu không vi phạm lỗi bị phạt, không ứng trước tiền thì cuối tháng 03/2022 bà Lương Thị Thu sẽ được nhận toàn bộ số tiền công của mình là:

3.100.000đ

(Tiền lương trực tiếp của các công nhân trực tiếp tại công trường khác tính tương tự)

❖ **Ngày 31/03/2022, hạch toán thù lao tháng 3/2022 - công trình Bò Xuyên 2**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM
Số: GK28 / 2022

Mẫu số: 08 - LĐTL
(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)
Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2022

HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN

-Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
-Nghị định 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng
-Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;
-Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;
-Đán cứ nhu cầu và khả năng của hai bên;
Hôm nay, tại văn phòng Công ty cổ phần Xây dựng GM chúng tôi gồm:

Chúng tôi, bên A giao khoán:	Nguyễn Xuân Sáng	Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ:	Giám Đốc	
Đại diện cho:	Công ty cổ phần xây dựng GM	
Điện thoại: +02253 581185	Fax:	
Địa chỉ: Số 58 (Km1+400) Phạm Văn Đồng - P.Anh Dũng - Q.Dương Kinh - Hải Phòng		
Và một bên B nhận khoán:	Lương Thị Thu	Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày: 24/7/1980		Giới tính: Nữ
Địa chỉ thường trú:	Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	
Số CMTND: 010180007311	Cấp ngày: 10/5/2021	Tại: Cục cảnh sát - QL trật tự

CÙNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN NHƯ SAU:

Điều 1 - Điều khoản chung:

- Phương thức giao khoán: Hợp đồng khoán việc từng phần.
- Điều kiện thực hiện hợp đồng: Bên nhận khoán sẽ tự lo một số công cụ thiết yếu phục vụ công việc.
Máy móc nguyên vật liệu sẽ được bên giao khoán cung cấp.

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện một số công việc thi công theo đúng bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo kỹ mỹ thuật công trình. Các công việc cụ thể như sau:

Điều 2: Điều khoản cụ thể:

1. Nội dung các công việc khoán

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Đơn giá (vnd)	Ghi chú
1	Đánh mặt thường không sika (khu nền và đường dẫn), Đánh mặt thường không sika (khu phòng trưng bày và nhà xe) - 8,000/m2	m2	8,000/m2	

2. Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận khoán:

1. Nghĩa vụ:

- Bên B chịu chi phí thuê nhà trọ trong quá trình thi công tại công trình. Chi phí điện nước, ăn uống, sinh hoạt hàng tháng sẽ do bên B tự chi trả cho chủ nhà nếu 2 bên không có thỏa thuận khác

- Chủ động liên hệ với cán bộ dưới công trường và trên văn phòng công ty để xác định giá trị khối lượng hàng tháng, thực hiện công việc theo bản vẽ biện pháp thi công được duyệt, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, thẩm mỹ, tiến độ và an toàn lao động. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh do thi công không đảm bảo chất lượng, tiến độ và xác nhận chi phí phát sinh trừ vào các đợt thanh toán.

- Công nhân làm việc trên công trường chịu trách nhiệm về an ninh trật tự trong khu vực ở và nơi làm việc. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.... Nếu không chấp hành sẽ phải chịu xử phạt theo quy định mà bên A đã đề ra

- Trong quá trình sử dụng thiết bị của Bên A mà dẫn đến hư hỏng thì phải thực hiện sửa chữa, nếu hỏng không sửa chữa được phải bồi thường 100% giá trị thiết bị bị hư hỏng

- Sau khi ký hợp đồng mà bên B không thực hiện công việc như cam kết; sản phẩm làm ra không đạt yêu cầu thời gian, kỹ thuật và chất lượng; làm sai, làm hỏng thì bên B phải chịu phạt theo các quy định liên quan.

- Nếu trong quá trình thực hiện Bên B tự ý bỏ dở công việc hoặc không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết Bên A sẽ bổ sung hoặc đình chỉ thi công mà không thanh toán khối lượng đã hoàn thành trước đó.

2. Quyền hạn:

- Hình thức trả thù lao: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Sau khi hai bên cùng nhau nghiệm thu và xác nhận khối lượng hoàn thành.
- Được trả vào các ngày cuối tháng.
- Được hỗ trợ học và cấp chứng chỉ ATLĐ theo quy định của pháp luật.
- Nếu kết quả công việc được CHT xác nhận hoàn thành tốt và bên nhận khoán có nhu cầu tham gia BHXH tự nguyện, bên giao khoán cam kết sẽ hỗ trợ 100% phí tham gia BHXH tự nguyện như là 1 khoản thưởng.
- Được trang bị BHLĐ: Theo tính chất công việc và yêu cầu của công trường.

3: Nghĩa vụ và quyền hạn của bên giao khoán.

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và Thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng giao khoán.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của bên nhận giao khoán đã cam kết.

2. Quyền hạn:

- Hướng dẫn người nhận khoán hoàn thành công việc theo hợp đồng.
- Nếu bên B vi phạm hợp đồng giao khoán, bên A có quyền tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng giao khoán theo qui định của công ty.
- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát tiến độ, chất lượng, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- Bên A cung cấp một số thiết bị chính và vật tư để Bên B thực hiện công việc.
- Cung cấp BHLĐ, làm thủ tục học an toàn lao động và cấp thẻ ra vào công trường theo đúng quy định NN

Điều 3 - Cam kết chung

- Hai bên cùng cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng đã ký trên tinh thần hợp tác, bình đẳng. Mọi ý kiến đơn phương đều không có giá trị.
- Hợp đồng này là thỏa thuận chung về mặt đơn giá và phạm vi công việc, mọi phát sinh chi phí khác phải có sự thỏa thuận bằng văn bản, phụ lục đính kèm
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

NGƯỜI NHẬN KHOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lương Thị Thu

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO KHOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM
Số: GK28

Mẫu số: 09 - LĐTL
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BIÊN BẢN NGHIỆM THU (KIỂM XÁC NHẬN CÔNG VIỆC) HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN

Chúng tôi, **BÊN GIAO KHOẢN:** Nguyễn Xuân Sáng Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám Đốc
Đại diện cho: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM**
Điện thoại: +02253 581185 Fax:
Địa chỉ: Số 58 (Km1+400) Phạm Văn Đồng - P.Anh Dũng - Q.Dương Kinh - Hải Phòng

Và một bên **NHẬN KHOẢN:** Lương Thị Thu Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày: 14/4/1960 Giới tính: Nữ
Địa chỉ thường trú: Tam Phúc, Vĩnh Tương, Vĩnh Phúc
Số CMTND 010180007311 Cấp ngày: 10/5/2021 Tại: Cục cảnh sát - QL trật tự

CÙNG KÝ THANH LÝ VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG GIAO KHOẢN THEO HDGK SỐ KG28 NGÀY 17/03/2022

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày: 17/03/2022 Đến ngày: 31/03/2022
- Địa điểm thực hiện công việc: Công trình Bò Xuyên 2
- Khối lượng thực hiện hợp đồng đợt này: Đánh mặt thường không sika (khu nền và đường dẫn), 'Đánh mặt thường không sika (khu phòng trưng bày và nhà xe) - 8,000/m2
- Bên nhận khoán được xác nhận hoàn thành: Đánh mặt thường không sika (khu nền và đường dẫn), 'Đánh mặt thường không sika (khu phòng trưng bày và nhà xe) - 8,000/m2
- Bên giao khoán đã thanh toán, tạm ứng cho bên nhận khoán số tiền: 0 đồng.
- Bảng chữ: Không đồng
- Số tiền bị phạt do bên nhận giao khoán vi phạm hợp đồng là: 0 đồng
- Bảng chữ: Không đồng
- Số tiền bên giao khoán còn phải thanh toán cho bên nhận giao khoán là: **3.100.000**
- Bảng chữ: Ba triệu một trăm nghìn đồng.

Đánh giá công trình xây dựng đã thực hiện:

- a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:
- Hồ sơ công nghệ, thiết kế thi công lắp đặt thiết bị;
 - Bản vẽ hoàn công công trình; quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây dựng (nếu chia giai đoạn)
 - Nhật ký thi công; Bảng theo dõi tiến độ công việc
- Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn
- *Xác nhận giá trị và khối lượng giao khoán đạt yêu cầu*
 - *Xác nhận thanh lý hợp đồng và thanh toán cho bên nhận khoán kèm bảng kê*

Các ý kiến khác:

- *Bên nhận khoán hoàn thành tốt công việc. Có thể xem xét tiếp tục giao thêm khối lượng công việc mới.*

- **Kết luận:** Hai bên thống nhất xác nhận và nghiệm thu hợp đồng giao khoán số : GK28 ngày 17/03/2022
- Biên bản thanh lý (nghiệm thu) được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên 1 bản.

NGƯỜI NHẬN KHOẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO KHOẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)
GIÁM ĐỐC

Lương Thị Thu

Nguyễn Xuân Sáng

Công ty cổ phần xây dựng GM

Số 58 (km1+400) đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng

- Địa chỉ tổ chức thu mua: công trình BỐ XUYỀN 2

Mẫu số: 01/TN/ĐN
(theo TT 28/2014/TT-BTC)
MST: 0300996232

BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA DỊCH VỤ MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN

Tháng 03 Năm 2022

STT	Ngày tháng năm giao và nghiệm thu	Họ và tên			Giá trị giao khoản			Ghi chú
		Tên người bán	Địa chỉ	Số CMT nhân dân	Giá trị giao khoản	Số lượng	Tổng giá thanh toán	
	(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)
1	31/3/2022	Hoàng Thị Xuân	Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai	063290844	3.200.000	1	3.200.000	
2	31/3/2022	Lò Văn Diên	Quải Tờ, Tuấn Giáo, Điện Biên	010099005807	3.600.000	1	3.600.000	
3	31/3/2022	Lò Thị Trường	Cà Nàng, Quỳnh Nhai, Sơn La	060383865	2.900.000	1	2.900.000	
4	31/3/2022	Lò Văn Sim	Cà Nàng, Quỳnh Nhai, Sơn La	063673626	3.900.000	1	3.900.000	
5	31/3/2022	Lò Văn Tiến	Bản Phú, Quải Cang, Tuấn Giáo, Điện Biên	010087008172	2.600.000	1	2.600.000	
6	31/3/2022	Hà Văn Thế	Tổ Bán Tân Pù Trang, Thị Xã Nghĩa Lộ, Yên Bái	015090000834	2.600.000	1	2.600.000	
7	31/3/2022	Sùng Thị Tráng	Pa Cheo, Bát Xát, Lào Cai	015090005833	3.100.000	1	3.100.000	
8	31/3/2022	Quảng Văn Inh	Bản Phú, Quải Cang, Tuấn Giáo, Điện Biên	015079000732	3.400.000	1	3.400.000	
9	31/3/2022	DẶNG VĂN QUÝ	Kiến An, HP	015204006940	3.200.000	1	3.200.000	
10	31/3/2022	Đỗ Quốc Oai	Giao Yên, Giao Thủy Nam Định	061185378	3.500.000	1	3.500.000	
11	31/3/2022	Lương Thị Thu	Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	011091001575	3.100.000	1	3.100.000	
12	31/3/2022	Hà Văn Diên	Pù Trang, Nghĩa Lộ, Yên Bái	011204010672	2.900.000	1	2.900.000	
13	31/3/2022	La Thị Sáng	Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	011098000428	3.200.000	1	3.200.000	
14	31/3/2022	Lò Văn Thương	Bản Môn, Quải Tờ, Tuấn Giáo, Điện Biên	011073001172	3.200.000	1	3.200.000	
15	31/3/2022	Lò Văn Kiểm	Bản Phò Pha, Cà Nàng, Quỳnh Nhai, Sơn La	045205186	3.400.000	1	3.400.000	
16	31/3/2022	Trần Thị Cúc	Nam Sơn - Kiến An - Hải Phòng	011204001713	2.900.000	1	2.900.000	
17	31/3/2022	Đỗ Minh Đường	Giao Yên Giao Thủy, Giao Thủy Nam Định	011065000372	3.900.000	1	3.900.000	
18	31/3/2022	Giảng Seo Tùng	hồn Dìn Chín, Dìn Chín, Mường Khương, Lào C	011099001183	2.400.000	1	2.400.000	
19	31/3/2022	Lương Văn Du	Bản Phú, Quải Cang, Tuấn Giáo, Điện Biên	040527294	3.700.000	1	3.700.000	
20	31/3/2022	Lương Văn Thanh	Quải Tờ, Tuấn Giáo, Điện Biên	070832074	3.400.000	1	3.400.000	
21	31/3/2022	TRẦN VĂN SƠN	Đỗ Sơn, HP	050760620	2.900.000	1	2.900.000	
22	31/3/2022	Tổng Văn Chiến	Bản Cản, Quải Cang, Tuấn Giáo, Điện Biên	014206011446	3.200.000	1	3.200.000	
23	31/3/2022	Sùng A Sử	Sùng Ma Sáo, Bát Xát, Lào Cai	051072610	2.600.000	1	2.600.000	
24	31/3/2022	Nguyễn Việt Khoát	Vạn Mỹ -Ngô Quyền -Hải Phòng	002088010079	2.600.000	1	2.600.000	
25	31/3/2022	Phạm Văn Lợi	Nam Sơn - Kiến An - Hải Phòng	040251540	3.900.000	1	3.900.000	
26	31/3/2022	Lò Văn Quyết	Quải Tờ, Tuấn Giáo, Điện Biên	031171000600	3.800.000	1	3.800.000	
27	31/3/2022	Lò Văn Nội	Bản Môn, Quải Tờ, Tuấn Giáo, Điện Biên	010185004845	2.900.000	1	2.900.000	
28	31/3/2022	Lương Văn Pôm	Bản Phú, Quải Cang, Tuấn Giáo, Điện Biên	010180007311	2.900.000	1	2.900.000	
29	31/3/2022	Hà Văn Huỳnh	Tổ Bán Tân Pù Trang, Thị Xã Nghĩa Lộ, Yên Bái	010189007146	3.900.000	1	3.900.000	
30	31/3/2022	TRẦN VĂN THÁNH	Dương Kinh, HP	010185007871	3.600.000	1	3.600.000	
31	31/3/2022	Quảng Văn Sỹ	Nam Hân Sín Hồ, Lai Châu	031068008137	3.600.000	1	3.600.000	
32	31/3/2022	Quan Văn Thọ	Tân Mỹ, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	031076005280	3.500.000	1	3.500.000	
33	31/3/2022	Nguyễn Thị Hạnh	Quang Phúc - Tiên Lãng - Hải Phòng	001079011896	2.900.000	1	2.900.000	
34	31/3/2022	Mai Văn Phước	Quang Phúc - Tiên Lãng - Hải Phòng	031091001166	2.900.000	1	2.900.000	
35	31/3/2022	LÊ TRÔNG HÙNG	Kiến Thụy, HP	030923275	2.900.000	1	2.900.000	
36	31/3/2022	Lý Văn Tài	Thôn 2 Nhai Thổ, Kim Sơn, Bảo Yên, Lào Cai	031009600640	3.200.000	1	3.200.000	
37	31/3/2022	La Thị Chuẩn	Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	031581598	2.400.000	1	2.400.000	
38	31/3/2022	Đinh Văn Khánh	Bản Nà La, Sơn Lương, Văn Chấn, Yên Bái	031468595	2.900.000	1	2.900.000	
39	31/3/2022	Hà Văn Chương	Tổ Bán Tân Pù Trang, Thị Xã Nghĩa Lộ, Yên Bái	031096006981	3.500.000	1	3.500.000	
40	31/3/2022	TRẦN QUỐC TOÀN	Dương Kinh, HP	031092006607	2.600.000	1	2.600.000	
41	31/3/2022	Nguyễn Đức Duy	Quang Phúc - Tiên Lãng - Hải Phòng	036089005807	3.800.000	1	3.800.000	
42	31/3/2022	Hoàng Văn Trung	Kim Sơn, Bảo Yên, Lào Cai	036068013199	2.900.000	1	2.900.000	
TỔNG CỘNG							133.500.000	

Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng/.

Người lập bảng kê

PHẠM TRUNG DŨNG



Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Giám đốc

NGUYỄN XUÂN SÁNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Số 58 (km1+400) đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN THỦ LAO CÔNG TRÌNH BỜ XUYÊN 2

Tháng 3 năm 2022

STT	Ngày tháng bàn giao và nghiệm thu	Tên người bán	Thời gian thực hiện	Giá trị giao khoán	Phạt hợp đồng, tiền độ	Giá trị thanh toán
	(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)
1	31/3/2022	Hoàng Thị Xuân	1	3.200.000		3.200.000
2	31/3/2022	Lò Văn Diên	1	3.600.000		3.600.000
3	31/3/2022	Lù Thị Trường	1	2.900.000		2.900.000
4	31/3/2022	Lù Văn Sim	1	3.900.000		3.900.000
5	31/3/2022	Lò Văn Tiến	1	2.600.000		2.600.000
6	31/3/2022	Hà Văn Thế	1	2.600.000		2.600.000
7	31/3/2022	Sùng Thị Trắng	1	3.100.000		3.100.000
8	31/3/2022	Quảng Văn Inh	1	3.400.000		3.400.000
9	31/3/2022	ĐẶNG VĂN QUÝ	1	3.200.000		3.200.000
10	31/3/2022	Đỗ Quốc Oai	1	3.500.000		3.500.000
11	31/3/2022	Lương Thị Thu	1	3.100.000		3.100.000
12	31/3/2022	Hà Văn Điện	1	2.900.000		2.900.000
13	31/3/2022	La Thị Sáng	1	3.200.000		3.200.000
14	31/3/2022	Lò Văn Thương	1	3.200.000		3.200.000
15	31/3/2022	Lù Văn Kiếm	1	3.400.000		3.400.000
16	31/3/2022	Trần Thị Cúc	1	2.900.000		2.900.000
17	31/3/2022	Đỗ Minh Đường	1	3.900.000		3.900.000
18	31/3/2022	Giảng Seo Tùng	1	2.400.000		2.400.000
19	31/3/2022	Lường Văn Du	1	3.700.000		3.700.000
20	31/3/2022	Lường Văn Thanh	1	3.400.000		3.400.000
21	31/3/2022	TRẦN VĂN SƠN	1	2.900.000		2.900.000
22	31/3/2022	Tông Văn Chiến	1	3.200.000		3.200.000
23	31/3/2022	Sùng A Sứ	1	2.600.000		2.600.000
24	31/3/2022	Nguyễn Viết Khoát	1	2.600.000		2.600.000
25	31/3/2022	Phạm Văn Lợi	1	3.900.000		3.900.000
26	31/3/2022	Lò Văn Quyết	1	3.800.000		3.800.000

STT	Ngày tháng bàn giao và nghiem thu	Tên người bán	Thời gian thực hiện	Giá trị giao khoán	Phạt hợp đồng, tiền độ	Giá trị thanh toán
	(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)
27	31/3/2022	Lò Văn Nội	1	2.900.000		2.900.000
28	31/3/2022	Lường Văn Pôm	1	2.900.000		2.900.000
29	31/3/2022	Hà Văn Huỳnh	1	3.900.000		3.900.000
30	31/3/2022	TRẦN VĂN THÀNH	1	3.600.000		3.600.000
31	31/3/2022	Quảng Văn Sỹ	1	3.600.000		3.600.000
32	31/3/2022	Quan Văn Thọ	1	3.500.000		3.500.000
33	31/3/2022	Nguyễn Thị Hạnh	1	2.900.000		2.900.000
34	31/3/2022	Mai Văn Phước	1	2.900.000		2.900.000
35	31/3/2022	LÊ TRỌNG HƯNG	1	2.900.000		2.900.000
36	31/3/2022	Lý Văn Tài	1	3.200.000		3.200.000
37	31/3/2022	La Thị Chuẩn	1	2.400.000		2.400.000
38	31/3/2022	Đinh Văn Khánh	1	2.900.000		2.900.000
39	31/3/2022	Hà Văn Chương	1	3.500.000		3.500.000
40	31/3/2022	TRẦN QUỐC TOÀN	1	2.600.000		2.600.000
41	31/3/2022	Nguyễn Đức Duy	1	3.800.000		3.800.000
42	31/3/2022	Hoàng Văn Trung	1	2.900.000		2.900.000
TỔNG CỘNG				133.500.000		133.500.000

Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng./.

Người lập bảng kê

PHẠM TRUNG DŨNG



Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Giám đốc

NGUYỄN XUÂN SÁNG

❖ Ngày 31/03/2022 thanh toán tiền lương trực tiếp CT Bò Xuyền 2 bằng tiền mặt, số tiền là 133.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số 2/TT
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Quyển số:
Số: PC069/03

Nợ 334: 133.500.000
Có 1111: 133.500.000

Họ tên người nhận tiền: *Phạm Trung Dũng*
Địa chỉ: *Công ty cổ phần xây dựng GM*
Lý do: *Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022 CT Bò Xuyền*
Số tiền: 133.500.000 đ
Viết bằng chữ: *Một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*
Kèm theo: chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) *Một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

	Giám đốc (ký, họ tên) <i>Nguyễn Xuân Sáng</i>	Kế toán trưởng (ký, họ tên) <i>Lê Thị Nhung</i>	Người lập phiếu (ký, họ tên) <i>Đặng Mai Anh</i>	Thủ quỹ (ký, họ tên) <i>Hoàng Thị Vân</i>	Người nhận tiền (ký, họ tên) <i>Phạm Trung Dũng</i>
--	---	---	--	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương sanfu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung năm 2022 – Nghiệp vụ hạch toán và thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022

CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
334 - Phải trả công nhân viên
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			2.035.245.268
...	...			...	...
10/03/2022	PC061/03	Vũ Hoài Phương - Tạm ứng lương tháng 2 cho cbenv	1111	51.633.333	
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng	6421		351.081.682
20/03/2022		Thanh toán lương tháng 2 - Lương Lão Cai	6271		324.291.223
...	...	...		...	...
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3383	35.590.400	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3384	7.331.685	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3386	4.448.800	
...	...	...		...	...
24/03/2022	BN075/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 2/2022	1121	826.789.437	
24/03/2022	PC042/030	Thanh toán lương gián tiếp 02/2022 - VP	1111	3.953.000	
...	...	...		...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023	622		3.598.626.102
31/03/2022	PC069/03	Phạm Trung Dũng - Thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022	1111	133.500.000	
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		6.870.455.872	6.860.135.880
		Số dư cuối quý IV/2022		10.319.992	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		61.008.486.672	60.908.486.672

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 334 năm 2022 – Nghiệp vụ hạch toán và thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022

2.6.9. Các khoản giảm trừ vào lương

Các khoản giảm trừ vào lương bao gồm:

- Tiền trích nộp BHXH, BHYT hàng tháng (Theo quy định của quy luật BHXH)
- Tiền trích nộp BHTN (Theo quy định của luật BHXH).
- Tiền trích nộp KPCĐ (Theo quy định của Công ty và nhà nước).
- Thuế TNCN, tạm ứng, các khoản phạt, bồi thường (nếu có).

a. Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Căn cứ theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ quy định về tỷ lệ trích bảo hiểm:

Các khoản BH trích theo lương	Trích vào Chi phí của DN	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)	17%	8%	25%
2. Bảo hiểm y tế (BHYT)	3%	1.5%	4.5%
3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	0%	1%	1%
Tổng các khoản BH	20%	10.5%	30.5%
4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	2%		2%
Tổng các khoản Bảo hiểm + Công đoàn	22%	10.5%	32.5%

Bảng 2.4. Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/06/2022

Bảo hiểm xã hội (BHXH): từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/06/2022, hàng tháng DN phải đóng cho Cơ quan BHXH là: 30.5% (BHXH, BHYT, BHTN). Trong đó Trích vào chi phí của DN là 20% và trích vào tiền lương của người lao động là 10.5%.

Bảo hiểm y tế (BHYT): Mức trích lập BHYT bằng 4,5% mức tiền lương, tiền công hằng tháng của người lao động, trong đó người sử dụng lao động đóng góp 3% và người lao động đóng góp 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) : Tỷ lệ trích lập BHTN của DN là 1% do trích từ lương người lao động.

Kinh phí công đoàn: Tỷ lệ trích lập của khoản này là 2% trên tổng thu nhập của người lao động và toàn bộ khoản này sẽ được tính vào chi phí của doanh nghiệp.

- *Ví dụ: Tính trích nộp BHXH, BHYT, BHTN lương tháng của Trưởng phòng kỹ thuật tại công ty Cổ phần xây dựng GM vào tháng 02/2022.*

Tiền lương trích bảo hiểm: 5.140.000đ.

Tổng các khoản trích từ lương người lao động: 590.700. Trong đó:

- Trích nộp BHXH: $5.140.000đ \times 8\% = 411.200đ$
- Trích nộp BHYT: $5.140.000đ \times 1.5\% = 77.100đ$
- Trích nộp BHTN: $5.140.000đ \times 1\% = 51.400đ$

Tổng các khoản trích từ chi phí của doanh nghiệp. 1.028.000đ. Trong đó:

- Trích nộp BHXH: $5.140.000đ \times 17\% = 873.800đ$
- Trích nộp BHYT: $5.140.000đ \times 3\% = 154.200đ$

(Tính tổng các khoản trích nộp của các nhân viên khác thuộc bộ phận gián tiếp tương tự)

❖ Ngày 20/03/2022, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2023



BẢNG KÊ TRÍCH NỘP BHXH, BHYT, BHTN
Tháng 2 năm 2022

STT	Họ và tên	Quỹ lương trích BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội			Bảo hiểm y tế			Bảo hiểm thất nghiệp		Tổng cộng			Ghi chú
			Tổng số (25%)	Trích vào chi phí (17%)	Trừ vào lương (8%)	Tổng số (4,5%)	Trích vào chi phí (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Tổng số (1%)	Trừ vào lương (1%)	Tổng số (30,5%)	Trích vào chi phí (20%)	Trừ vào lương (10,5%)	
A	B	1	2 = 3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10=2+5+8	11=3+6	12=4+7+9	
1	Trần Văn Vũ	7.522.000	1.880.500	1.278.740	601.760	338.490	225.660	112.830	75.220	75.220	2.294.210	1.504.400	789.810	
2	Nguyễn Xuân Sáng	7.522.000	1.880.500	1.278.740	601.760	338.490	225.660	112.830	75.220	75.220	2.294.210	1.504.400	789.810	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
52	Nguyễn Trọng Hoàng	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
53	Phạm Minh Tiến	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
78	Nguyễn Công Vương	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
79	Ngô Minh Điều	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
80	Trần Văn Chuyên	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
81	Lê Hải Dương	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
84	Mai Thế Anh	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
85	Nguyễn Văn Lương	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
86	Bùi Văn Văn	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
89	Ngô Ngọc Tấn	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
Cộng		450.356.600	111.220.000	75.629.600	35.590.400	20.678.085	13.346.400	7.331.685	4.448.800	4.448.800	136.346.885	88.976.000	47.370.885	

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TP. TCHC

GIÁM ĐỐC

LÀ THỊ THẨM

Vũ Hoài Phương

Nguyễn Xuân Sáng

Bảng trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương sanfu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung về việc hạch toán trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
334 - Phải trả công nhân viên
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			2.035.245.268
...	...			...	...
10/03/2022	PC061/03	Vũ Hoài Phương - Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	1111	51.633.333	
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng	6421		351.081.682
20/03/2022		Thanh toán lương tháng 2 - Lương Lào Cai	6271		324.291.223
...	...	...		...	...
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3383	35.590.400	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3384	7.331.685	
20/03/2022	PC007/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 2/2022	3386	4.448.800	
...	...	...		...	...
24/03/2022	BN075/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 2/2022	1121	826.789.437	
24/03/2022	PC042/030	Thanh toán lương gián tiếp 02/2022 - VP	1111	3.953.000	
...	...	...		...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023	622		3.598.626.102
31/03/2022	PC069/03	Phạm Trung Dũng - Thanh toán lương trực tiếp tháng 03/2022	1111	133.500.000	
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		6.870.455.872	6.860.135.880
		Số dư cuối quý IV/2022		10.319.992	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		61.008.486.672	60.908.486.672

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 334 năm 2022 về nghiệp vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
338 - Phải trả, phải nộp khác
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...			...	...
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	1121	136.346.885	
...	...	...		...	...
18/03/2022	BN055/03	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội - Thanh toán tiền thuê tài chính	1121	51.351.567	
...	...	...		...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		88.976.000
			334		47.370.885
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		664.662.699	482.999.099
		Số dư cuối quý IV/2022		1.631.360	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		2.723.602.611	2.721.971.251

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

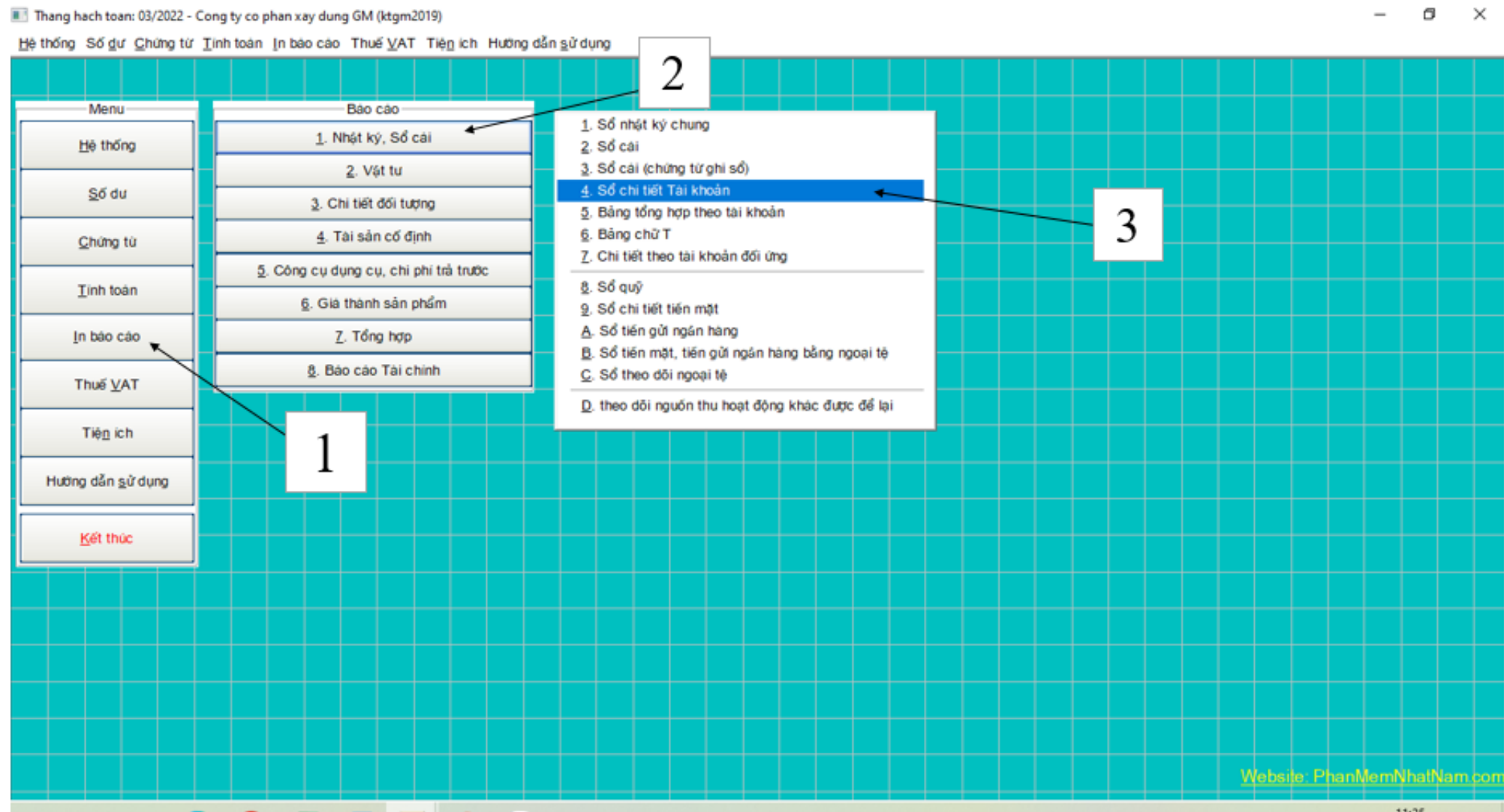
GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 338 năm 2022 về nghiệp vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022



Các thao tác mở sổ Chi tiết tài khoản trên phần mềm kế toán

Thang hạch toán: 05/2023 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Hệ thống Sổ dự Chứng từ Tính toán In báo cáo Thuế VAT Tiệp ích Hướng dẫn sử dụng

4. Nhập thời gian cần in

5. Nhập tài khoản cần in

6. Chọn tài khoản cần in

7. Chọn lịch in

Số chi tiết tài khoản

Chọn thời gian in

Từ tháng: 01/2022 Đến tháng: 12/2022

Mỗi đối tượng là một báo cáo ☐ Các đối tượng chung một báo cáo ☐

Loại tiền: VND ☐ Quy VND

Chọn tài khoản muốn in:

Chọn	Không	Tài khoản	Tên tài khoản
☐	☐	337	Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng
☐	☐	338	Phải trả, phải nộp khác
☐	☐	3381	Tài sản thừa chờ giải quyết
☐	☐	3382	Kinh phí công đoàn
☒	☐	3383	Bảo hiểm xã hội
☒	☐	3384	Bảo hiểm y tế
☐	☐	3385	Phải trả về có phản hoa
☒	☐	3386	Bảo hiểm thất nghiệp
☐	☐	3387	Doanh thu chưa thực hiện
☐	☐	3388	Phải trả, phải nộp khác
☐	☐	341	Vay và nợ thuê tài chính
☐	☐	3411	Các khoản đi vay
☐	☐	34111	Vay ngắn hạn
☐	☐	34112	Vay dài hạn
☐	☐	3412	Nợ thuê tài chính
☐	☐	343	Trái phiếu phát hành

In báo cáo Xem chứng từ Kết thúc Chọn tất

Các thao tác mở sổ Chi tiết tài khoản trên phần mềm kế toán

So chi tiết Tài khoản

1 of 1+ 100% Total:99 100% 99 of 99

Xem bảng Excel Kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S38-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
3383 - Bảo hiểm xã hội
Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
24/01/2022	134/01	Ngân hàng BIDV - CN Đồng Hải Phòng - Nộp BHXH tháng 01/2022	1121	112.513.550	
		Cộng tháng 01/2022		112.513.550	
		Số dư cuối tháng 01/2022		112.513.550	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 01/2022		112.513.550	
20/02/2022	CT017/02	Trích BHXH, BHYT, KPCD tháng 01/2022	6428		76.509.214
20/02/2022			334		36.004.336
		Cộng tháng 02/2022			112.513.550
		Số dư cuối tháng 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		112.513.550	112.513.550
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	1121	111.220.000	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCD tháng 02/2022	6428		75.629.600
20/03/2022			334		35.590.400
		Cộng tháng 03/2022		111.220.000	111.220.000
		Số dư cuối quý I/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2022		223.733.550	223.733.550
20/04/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCD tháng 03/2022	6428		76.560.622
20/04/2022			334		36.028.528

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị Sổ chi tiết tài khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
3383 - Bảo hiểm xã hội
Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	6428		76.509.214
			334		36.004.336
		Cộng tháng 02/2022			112.513.550
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		112.513.550	112.513.550
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	112.220.000	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		75.629.600
			334		35.590.400
		Cộng tháng 03/2022		111.220.000	111.220.000
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		223.733.550	223.733.550
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		451.654.725	307.110.035
		Số dư cuối quý IV/2022		1.299.990	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		1.497.902.800	1.496.602.810

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3383 năm 2022 về nghiệp vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

3384 - Bảo hiểm y tế

Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	6428		13.501.626
			334		6.750.813
		Cộng tháng 02/2022			20.252.439
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		20.252.439	20.252.439
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	20.678.085	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		13.346.400
			334		7.331.685
		Cộng tháng 03/2022		20.678.085	20.678.085
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		40.930.524	40.930.524
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		79.929.135	54.196.065
		Số dư cuối quý IV/2022		229.410	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		269.743.743	269.514.333

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3384 năm 2022 về nghiệp vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

3386 - Bảo hiểm thất nghiệp
Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	334		4.500.542
		Cộng tháng 02/2022			4.500.542
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		4.500.542	4.500.542
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	334		4.448.800
		Cộng tháng 03/2022		4.448.800	4.448.800
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		8.949.342	8.949.342
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		35.473.980	24.087.140
		Số dư cuối quý IV/2022		101.960	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		77.023.606	76.921.646

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3386 năm 2022 về nghiệp vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

❖ Ngày 10/03/2022, nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022 bằng TGNH.

	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER Ngày/Date : 10/03/2022	Số/No : 205 Người lập/User:
THÔNG TIN ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICATION INFORMATION		
Tên chủ tài khoản / Acct Name: Công ty Cổ phần xây dựng GM Tại ngân hàng Việt Nam Thương Tín: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín At the bank of: Viet Nam Thuong Tin Commercial:		Số tài khoản / Acct No: 8585668
THÔNG TIN ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY INFORMATION		
Tên đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary's name: Bảo hiểm Xã hội quận Dương Kinh CMND/Hộ chiếu/ID/PP No: Ngày cấp/Date of issue: Ngân hàng thụ hưởng/Beneficiary's bank: Agribank - Chi nhánh Dương Kinh:		Số tài khoản/ Acct No: 2121202928165 Nơi cấp/Place of issue: Tỉnh, TP/ Province, City:
Số tiền bằng chữ/Transferred amount in words: MỘT TRAM BA MUOI SAU TRIEU BA TRAM BON MUOI SAU NGAN TAM TRAM Nội dung/Details: Nop tien BHXH TAM MUOI NAM DONG.		Bằng số/ In figures: 136,346,885 VND
* Mẫu ủy nhiệm chi được in từ Internet Banking của VietBank/Payment Order is printed via VietBank Internet Banking		

[illegible]

Màn hình phần mềm máy tính khi nhập nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbenv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương sanfu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung năm 2022 về nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
 Theo TT số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI
338 - Phải trả, phải nộp khác
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...			...	...
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	1121	136.346.885	
...	...	...		...	...
18/03/2022	BN055/03	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội - Thanh toán tiền thuê tài chính	1121	51.351.567	
...	...	...		...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		88.976.000
			334		47.370.885
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		664.662.699	482.999.099
		Số dư cuối quý IV/2022		1.631.360	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		2.723.602.611	2.721.971.251

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC**

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 338 năm 2022 về nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
3383 - Bảo hiểm xã hội
Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	6428		76.509.214
			334		36.004.336
		Cộng tháng 02/2022			112.513.550
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		112.513.550	112.513.550
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	112.220.000	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		75.629.600
			334		35.590.400
		Cộng tháng 03/2022		111.220.000	111.220.000
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		223.733.550	223.733.550
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		451.654.725	307.110.035
		Số dư cuối quý IV/2022		1.299.990	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		1.497.902.800	1.496.602.810

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3383 năm 2022 về nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

3384 - Bảo hiểm y tế

Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	6428		13.501.626
			334		6.750.813
		Cộng tháng 02/2022			20.252.439
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		20.252.439	20.252.439
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	20.678.085	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	6428		13.346.400
			334		7.331.685
		Cộng tháng 03/2022		20.678.085	20.678.085
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		40.930.524	40.930.524
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		79.929.135	54.196.065
		Số dư cuối quý IV/2022		229.410	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		269.743.743	269.514.333

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3384 năm 2022 về nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

3386 - Bảo hiểm thất nghiệp
Năm 2022

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ. ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
...	...	...		...	...
20/02/2022	CT107/02	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 01/2022	334		4.500.542
		Cộng tháng 02/2022			4.500.542
		Số dư cuối quý 02/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 02/2022		4.500.542	4.500.542
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 02/2022	1121	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022	334		4.448.800
		Cộng tháng 03/2022		4.448.800	4.448.800
		Số dư cuối quý 03/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 03/2022		8.949.342	8.949.342
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		35.473.980	24.087.140
		Số dư cuối quý IV/2022		101.960	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		77.023.606	76.921.646

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3384 năm 2022 về nghiệp vụ nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

b, Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ theo Phụ lục số 01/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 111/2013/TT-BTC

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} * \text{Thuế suất}$$

Bậc	Thu nhập tính thuế/tháng	Thuế suất	Tính thuế TNCN phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trđ)	5%	0 trđ + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trđ đến 10 trđ	10%	0,25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ	10%TNTT – 0,25trđ
3	Trên 10 trđ đến 18 trđ	15%	0,75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ	15%TNTT – 0,75 trđ
4	Trên 18 trđ đến 32 trđ	20%	1,95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ	20%TNTT – 1,65 trđ
5	Trên 32 trđ đến 52 trđ	25%	4,75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ	25%TNTT – 3,25 trđ
6	Trên 52 trđ đến 80 trđ	30%	9,75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ	30%TNTT – 5,85trđ
7	Trên 80 trđ	35%	18,15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ	35%TNTT – 9,85trđ

Bảng 2.5. Bảng tỷ lệ và cách tính thuế TNCN

Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 quy định về mức giảm trừ gia cảnh như sau:

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm). Thu nhập trên đã trừ đi các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc); các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học.
- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Nếu có 01 người phụ thuộc thì chỉ phải đóng thuế thu nhập cá nhân khi có tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công mỗi tháng trên 15.4 triệu đồng (có thêm 01 người phụ thuộc thì cộng thêm 4.4 triệu đồng).

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ

$$\begin{array}{lcl} \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản thu} \\ \text{chịu thuế} & = & \text{Tổng thu nhập} - \text{nhập được miễn} - \text{nhập không chịu} \\ & & \text{thuế} \qquad \qquad \qquad \text{thuế} \end{array}$$

- Ví dụ

Tính thuế TNCN của Trưởng phòng Kỹ thuật tại công ty Cổ phần xây dựng GM vào tháng 02/2022.

Thu nhập chịu thuế: 14.255.394đ

Thu nhập tính thuế (1 người phụ thuộc)

$$14.255.394đ - (590.700đ + 51.000đ) - 11.000.000đ - 4.400.000đ < 0$$

– Thuế TNCN: 0

– Tạm ứng: 0

Vậy lương thực nhận của Trưởng phòng kỹ thuật là:

$$14.255.394đ - (411.200đ + 77.100đ + 51.400đ + 51.000đ) = 13.667.694đ$$

❖ Ngày 10/03/2021 nộp thuế TNCN tháng 02/2022 cho người lao động số tiền 5.247.086 bằng TGNH

11:01 31/05/2023

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: NTDTLN
Số: 323222031055001

Số tham chiếu: 11220220124686104

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM
Địa chỉ: Số 58 (Km1+400), đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng
Quận/Huyện: Quận Dương Kinh

Mã số thuế: 0200906232

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tỉnh, TP:

Trích TK số: 32310000108943

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Dương Kinh - Hải Phòng

Tỉnh, TP: Thành phố Hải Phòng

Mở tài NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Quận Dương Kinh

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Dương Kinh - Chi cục Thuế khu vực Lê Chân - Dương Kinh

Thanh tra tài chính ☐
Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/02/2022	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công. Ghi chú: Thuế TNCN tháng 2.		5,247,086	757	1001
Tổng tiền					5,247,086		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: NĂM TRIỆU HAI TRĂM BỐN MƯƠI BẢY NGHÌN KHÔNG TRĂM TÁM MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....	
Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....	
Mã nguồn NSNN:.....		

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM
✓ Ngày ký :	10/03/2022 15:34:58
✓ Người ký :	Tổng cục Thuế
✓ Ngày ký :	10/03/2022 15:34:29
✓ Người ký :	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
✓ Ngày ký :	10/03/2022 15:34:24

Quay lại

In GHT

https://thuedientu.gdt.gov.vn/etaxnnt/Request?&dse_sessionId=do6VdEPEbHR0HJwgrRhLr53P&dse_applicationId=-1&dse_pageId=6&dse_oper... 1/1

Giấy nộp tiền thuế TNCN tháng 02/2022 vào Ngân sách Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương san fu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ nhật ký chung năm 2022 về nghiệp vụ nộp thuế TNCN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CÁI

333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			649.144.620
...	...	...		...	...
10/03/2022	BN034/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Nộp thuế TNCN tháng 02/2022	1121	5.247.086	
...	...	...		...	...
31/03/2022	CT056/03	Thuế TNCN tháng 3	334		140.110
31/03/2022	BN094/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Nộp thuế TNDN năm 2021		108.188.139	
...	...	...		...	...
		Cộng tháng 12/2022		4.295.400.451	5.077.771.261
		Số dư cuối quý IV/2022			3.044.493.435
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		30.900.640.527	33.287.174.046

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ cái TK 333 năm 2022 về nghiệp vụ nộp thuế TNCN tháng 02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
 Theo TT số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

3335 - Thuế thu nhập cá nhân

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			51.847.353
...	...	...	...	...	...
10/03/2022	BN034/03	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Nộp thuế TNCN tháng 2/2022	1121	5.247.086	
31/03/2022	BN094	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Nộp thuế TNDN năm 2021	1121	382.706	
...	...	...	...	...	...
		Cộng tháng 01/2022		2.824.480	3.392.468
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2022		90.218.670	41.763.785

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Trích Sổ chi tiết TK 3335 năm 2022 về nghiệp vụ nộp thuế TNCN tháng 02/2022

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

3.1. NHẬN XÉT CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

3.1.1. Ưu điểm:

Công ty Cổ phần xây dựng GM trong những năm gần đây đã luôn cố gắng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và đặc biệt là công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng. Những ưu điểm trong công tác kế toán được thể hiện qua những điểm:

❖ Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty đã xây dựng một tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có trình độ chuyên môn, trách nhiệm, nhiệt tình, phù hợp với hoạt động của Công ty trong thời kỳ công nghệ thông tin phát triển, công tác kế toán đảm bảo chất lượng, hoạt động hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty.

Chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong bộ máy kế toán được phân công rõ ràng, thống nhất và hợp lý giúp cho công tác hạch toán kế toán tại Công ty được thực hiện một cách nhanh chóng, có hiệu quả, đặc biệt có thể đáp ứng được khối lượng công việc rất lớn của Công ty vào dịp cuối năm. Điều này góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được trôi chảy, đúng tiến độ.

Ban lãnh đạo Công ty cũng có những sự quan tâm, thường xuyên trao đổi, nhận xét, tạo điều kiện cho nhân sự phòng kế toán có thể tham gia những khóa học nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời chủ động cập nhật các văn bản pháp luật, qua đó nâng cao trình độ và năng lực cho bộ máy kế toán của công ty.

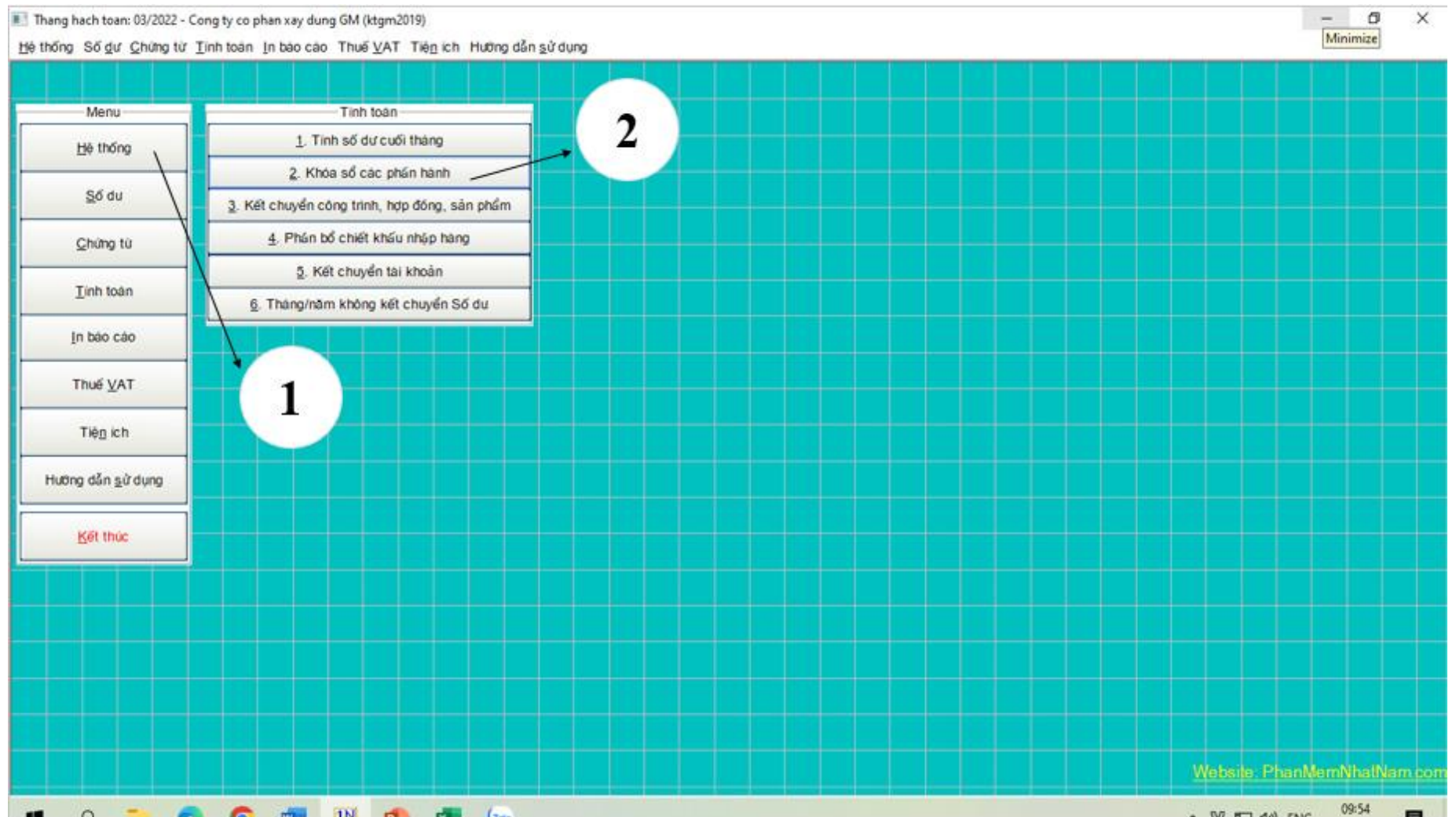
❖ Hình thức kế toán, sổ sách và chứng từ sử dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy sử dụng mẫu sổ của nhật ký chung bằng phần mềm kế toán Nhất Nam giúp cho công tác kế toán tại Công ty được thực hiện nhanh hơn, chính xác hơn, hiệu quả hơn hẳn so với hình thức kế toán thủ công.

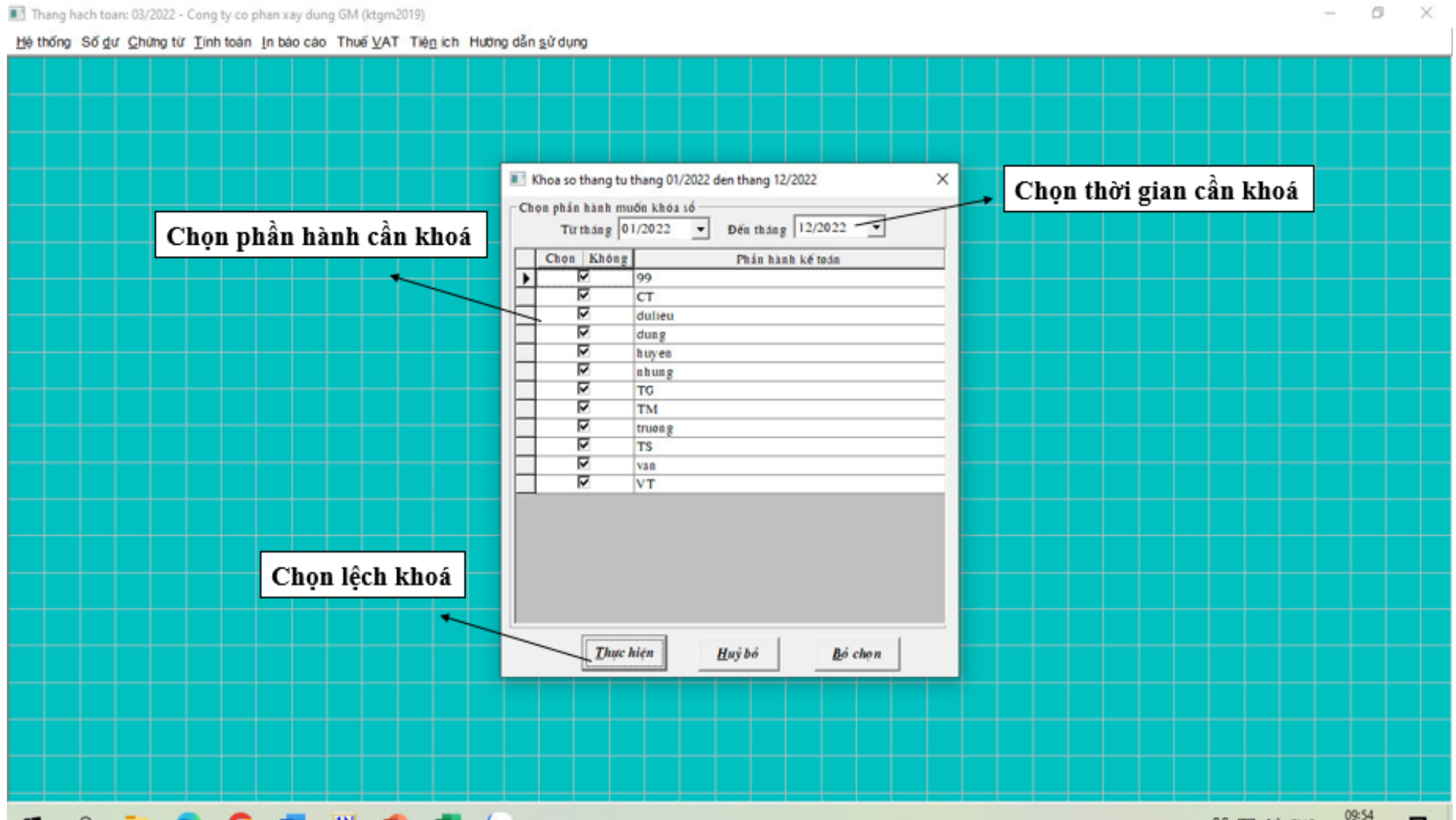
Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của Công ty và các bên liên quan. Sổ sách kế

toán phản ánh chính xác, trung thực công tác tính toán, thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên.

Mẫu sổ sách kế toán, chứng từ kế toán đều được tự động cập nhật liên tục theo quy định của Nhà nước, các tài khoản được sử dụng hợp lý, phù hợp với từng nghiệp vụ kế toán, đáp ứng được nhu cầu tổng hợp số liệu cũng như trong việc cung cấp thông tin, tiết kiệm được thời gian cho công tác kế toán. Do hệ thống sổ sách kế toán của Công ty được thực hiện trên máy tính và phần mềm kế toán nên việc lưu trữ trở nên đơn giản, gọn nhẹ, tiết kiệm hơn. Bên cạnh đó, phần mềm kế toán còn có chức năng khoá dữ liệu, phần hành của năm trước sau khi đã tính toán và lên Báo cáo tài chính, hoặc khoá phần hành hạn chế việc thêm, sửa số liệu trên chứng từ, đảm bảo số liệu trên sổ sách được chính xác, đảm bảo an toàn cho dữ liệu kế toán.

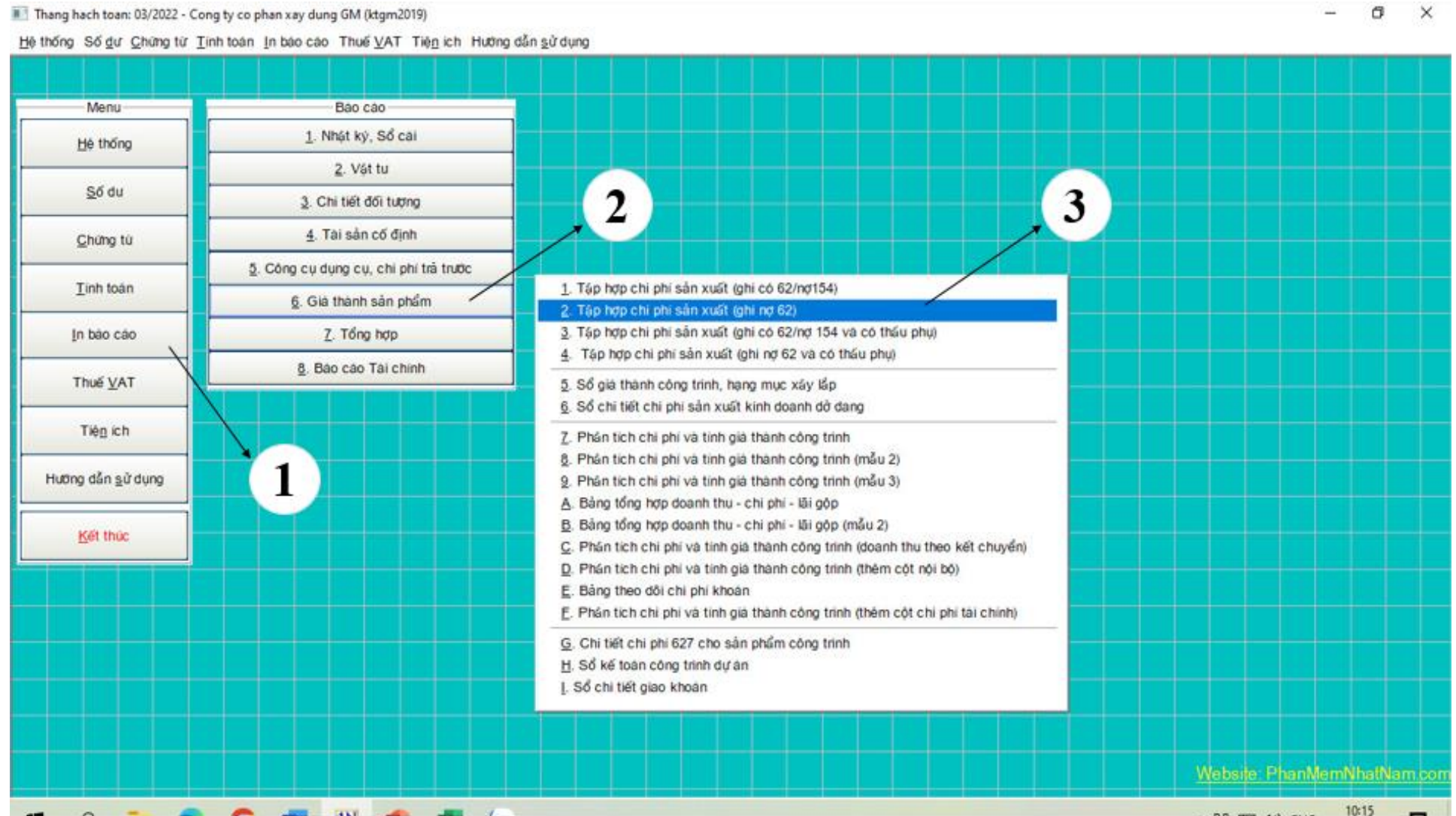


Các thao tác khóa phần hành trên phần mềm kế toán



Các thao tác khóa phần hành trên phần mềm kế toán

Với đặc thù kinh doanh của mình, việc sử dụng phần mềm kế toán Nhất Nam giúp Công ty có thể tập hợp chi phí nhân công của mỗi công trình theo từng tháng, theo dõi chi tiết chi phí của từng công trình là hoàn toàn phù hợp. Các thông tin, dữ liệu khi cần thiết có thể lọc và tra cứu một cách dễ dàng, nhanh chóng, kịp thời và tất cả thành viên trong bộ máy kế toán đều có thể truy cập và cập nhật dữ liệu vào cùng một thời điểm nên việc sử dụng rất tiện lợi, dữ liệu được thống nhất.



Các thao tác xem bảng tập hợp chi phí sản xuất của từng công trình trên phần mềm kế toán

Thang hạch toán: 03/2022 - Công ty cổ phần xây dựng GM (ktgm2019)

Hệ thống | Số dư | Chứng từ | Tính toán | In báo cáo | Thuế VAT | Tiện ích | Hướng dẫn sử dụng

Chọn thời gian cần in

Tập hợp chỉ phí sản xuất (ghi no 62)

Chọn thời gian in

☒ Từ tháng 01/2022 Đến tháng 12/2022 ☐ Mã cần tìm Tên cần tìm

Tài khoản -> Tất các tài khoản

☒ Mỗi đối tượng là một báo cáo ☐ Các đối tượng chung một báo cáo

Chọn khách hàng muốn in nhật ký:

Chọn	Không	Mã Ctrình	Tên công trình
☐	☐	BIETTHU	Biệt thự độc lập B9
☒	☒	BOXUYEN2	CT Nhà xây thô Bô Xuyên
☐	☐	BVPS	Bệnh Viện Phụ Sản
☐	☐	CAUCAN	Cải tạo Cầu Càn
☐	☐	CAUKIEN	ZIF - Cầu Kiền
☐	☐	CAUKIEN2	Xây dựng nhà văn phòng nhà xưởng 1,2,3 ZYP Cầu Kiền
☐	☐	CUUVIEN	Trường tiểu học bán trú Cù Viên
☐	☐	DIEMDIEN	Diêm Điền
☐	☐	GOBAIN	Mở rộng nhà kho nhà máy Hải Phòng 2021
☐	☐	HONDA	Xây dựng showroom oto Honda - Đông Sơn
☐	☐	LAOCAI	Thi công kết cấu phần trung tâm thương mại TheManor Lào Cai
☐	☐	LAOCAI2	Lào cai 2
☐	☐	LUONGTAI	Công trình nhà rác Lương Tài
☐	☐	LUONGTAI2	Bể xử lý Lương Tài - Bắc Ninh
☐	☐	MAYLU	Mây Lư
☐	☐	NAMCUONG	Công trình Nam Cường Đồ Sơn
☐	☐	PHUTHO	phutho
☐	☐	SA NHI	Công trình nhà máy sản xuất Vinacore

Chọn công trình cần xem

Chọn lịch in

Các thao tác xem bảng tập hợp chi phí sản xuất của từng công trình trên phần mềm kế toán

Tap hop chi phi san xuat (ghi no 62)

1 of 1+ 100% Total:212 100% 212 of 212

Trang : 1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Năm 2022

Mã BOXUYEN2: CT Nhà xây thô Bó Xuyên

Chứng từ		Diễn giải	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Sản xuất chung	Tổng
Số	Ngày						
PC017/01	08/01/2022	Nguyễn Thị Thanh Thủy-Thanh toán tiền cước viễn thông				175.000	175.000
PC046/02	28/02/2022	Nguyễn Thị Thanh Thủy-Chi phí cước viễn thông CT Bó Xuyên				175.000	175.000
PC033/03	19/03/2022	Nguyễn Thị Thanh Thủy-Chi phí vật tư CT Bó Xuyên				150.000	150.000
PC062/03	30/03/2022	Nguyễn Thị Phương-Thanh toán tiền in biển quảng cáo CT Bó Xuyên 2				15.590.750	15.590.750
CT058/03	31/03/2022	Chi phí lương trực tiếp các công trường tháng 03/2022		133.500.000			133.500.000
PC065/03	31/03/2022	Nguyễn Thị Thanh Thủy-Chi phí cước viễn thông CT Bó Xuyên				185.000	185.000
CT038/04	20/04/2022	Lương gian tiếp tháng 3-Lương Bó xuyên 2				6.608.537	6.608.537
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	3.044.998				3.044.998
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	10.909.000				10.909.000
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	39.009.267				39.009.267
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	38.725.632				38.725.632
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	335.370.024				335.370.024
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	33.071.882				33.071.882
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	30.094.289				30.094.289
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	337.086				337.086
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	99.945.999				99.945.999
PNXT036/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua cát + thép CT Bó Xuyên	238.825.431				238.825.431
PNXT037/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua bê tông CT Bó Xuyên 2	69.090.000				69.090.000
PNXT037/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Mua bê tông CT Bó Xuyên 2	173.454.480				173.454.480
PNXT037/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Chi phí bơm	3.786.601				3.786.601
PNXT037/0	28/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Chi phí bơm	9.506.484				9.506.484
CT067/04	29/04/2022	Công ty Cổ phần Damsan-Chi phí bơm bê tông CT Bó				1.222.224	1.222.224

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị bảng tập hợp chi phí sản xuất của CT Bó Xuyên 2

Việc luân chuyển chứng từ được quy định thống nhất, mọi chứng từ kế toán nói chung và kế toán tiền lương nói riêng luôn được lập và chuyển về phòng kế toán tránh việc bỏ sót thông tin, nghiệp vụ. Chứng từ kế toán là tài liệu quan trọng, minh chứng cho các nghiệp vụ kế toán phát sinh là có thật tại công ty, chính vì vậy nhân sự phòng kế toán luôn có ý thức, trách nhiệm thu thập, sắp xếp, quản lý chứng từ một cách cẩn thận, khoa học và bảo quản chứng từ ở vị trí và trong điều kiện tốt nhất.

❖ Công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty đã xây dựng một quy chế về lao động tiền lương theo đúng chế độ mà Nhà nước quy định. Quy chế lao động thường xuyên được sửa đổi cho phù hợp với chế độ mới ban hành. Các khoản tiền lương, thưởng, phụ cấp mà người lao động được hưởng tương đối đảm bảo tương xứng với năng lực, đóng góp của từng người.

Hệ thống tài khoản sử dụng trong quá trình hạch toán tiền lương tại Công ty áp dụng theo đúng quy định, nội dung phản ánh của từng tài khoản theo quy định của Bộ Tài Chính. Điều này giúp việc hạch toán các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương được chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định đúng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cũng như việc xác định kết quả kinh doanh được xác định chính xác hơn.

Công ty áp dụng hai hình thức trả lương là trả lương theo thời gian (Lương gián tiếp) và trả lương theo hình thức khoán (lương trực tiếp). Theo đó cách tính lương theo thời gian áp dụng cho công nhân viên của Công ty thông qua bảng chấm công chính và bảng chấm công làm thêm giờ và việc thanh toán lương được trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Lương khoán được áp dụng cho nhân công thuê ngoài thông qua hợp đồng giao khoán và trả lương hoàn toàn bằng tiền mặt. Cách tính lương đơn giản, dễ dàng theo dõi và thực hiện.

Việc áp dụng hình thức lương khoán cho công nhân ở các đội thi công công trình là rất hợp lý do các công trình chủ yếu ở xa văn phòng công ty, không tiện quản lý theo dõi thời gian và hiệu quả lao động của công nhân. Việc trả lương khoán góp phần kích thích người lao động làm việc trách nhiệm hơn, nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ công trình, đảm bảo công bằng cho người lao động.

Ngoài lương ra, người lao động còn được hưởng các khoản tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN theo tỷ lệ quy định giúp động viên, khuyến khích người lao động phát huy

năng lực cá nhân, hăng say lao động sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và đưa lại lợi nhuận cao cho công ty.

Công ty luôn cập nhật và thực hiện đúng tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian áp dụng do Nhà nước quy định, luôn hoàn thành nộp các quỹ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, thanh toán lương định kỳ đúng hạn như đã thỏa thuận với người lao động. Điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự quan tâm của Công ty đối với quyền lợi của người lao động.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những mặt tích cực đó, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty vẫn còn tồn tại những mặt chưa phù hợp cần được khắc phục như:

- **Thời gian quản lý lao động**

- **Thứ nhất:** Công ty chỉ áp dụng bảng chấm công thủ công để theo dõi ngày làm việc của nhân viên trong tháng, chưa có quy định nghiêm về việc quản lý thời gian làm việc của nhân viên nên chưa kiểm soát được thời gian vào làm và tan làm của nhân viên hợp lý, dẫn đến còn tình trạng một vài nhân viên thực hiện không đúng giờ giấc, ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc. Đặc biệt, các công trường ở xa Công ty nên việc theo dõi chấm công cho các cán bộ, nhân viên tại công trường bằng cách thủ công có thể không đảm bảo chính xác.
- **Thứ hai:** Bảng chấm công của Công ty chưa thể hiện được rõ ràng chi tiết số công nghỉ được hưởng BHXH, dẫn đến kế toán bị tăng thêm công việc và mất thêm thời gian để tổng hợp.
- **Thứ ba:** Công ty chưa xây dựng chế độ nghỉ phép năm cho nhân viên nên chưa đảm bảo được lợi ích về số ngày nghỉ của nhân viên.

- **Việc hạch toán tiền lương và các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương**

- **Thứ nhất:** Công ty chưa thực hiện việc trích và đóng KPCĐ đúng thời gian quy định. Theo Điều 6 Nghị định 191/2013/NĐ-CP về phương thức đóng KPCĐ: “Tổ chức, doanh nghiệp đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.”, tuy nhiên, Công ty không trích và đóng KPCĐ theo tháng cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động mà để đóng gộp nhiều tháng một lần.

So cái

1 of 1 100% Total:2 100% 2 of 2

Xem bảng Excel Kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Mẫu số: S03b-DN
Theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22-12-2014 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
3382 - Kinh phí công đoàn
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ Trang: 1

Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản đ.ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu			
25/04/2022	CT049/04	KPCĐ 6 tháng cuối năm 2021	6428		49.560.524
28/04/2022	BN083/04	Ngân hàng BIDV - CN Đông Hải Phòng - Nộp KPCĐ 6 tháng cuối năm 2021	1121	49.560.524	
		Cộng tháng 04/2022		49.560.524	49.560.524
		Số dư cuối tháng 04/2022			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 04/2022		49.560.524	49.560.524

Ngày: 02/06/2023 - Giờ: 17:53:02

Ngày 31 tháng 12 Năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh Lê Thị Nhung Nguyễn Xuân Sáng

Màn hình phần mềm kế toán hiển thị Sổ chi tiết TK 3382 năm 2022

- **Thứ hai:** Việc hạch toán tiền lương và các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương của Công ty chưa được hợp lý về mặt thời gian trong tháng. Kế toán thực hiện tạm ứng, nộp thuế thu nhập cá nhân, nộp BHXH, BHYT, BHTN trước, sau đó mới hạch toán tính lương cho người lao động dẫn đến việc các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép chưa thật hợp lý về nguyên tắc, quy trình và thời gian.
- **Thứ ba:** Việc diễn giải nghiệp vụ đôi lúc còn chưa được chính xác, dễ gây nhầm lẫn và ảnh hưởng đến sự chính xác của nội dung sổ sách.
- **Thứ tư:** Công ty có thực hiện chế độ khen thưởng năng suất cho người lao động, tuy nhiên việc khen thưởng của công ty chưa có quy định rõ ràng, chỉ phụ thuộc vào tình hình kinh doanh sản xuất của công ty và Ban giám đốc. Điều này khiến nhân viên không nắm rõ được quy chế thưởng của nhân viên để có mục tiêu phấn đấu, nâng cao năng lực cho công việc.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là một phần quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán của Công ty, vậy nên việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công ty là vấn đề quan trọng cần được quan tâm thường xuyên.

Việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương giúp Công ty đảm bảo tiền lương cho người lao động một cách công bằng, chính xác, thể hiện sự quan tâm của Công ty tới người lao động cả về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó, Công ty có thể đánh giá chính xác bản chất, thực trạng của mình, đưa ra các quyết định đúng đắn để tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, cùng với việc được tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác kế toán khi thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng GM, em nhận thấy bên cạnh những mặt tích cực, trong quá trình hạch toán, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty còn tồn tại một vài vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý và thực sự tốt ưu như được nêu bên trên. Do đó, em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương tại Công ty như sau:

- **Thứ nhất:** Thay vì sử dụng bảng chấm công thủ công, chỉ có thể thể hiện được số ngày công của người lao động, Công ty có thể sử dụng máy chấm công bằng vân tay để theo dõi chi tiết thời gian làm việc, thời gian làm thêm giờ cho nhân viên, từ đó có thể đưa ra các quy chế thưởng cho nhân viên chuyên cần, quy chế phạt cho nhân viên không chấp hành đúng thời gian làm việc theo quy định của công ty, nhân viên nghỉ nhiều hơn mức quy định. Máy chấm công vân tay sẽ ghi lại một cách khách quan và chính xác giờ giấc của nhân viên khi đặt tay xác nhận thành công vào máy chấm công. Việc này giúp việc theo dõi chấm công cho người lao động tiết kiệm thời gian hơn, nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn, đảm bảo tính công bằng giữa người lao động, đảm bảo người lao động thực hiện đúng và chấp hành thời gian làm việc hành chính của công ty.



Mô hình sử dụng máy chấm công vân tay

Em xin đưa ra mẫu bảng chấm công như sau:

BẢNG CHẤM CÔNG

THÁNG NĂM.....

[illegible]

Người chấm công
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

- | | | |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| - <i>Ôm: Ô</i> | - <i>Chủ nhật: CN</i> | - <i>Nghỉ phép: Nghi phép</i> |
| - <i>Con óm: Cô</i> | - <i>Nghỉ lễ: NL</i> | - <i>Làm nửa ngày: NN</i> |
| - <i>Thai Sản: TS</i> | - <i>Nghỉ bù: NB</i> | - <i>Nghỉ không lương: K</i> |

Bảng chấm công theo giờ và chi tiết ngày nghỉ hưởng lương và hưởng bảo hiểm được đề xuất

- **Thứ hai:** Công ty nên xây dựng chế độ nghỉ phép năm cho nhân viên căn cứ vào quy định số ngày nghỉ phép năm của người lao động được quy định cụ thể tại Bộ Luật lao động 2019. Việc có chế độ nghỉ phép năm giúp Công ty thể hiện sự quan tâm tới nhân viên, đảm bảo lợi ích cho nhân viên để nhân viên có thể sắp xếp công việc cá nhân, thời gian một cách hợp lý, tránh ảnh hưởng tới chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc. Công ty có thể Căn cứ vào Bộ luật lao động để xây dựng chế độ nghỉ phép năm cho nhân viên như sau:

Chế độ nghỉ phép:

- 12 ngày/ năm đối với cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty đủ 12 tháng (sau khi ký Hợp đồng lao động). Sau 5 năm làm việc liên tục tại Công ty sẽ được cộng thêm 01 vào ngày nghỉ phép hàng năm.
 - Trường hợp cán bộ công nhân viên không nghỉ hết số ngày phép do thôi việc hoặc bị mất việc làm thì sẽ được Công ty thanh toán tiền lương cho những ngày được nghỉ phép chưa nghỉ.
 - Trường hợp không nghỉ hết ngày nghỉ phép trong năm do không có nhu cầu nghỉ mà vẫn tiếp tục đi làm thì Công ty không phải thanh toán tiền lương cho những ngày nghỉ phép chưa nghỉ hoặc người lao động không nghỉ hết phép năm do không có nhu cầu nghỉ có thể thỏa thuận với Công ty để gộp ngày nghỉ phép còn dư sang các năm tiếp theo.
- **Thứ ba:** Công ty nên trích và nộp KPCĐ theo đúng tỷ lệ trích và thời gian nộp cho Cơ quan cấp trên.



BẢNG KÊ TRÍCH NỘP BHXH, BHYT, BHTN

Tháng 2 năm 2022

STT	Họ và tên	Quỹ lương trích BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội			Bảo hiểm y tế			Bảo hiểm thất nghiệp		Tổng cộng			Ghi chú
			Tổng số (25%)	Trích vào chi phí (17%)	Trừ vào lương (8%)	Tổng số (4,5%)	Trích vào chi phí (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Tổng số (1%)	Trừ vào lương (1%)	Tổng số (30,5%)	Trích vào chi phí (20%)	Trừ vào lương (10,5%)	
A	B	1	2 = 3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10=2+5+8	11=3+6	12=4+7+9	
1	Trần Văn Vũ	7.522.000	1.880.500	1.278.740	601.760	338.490	225.660	112.830	75.220	75.220	2.294.210	1.504.400	789.810	
2	Nguyễn Xuân Sáng	7.522.000	1.880.500	1.278.740	601.760	338.490	225.660	112.830	75.220	75.220	2.294.210	1.504.400	789.810	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
52	Nguyễn Trọng Hoàng	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
53	Phạm Minh Tiến	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
78	Nguyễn Công Vượng	4.809.000	1.202.250	817.530	384.720	216.405	144.270	72.135	48.090	48.090	1.466.745	961.800	504.945	
79	Ngô Minh Điều	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
80	Trần Văn Chuyên	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
81	Lê Hải Dương	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
84	Mai Thế Anh	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
85	Nguyễn Văn Lương	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
86	Bùi Văn Văn	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
89	Ngô Ngọc Tấn	4.729.400	1.182.350	803.998	378.352	212.823	141.882	70.941	47.294	47.294	1.442.467	945.880	496.587	
Cộng		450.356.600	111.220.000	75.629.600	35.590.400	20.678.085	13.346.400	7.331.685	4.448.800	4.448.800	136.346.885	88.976.000	47.370.885	

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TP. TCHC

GIÁM ĐỐC

LÃ THỊ THẨM

Vũ Hoài Phương

Nguyễn Xuân Sáng

Bảng kê trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022

Ví dụ: Căn cứ vào bảng kê trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022, tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội là: 450.356.600đ

Vậy mức KPCĐ tháng 02/2022 của Công ty phải đóng là:

$$450.356.600 \times 2\% = 9.007.132\text{đ}$$

Cùng ngày trích BHXH, BHYT, BHTN kế toán hạch toán trích nộp KPCĐ:

Nợ TK 6428: 9.007.132đ

Có TK 3382: 9.007.132đ

Cùng ngày nộp BHXH, BHYT, BHTN kế toán hạch toán nộp KPCĐ:

Nợ TK 3382: 9.007.132đ

Có TK 1121: 9.007.132đ

- **Thứ tư:** Kế toán nên thực hiện, hạch toán lương và các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương như hạch toán lương; trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; tạm ứng lương tháng, trích nộp bảo thuế TNCN, nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; thanh toán lương cho người lao động trong tháng theo một thời gian và trình tự hợp lý hơn, đúng quy trình hơn để việc theo dõi tiền lương và các khoản trích theo lương dễ dàng và hiệu quả hơn. Thay vì hạch toán các nghiệp vụ như Công ty đang thực hiện, kế toán có thể thực hiện hạch toán các nghiệp vụ theo trình tự và thời gian được đề xuất dưới đây. Bên cạnh đó, các nghiệp vụ như “Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng..../...” , “Tính lương tháng/.....” nên được diễn giải đúng theo nghiệp vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
10/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH tháng 2/2022	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
...	...	...	...	...	...	...	...
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
10/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
20/03/2022		Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
...	...	...	...	...	...	...	...
20/03/2022	CT034/03	Thanh toán lương tháng 2 - Lương san fu		6271	334	10.036.500	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2022	CT058/03	Chi lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Kế toán thực hiện và hạch toán các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương theo trình tự thời gian tại Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GM

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2022

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng	T.K nợ	T.K có	Số tiền	Ghi chú
Ngày	Số						
05/03/2022	CT034/03	Hạch toán tính lương tháng 2 - Lương văn phòng		6421	334	351.081.682	
05/03/2022	CT034/03	Hạch toán tính lương tháng 2 - Lương sanfu		6271	334	10.036.500	
05/03/2022		Trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022		334	3383	35.590.400	
05/03/2022		Trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022		334	3384	7.331.685	
05/03/2022		Trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022		334	3386	4.448.800	
05/03/2022		Trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022		6428	3383	75.629.600	
05/03/2022		Trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022		6428	3384	13.346.400	
06/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2022	Vũ Hoài Phương	3383	1121	111.220.000	
06/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2023	Vũ Hoài Phương	3384	1121	20.678.085	
06/03/2022	BN026/03	Ngân hàng Vietbank - Nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 02/2024	Vũ Hoài Phương	3386	1121	4.448.800	
06/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	3335	1121	5.427.086	
06/03/2022	CT016/03	Nộp thuế TNCN tháng 2	Ngân hàng Vietbank	6425	1121	11.000	
10/03/2022	PC016/03	Tạm ứng lương tháng 2 cho cbcnv	Vũ Hoài Phương	334	1111	51.633.333	
24/03/2022	PC042/03	Thanh toán lương gián tiếp tháng 02/2022 - VP		334	1111	3.953.000	
24/03/2022	BN075/03	Thanh toán tiền lương gián tiếp tháng 02/2022	Ngân hàng BIDV	334	1121	826.789.437	
31/03/2022	CT058/03	Hạch toán tính lương trực tiếp các công trình tháng 03/2023		622	334	3.598.626.102	
31/03/2022	PC069/03	Thanh toán tiền lương trực tiếp tháng 03/2022 - CT Bò Xuyên 2	Phạm Trung Dũng	334	1111	133.500.000	
		Tổng cộng:				3.563.391.953.693	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Mai Anh

Lê Thị Nhung

Nguyễn Xuân Sáng

Việc thực hiện và hạch toán các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương theo trình tự thời gian đề xuất

- **Thứ năm:** Công ty nên thiết lập một chế độ thưởng, phạt rõ ràng nhằm giúp nhân viên có ý thức hơn trong việc hoàn thành công việc. Công ty nên đề ra những hạn mức thời gian hoàn thành công việc theo kế hoạch. Tùy theo mức cao thấp để phân ra mức hoàn thành xuất sắc, đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu, từ đó phân loại chế độ thưởng phạt cho từng người. Hàng quý, Công ty nên tổ chức một đợt xét thưởng trong tháng do trưởng phòng nhận xét nhân sự trong phòng và Ban lãnh đạo nhận xét các trưởng phòng để xét duyệt khen thưởng đảm bảo tính công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên tại công ty.



DANH SÁCH THƯỞNG/PHẠT

Quý.....năm.....

STT	Họ và tên	Lương cơ bản (LCB)	Nhận xét của Trưởng phòng	Xếp loại			Tiền thưởng	Mức độ vi phạm			Tiền phạt
				A 50% LCB	B 30% LCB	C 15% LCB		1 10% LCB	2 20% LCB	3 50% LCB	

Mức thưởng:	Xếp loại A: 80% LCB (Khen thưởng + Tuyên dương)	- Thực hiện tốt nội quy, quy định của công ty. - Hoàn thành tốt và đúng tiến độ các công việc được giao. - Sáng tạo, đưa ra những sáng kiến, giải pháp nhiệt tình trong công việc, có thái độ làm việc chăm chỉ, tích cực. - Đề xuất và giới thiệu được những dự án mới cho Công ty.	Mức phạt:	Mức độ 1: 10% LCB (Phạt + Nhắc nhở)	- Đi muộn hoặc về sớm, không thực hiện việc mặc đồng phục quá 3 lần/tháng. - Trong tháng chưa hoàn thành công việc 2 - 3 lần. - Có thái độ không tốt với đồng nghiệp.
	Xếp loại B: 40% LCB (Khen thưởng)	- Thực hiện tốt nội quy, quy định của công ty. - Hoàn thành tốt và đúng tiến độ các công việc được giao. - Có thái độ làm việc chăm chỉ, tích cực.		Mức độ 2: 20% LCB (Phạt + Nhắc nhở)	- Thường xuyên đi muộn hoặc về sớm, không thực hiện việc mặc đồng phục quá 6 lần/tháng. - Trong tháng chưa hoàn thành công việc, bị nhắc nhở 4 - 5 lần. - Có thái độ không tốt với đồng nghiệp. Hay làm việc riêng trong giờ làm việc.
	Xếp loại C: 20% LCB (Khen thưởng)	- Thực hiện tốt nội quy, quy định của công ty. - Hoàn thành tốt, nhưng đôi lúc chưa đúng tiến độ các công việc được giao. - Có thái độ làm việc chăm chỉ, tích cực.		Mức độ 3: 50% LCB (Phạt + Ký luật)	- Thường xuyên đi muộn hoặc về sớm, không thực hiện việc mặc đồng phục quá 10 lần/tháng. - Thường xuyên không hoàn thành công việc, bị Trưởng phòng và ban lãnh đạo nhắc nhở nhiều lần. - Có thái độ không tốt với đồng nghiệp. Hay làm việc riêng trong giờ làm việc. Gây mất trật tự nơi làm việc.

Bảng danh sách thưởng/phạt và quy định mức thưởng/phạt đề xuất

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại **Công ty cổ phần xây dựng GM** đã giúp em nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán tại Công ty từ đó đã giúp em có cơ sở để đối chiếu giữa lý luận với thực tế để củng cố bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng, phương pháp của người nhân viên tài chính kế toán và đặc biệt là cách tổ chức thực hiện công tác kế toán. Việc tìm hiểu về công tác kế toán của Công ty giúp em nắm rõ hơn được kiến thức, rút ra những ưu nhược điểm của công tác kế toán tại Công ty và mạnh dạn đưa ra những ý kiến với mong muốn giúp công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty được hoàn thiện hơn. Công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương được tổ chức tốt sẽ giúp việc quản lý kinh doanh của Công ty chặt chẽ hơn, chính xác và đạt hiệu quả cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh đã luôn động viên, giúp đỡ, quan tâm em trong suốt quá trình học tập, đặc biệt là cô Phạm Thị Kim Oanh đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các phòng ban và đặc biệt là các anh chị trong phòng tài chính kế toán **Công ty cổ phần xây dựng GM** đã tạo điều kiện, giúp đỡ em rất nhiều trong giai đoạn thực tập tại Công ty và giai đoạn hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp của mình.

Do trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý kiến của các thầy cô giáo, cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để Khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Bộ Luật lao động 2019 số 45/2019/QH14 của Quốc ngày 20/11/2019. (Trang web Thư viện pháp luật)
3. Luật Bảo hiểm xã hội 2014 số 58/2014/QH13 của Quốc hội ngày 20/11/2014 (Trang web Thư viện pháp luật)
4. Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021.
5. Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 02/06/2020.
6. Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và nghị định số 65/2013/nđ-cp của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân.
7. Phụ lục số 01/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 111/2013/TT-BTC
8. Sổ sách, chứng từ, bảng biểu và các văn bản quy định về tiền lương tại Công ty Cổ phần Xây dựng GM.
9. Website: ketoanthienung.net